



Dự án

Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

BẢN DỊCH

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2024

THÔNG TIN VỀ CHẤT LƯỢNG

Tài liệu: Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số Dự án SACCR (Rev1)

Biên soạn: Phillip Hawes, Lê Ngọc Dũng, David Payne, Vũ Thái Trường

Lịch sử sửa đổi

Phiên bản	Ngày	Chi tiết
IPP	Ngày 6 tháng 6 năm 2023	Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội đã được GCF phê duyệt (5/6/2023)
IPP Rev1	Ngày 6 tháng 3 năm 2024	IPP sửa đổi để trình GCF sau khi phê duyệt Báo cáo tái cấu trúc (IPP Dự án SACCR Rev1) – cùng với ESMF Rev1, ESMF Rev1, IPPF Rev1 và GAP Rev1 sửa đổi

1. MỤC LỤC

TÓM TẮT BÁO CÁO	6
1. MÔ TẢ DỰ ÁN	7
1.1 Mô tả chung về dự án	7
1.2 Khu vực dự án	8
1.3 Các hợp phần/ hoạt động có thể tác động tới người dân tộc thiểu số	11
2. MÔ TẢ VỀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ BỊ ẢNH HƯỞNG VÀ NƠI SINH SỐNG CỦA HỌ	18
2.1 Mô tả các cơ cấu cộng đồng của những người bị ảnh hưởng	18
2.1.1 Định nghĩa về người bản địa (người DTTS) ở Việt Nam	18
2.1.2 Mô tả các nhóm DTTS tại địa điểm dự án	18
3. MÔ TẢ CÁC KHU VỰC VÀ TÀI NGUYÊN BỊ ẢNH HƯỞNG VÀ MỐI LIÊN HỆ/MỐI QUAN HỆ CỦA NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG VỚI CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN TƯƠNG ỨNG	28
3.1 Tây Nguyên	28
3.2 Duyên hải Nam Trung Bộ	29
3.3. Xác định nhóm dễ bị tổn thương trong số những người bị ảnh hưởng	29
4. TÓM TẮT CÁC QUYỀN CƠ BẢN VÀ KHUNG PHÁP LÝ	31
4.1 Pháp luật trong nước và quốc tế khẳng định và bảo vệ quyền của người dtts	31
4.1.1 Luật pháp, chính sách và quy định quốc gia	31
4.1.2 Các tiêu chuẩn xã hội và môi trường của UNDP	33
4.2 Phân tích các hoạt động của dự án liên quan tới đất đai	33
4.3 Phân tích về các hoạt động của dự án phụ thuộc vào việc công nhận tư cách pháp nhân của các DTTS bị ảnh hưởng	34
4.4 CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DTTS TẠI ĐỊA BÀN DỰ ÁN	34
5. TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI, VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU	38
5.1 Tóm tắt các phát hiện và khuyến nghị của các nghiên cứu và tham vấn về tác động môi trường và xã hội	38
5.2 Các biện pháp được hoạch định để tránh, giảm thiểu, giảm nhẹ hoặc đền bù cho những rủi ro tiềm ẩn và tác động bất lợi đối với người DTTS, tới đất đai, nguồn sinh kế của họ	48
6. QUY TRÌNH THAM GIA, THAM VẤN VÀ FPIC	55
6.1 Tóm tắt quá trình tham vấn phù hợp với văn hóa và FPIC của dự án	55
6.2 Cơ chế tham vấn thường xuyên và quy trình đồng thuận trong quá trình thực hiện dự án	60
6.3 Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin	60
7. LỢI ÍCH PHÙ HỢP	61
8. HỖ TRỢ NĂNG LỰC	62
9. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	62
10. TỔ CHỨC THỂ CHẾ	62
11. GIÁM SÁT, BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ	64
12. NGÂN SÁCH VÀ TÀI CHÍNH	67

PHỤ LỤC	70
Phụ lục I – Nhóm ngôn ngữ của cộng đồng DTTS vùng dự án.....	70
Phụ lục II – Lễ hội, nghi lễ và sự kiện truyền thống.....	70
Phụ lục III – Thời điểm thu hoạch của cộng đồng DTTS.....	71
Phụ lục IV – Bằng chứng về sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin (FPIC) từ cộng đồng và người DTTS liên quan đến các hoạt động của dự án SACCR tại Việt Nam	73
<i>Phụ lục IVa – Ví dụ về biên bản cuộc họp tham vấn</i>	<i>86</i>
<i>Phụ lục IVb – Tóm tắt nội dung của biên bản họp tham vấn</i>	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
<i>Phụ lục IVc – Mẫu cam kết ao riêng (tiếng Việt).....</i>	<i>92</i>
<i>Phụ lục IVd – Bản dịch mẫu cam kết ao riêng</i>	<i>93</i>
<i>Phụ lục IVe – Mẫu cam kết ao chung</i>	<i>95</i>
<i>Phụ lục IVf – Bản dịch mẫu cam kết ao chung</i>	<i>98</i>

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 Ước tính số công trình xây dựng quy mô nhỏ theo xã	15
Bảng 2 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Khánh Hòa	22
Bảng 3 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Ninh Thuận.....	23
Bảng 4 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Bình Thuận.....	24
Bảng 5 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Đắk Lắk (phần 1).....	24
Bảng 6 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Đắk Lắk (phần 2).....	25
Bảng 7 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Đắk Nông (phần 1)	25
Bảng 8: Dân số của các tỉnh dự án, 2019	29
Bảng 9. Người nghèo, cận nghèo và DTTS tại các tỉnh dự án (đơn vị: %).....	30
Bảng 11. Sàng lọc, đánh giá và tham vấn	38
Bảng 12 Tác động tiềm năng từ các can thiệp của dự án	45
Bảng 13 Các vấn đề tiềm ẩn đối với các DTTS và các biện pháp khắc phục có liên quan	49
Bảng 14 Quy trình công bố thông tin, tham gia và tham vấn	57
Bảng 15: Thông báo các hoạt động xây dựng năng lực dự án liên quan đến SES và người DTTS	62
Bảng 16 Kế hoạch giám sát của KH DTTS	65
Bảng 17 Kinh phí dự kiến cho KH DTTS.....	67

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Các khu vực tại Việt Nam - thể hiện các tỉnh mục tiêu của dự án SACCR.....	9
Hình 2: Bản đồ của năm tỉnh mục tiêu dự án SACCR.....	10
Hình 3: Vị trí huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hòa.....	11
Hình 4 Tham vấn cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận.....	58
Hình 5 Cơ cấu tổ chức dự án SACCR	63

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AE	Đơn vị ủy thác
CEMA/UBDT	Ủy ban Dân tộc
CIP	Diễn đàn đổi mới khí hậu
COP	Hội nghị các bên
CRA	Nông nghiệp chống chịu khí hậu
SNN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
DTTS	Dân tộc thiểu số
ESMP	Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội
ESMF	Khung Quản lý Môi trường và Xã hội
FPIC	Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin
FSS	Lớp học đồng ruộng
GAP	Kế hoạch Hành động Giới
GCF	Quỹ Khí hậu Xanh
GOV	Chính phủ Việt Nam
GRM	Cơ chế giải quyết khiếu nại
IPP/KH DTTS	Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số
IPPF	Khung lập kế hoạch người Dân tộc Thiếu số
LMC	Kết nối dặm cuối
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
NTP	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng Dân tộc Thiếu số
O&M	Vận hành và Bảo trì
PMU	Ban Quản lý Dự án
PPC	Ủy ban nhân dân Tỉnh
SACCR	Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ
REMDP	Kế hoạch Tái định cư và Phát triển Dân tộc Thiếu số
SEP	Kế hoạch huy động tham gia của các bên liên quan
SES	Tiêu chuẩn Xã hội và Môi trường
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
UNDRIP	Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Quyền của Người bản địa
UNFCCC	Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu
VBSP	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam
WEIDAP	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán

TÓM TẮT BÁO CÁO

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số (KH DTTS) này được xây dựng dựa trên Khung lập kế hoạch người Dân tộc Thiểu số (IPPF) của dự án và được nêu rõ tại Khoản 10.02. (j) trong Thỏa thuận hoạt động được tài trợ (FAA), tuân theo các nội dung được quy định trong Phụ lục của Hướng dẫn Tiêu chuẩn Xã hội và Môi trường (SES) 6 của UNDP và Đề cương chỉ dẫn trong Phụ lục I trong Khung lập kế hoạch người DTTS (IPPF) của Dự án: “*Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ*” (SACCR). KH DTTS cập nhật này phản ánh các thay đổi về thiết kế dự án, chi tiết có trong Báo cáo tái cấu trúc FP125-UNDP-13092023-RP, đã được Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) phê duyệt.

KH DTTS này được xây dựng dựa trên quá trình rà soát tài liệu, sàng lọc và tham vấn hiệu quả và kỹ lưỡng với sự tham gia của các bên liên quan và Người dân tộc thiểu số¹ (DTTS), cũng như thu thập số liệu tại các địa phương vùng dự án, bao gồm cả hai huyện mới bổ sung ở tỉnh Khánh Hòa (Khánh Sơn và Khánh Vĩnh). Trong quá trình xây dựng KH DTTS, các chuyên gia đã tới các địa phương vùng dự án và tham gia nhiều hoạt động với người dân, cộng đồng DTTS, các trường thôn, đại diện cộng đồng và lãnh đạo chính quyền địa phương. Kế hoạch DTTS được xây dựng theo Chính sách Bảo vệ Môi trường và Xã hội của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) như là một Đơn vị Ủy thác (AE) của Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) và tuân theo hướng dẫn được nêu trong Khung kế hoạch DTTS của dự án.

KH DTTS nhận diện các cộng đồng người DTTS tại các địa điểm thực hiện dự án, thông tin về đất đai, tài nguyên, truyền thống và phong tục của họ, cũng như các tác động tích cực, tiêu cực tiềm tàng từ các hoạt động/can thiệp của dự án đối với người dân và cộng đồng DTTS. Các tác động tích cực tiềm năng được xác định là: i) tăng khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng thủy lợi và các phương thức tích trữ nước tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp; ii) hưởng lợi từ các kỹ thuật và công nghệ tưới tiết kiệm tiên tiến; iii) liên kết và tiếp cận thị trường tốt hơn; và) nâng cao năng lực để có sinh kế tốt hơn. Các tác động tiêu cực tiềm ẩn được xác định là bụi, tiếng ồn, chất thải được tạo ra và khả năng gây gián đoạn cho các hoạt động nông nghiệp trong quá trình thi công. Những tác động bất lợi tiềm ẩn này có tính chất tạm thời và chỉ liên quan đến các công trình với sự hỗ trợ của dự án.

Trên cơ sở đó, kế hoạch này đưa ra các biện pháp giảm thiểu cần thiết và các kế hoạch hành động để thực hiện các biện pháp cụ thể này. Quyền không tham gia dự án của cộng đồng và các quy trình liên quan của cộng đồng đã được xác định và thiết lập với cộng đồng. KH DTTS bao gồm các kế hoạch hành động, Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM), kế hoạch xây dựng năng lực và dự toán ngân sách, đồng thời, được bổ trợ bởi Kế hoạch Hành động Giới (GAP) của dự án. Các biện pháp giảm thiểu đã được xác định và đưa vào KH DTTS này sẽ được thực hiện cùng với các tài liệu về chính sách an toàn khác của dự án SACCR gồm Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP Rev1), Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMF Rev1), Khung lập kế hoạch người DTTS (IPPF Rev1), Kế hoạch Hành động Giới (GAP Rev1) và Kế hoạch huy động tham gia các Bên liên quan (SEP Rev1).

Bằng chứng về sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin (FPIC) đối với các hoạt động liên quan của cộng đồng và người DTTS cũng được dự án xây dựng phù hợp với KH DTTS này và các tài liệu về chính sách an toàn khác của dự án SACCR cần phải được thực hiện cùng với KH DTTS này.

¹ Việc sử dụng các thuật ngữ Người dân bản địa (NBD) và Người dân tộc thiểu số (DTTS) được nêu trong Phần 1.3.5 của Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMF) cập nhật.

1. MÔ TẢ DỰ ÁN

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số (KH DTTS) này được xây dựng dựa trên Khung lập kế hoạch người Dân tộc Thiểu số (IPPF) của dự án và được nêu rõ tại Khoản 10.02. (j) trong Thỏa thuận hoạt động được tài trợ (FAA), tuân theo các nội dung được quy định trong Phụ lục của Hướng dẫn Tiêu chuẩn Xã hội và Môi trường (SES) 6 của UNDP và Đề cương chỉ dẫn trong Phụ lục I trong Khung lập kế hoạch người DTTS (IPPF) của Dự án: “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ” (SACCR).

1.1 KHÁI NIỆM NGƯỜI BẢN ĐỊA/NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

Như đã nêu trong Mục 1.3.5 của ESMF, mục đích của IPP này và trong tất cả các tài liệu về chính sách an toàn liên quan của dự án, thuật ngữ ‘dân tộc thiểu số’ (DTTS) được sử dụng và được hiểu là ‘người bản địa’ khi đối chiếu với các hạng mục liên quan đến dự án và bối cảnh Việt Nam.

1.2 MÔ TẢ CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Dự án: “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ” (SACCR) được Chính phủ Việt Nam (GoV) và UNDP thực hiện nhằm trao quyền cho các nông hộ nhỏ để bị tổn thương tại năm tỉnh khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ - chú trọng tới phụ nữ và nông dân người DTTS - nhằm quản lý các rủi ro khí hậu ngày càng tăng đối với sản xuất nông nghiệp bằng cách đảm bảo nguồn nước, áp dụng các biện pháp nông nghiệp thích ứng với khí hậu và tăng cường khả năng tiếp cận một cách thực tế với thông tin khí hậu nông nghiệp, tín dụng và thị trường. Dự án thúc đẩy một sự thay đổi mô hình từ các biện pháp ngắn hạn, tạm thời sang sự phối hợp đầu tư nhiều bên, tích hợp hơn để duy trì sản xuất nông nghiệp của các nông hộ sản xuất nhỏ thông qua quản lý nông nghiệp và nước có tính đến rủi ro khí hậu.
2. Để đạt được mục tiêu của dự án, tình trạng khan hiếm nguồn nước do khí hậu gây ra được giải quyết thông qua cách tiếp cận hai hướng: (i) từ phía cung, với việc cung cấp cơ sở hạ tầng tưới tiêu hiệu quả và tăng khả năng trữ nước để giải quyết nguy cơ khan hiếm nước; (ii) từ phía cầu, thông qua việc áp dụng đa dạng hóa cây trồng chống chịu khí hậu, xử lý đất đai và thực hành nông học giúp giảm nhu cầu nước đầu vào cho sản xuất lương thực/nông nghiệp. Do đó, dự án đầu tư vào việc tạo điều kiện cho các nông hộ sản xuất nhỏ, đặc biệt là nông dân nghèo/cận nghèo, DTTS và phụ nữ, thích ứng với sự thay đổi ngày càng tăng của lượng mưa do khí hậu và hạn hán thông qua việc thực hiện hai Kết quả Đầu ra có mối quan hệ liên kết với nhau: (1) Cải thiện khả năng tiếp cận nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp chống chịu với biến đổi khí hậu của các nông hộ nhỏ để bị tổn thương trong bối cảnh biến động thất thường về lượng mưa và hạn hán do biến đổi khí hậu gây ra, và (2) tăng cường năng lực của các nông hộ nhỏ trong sản xuất nông nghiệp chống chịu khí hậu (CRA) và tiếp cận với thông tin khí hậu, tài chính và thị trường.
3. GCF đã phê duyệt những thay đổi được đề xuất trong Tài liệu tái cơ cấu FP125-UNDP-06032023-RP. Mục tiêu của dự án là hỗ trợ cho 132.836 hộ gia đình là đối tượng hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp tại các khu vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu thuộc các tỉnh Đắk

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Lắk, Đắk Nông, Ninh Thuận, Bình Thuận và Khánh Hòa, tương đương với 9,6% tổng dân số của năm tỉnh này. Hơn 200.798 cá nhân (tương đương với 50.199 nông hộ sản xuất nhỏ) sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ các biện pháp can thiệp của dự án trong việc xây dựng khả năng chống chịu cho các hệ thống cây trồng. Bên cạnh đó, hơn 330.544 cá nhân khác (tương đương với 82.636 hộ gia đình) sẽ được hưởng lợi gián tiếp thông qua việc nâng cao năng lực thể chế về đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường tiếp thông tin để quản lý rủi ro khí hậu và phổ biến rộng rãi các bài học và thực tiễn tốt nhất trong nông nghiệp chống chịu khí hậu

1.2 PHẠM VI DỰ ÁN

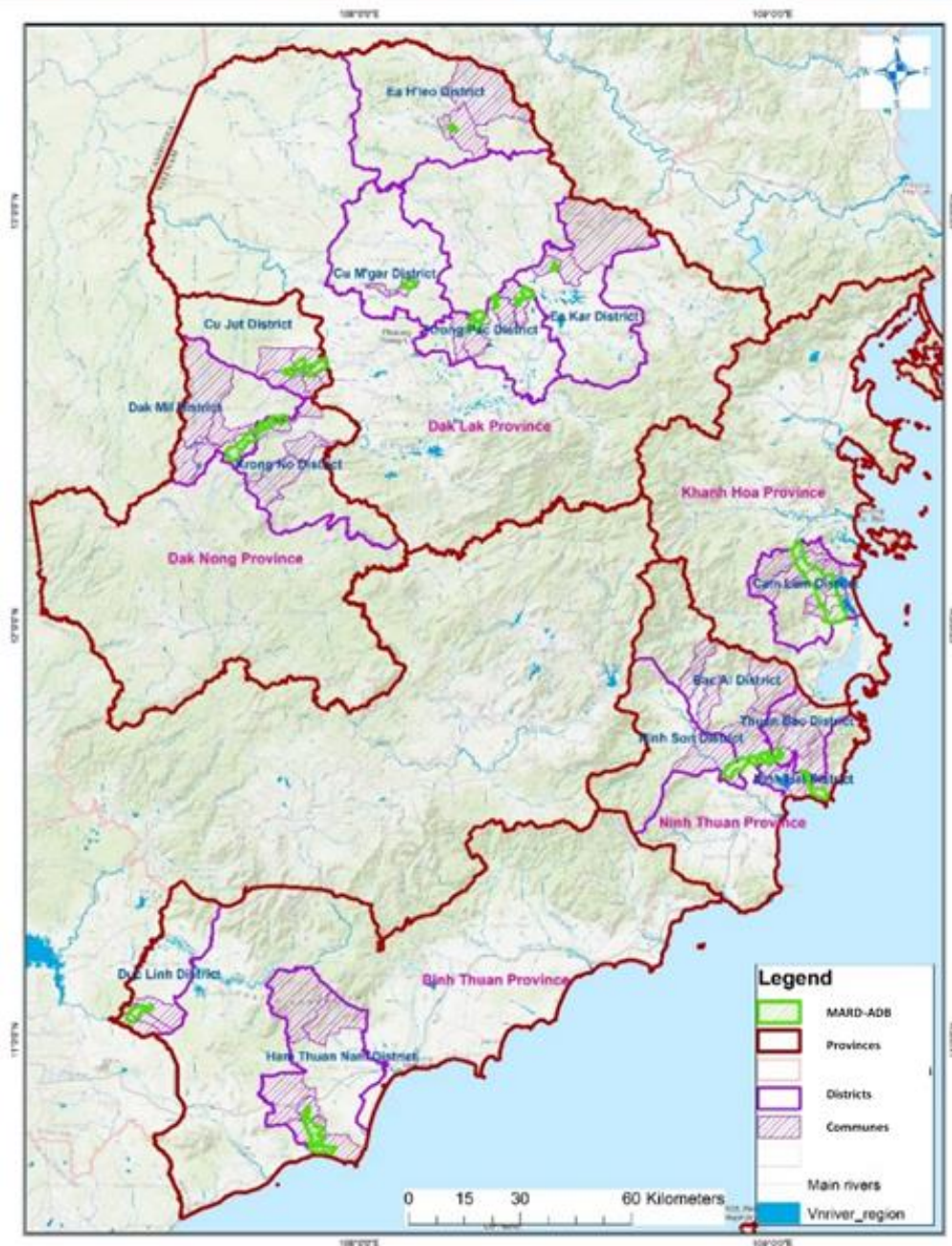
4. Việt Nam đặc biệt dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu và đã bị tác động bởi sự biến đổi và thay đổi khí hậu bất thường và ngày càng khốc liệt hơn. Khi xem xét mức độ phơi nhiễm, độ nhạy cảm và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, quốc gia này luôn được phân loại là “rủi ro rất cao” hoặc “rủi ro cực độ”. Hàng năm, Việt Nam bị ảnh hưởng rất lớn bởi nhiều sự kiện hiểm họa khí tượng thủy văn: hạn hán và cháy rừng từ tháng 1 đến tháng 4; bão nhiệt đới, mưa đá và gió; lũ ven biển, ven sông, lũ quét; mưa lớn và sạt lở đất từ tháng 6 đến tháng 12 và nhiệt độ cực đoan (các đợt sóng nhiệt lạnh và nóng) quanh năm. Mức độ phơi nhiễm của con người và tài sản kinh tế ngày càng tăng là nguyên nhân chính làm gia tăng thiệt hại kinh tế trong thời gian dài do các thảm họa liên quan đến thời tiết và khí hậu.
5. Hai khu vực dễ bị tổn thương nhất bởi rủi ro khí hậu là Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. Nông nghiệp và tài nguyên nước là nền tảng sinh kế của khoảng 64% người dân Tây Nguyên Việt Nam, đặc biệt là người DTTS chiếm 36,4 - 39,1% dân số toàn vùng. Khu vực Tây Nguyên dễ bị thay đổi về lượng nước trong mùa khô khi lượng mưa thấp và dòng chảy sông thấp. Chỉ có khoảng 27,8% diện tích đất nông nghiệp của khu vực được tưới tiêu và nông dân buộc phải khai thác nước ngầm cho mục đích tưới tiêu. Trong điều kiện hạn hán ngày càng khắc nghiệt gây ra bởi biến đổi khí hậu, các chiến lược đối phó của nông dân ngày càng kém hiệu quả. Nhiều nông dân khoan ba hoặc bốn giếng nhưng vẫn không có đủ nước và trở nên ngày càng phụ thuộc vào lượng mưa tự nhiên vốn đang có sự dao động ngày càng tăng.
6. Các khu vực mục tiêu của dự án tập trung vào năm tỉnh ở Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ (xem Hình 1), bao gồm các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông ở khu vực Tây Nguyên và các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ (Hình 1)

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số



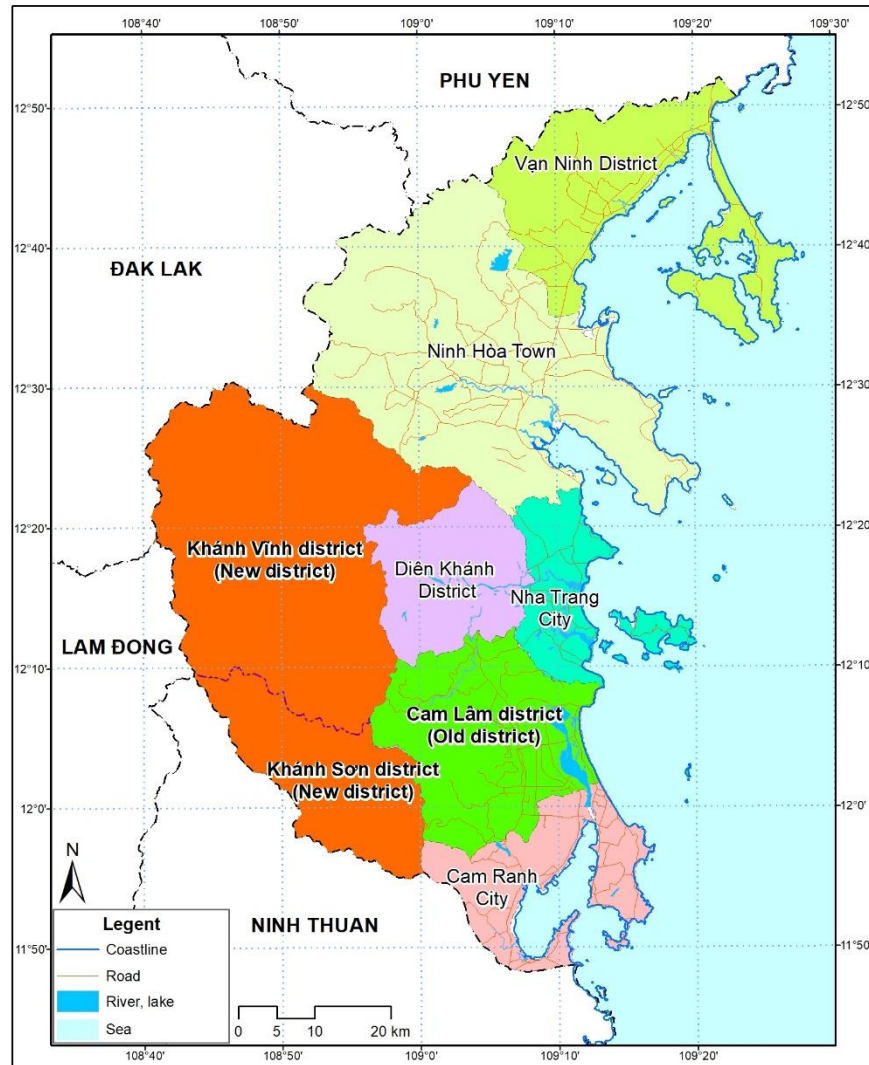
Hình 1: Các khu vực tại Việt Nam - thể hiện các tỉnh mục tiêu của dự án SACCR

7. Các địa điểm dự án cụ thể trong năm tỉnh này bao gồm 15 huyện và 68 xã như trong Hình 2 được lựa chọn để phục vụ các công trình thủy lợi trên tuyến chính được hỗ trợ thông qua nguồn đồng tài trợ từ dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP). Hầu hết các xã trong tổng số 68 xã (bao gồm tất cả các vùng dự án WEIDAP) đều kết hợp hệ thống cây trồng có tưới chủ động và tưới tự nhiên, 36 xã được tưới chủ động nhiều hơn tưới tự nhiên và 32 xã được tưới tự nhiên nhiều hơn tưới chủ động.



Hình 2: Bản đồ của năm tỉnh mục tiêu dự án SACCR

8. Như đã nêu trong Tài liệu đề xuất tái cơ cấu FP125-UNDP-06032023-RP, do những thay đổi trong quy hoạch tổng thể tỉnh Khánh Hòa được công bố vào năm 2022, dự án WEIDAP đã đề xuất rút khỏi huyện Cam Lâm của tỉnh Khánh Hòa. UBND tỉnh Khánh Hòa đề xuất các hoạt động của dự án SACCR sẽ được triển khai tại huyện Khánh Vĩnh và Khánh Sơn thay vì huyện Cam Lâm. Các huyện mới được đề xuất được quy hoạch để sản xuất nông nghiệp và có các đặc điểm xã hội và môi trường phù hợp với các Hoạt động 1.3, 1.4, 2.1, 2.2 và 2.3 của dự án SACCR. Các tài liệu chính sách an toàn của dự án bao gồm cả KH DTTS này sẽ được áp dụng tại tất cả các địa điểm dự án đã được phê duyệt.



Hình 3: Vị trí huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh tỉnh Khánh Hòa

1.3 CÁC HỢP PHẦN/ HOẠT ĐỘNG CÓ THỂ TÁC ĐỘNG TỚI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

9. Dự án SACCR bao gồm các hoạt động thuộc các kết quả đầu ra 1 và 2 sau đây:

Kết quả đầu ra 1: Tăng cường an ninh nước cho sản xuất nông nghiệp cho các nông hộ nhỏ để bị tổn thương khi đối mặt với sự biến đổi lượng mưa do khí hậu và hạn hán:

Hoạt động 1.1: Thiết lập cơ sở hạ tầng thủy lợi quy mô lớn để đưa nước tưới đến 08 (tám) khu vực canh tác ở các vùng mục tiêu ở năm tỉnh;

1.1.1 Lắp đặt mới 146.5 km các hệ thống ống điều áp để lấy nước từ kênh hoặc hồ chứa, và cung cấp vòi nước đặt ở khoảng cách hợp lý từ ruộng của nông dân;

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

1.1.2 Hiện đại hóa các hệ thống chính, bao gồm lớp lót kênh, cấu trúc điều khiển, cân bằng sức chứa, lắp đặt các thiết bị đo lường và điều khiển dòng chảy có giám sát từ xa cho 13.180 ha;

1.1.3 Xây dựng mới và cải tiến thay thế các đập tạm thời do nông dân xây dựng, các ao/hồ chứa cố định để tưới cho các loại cây trồng có giá trị cao (HVC) và nâng cấp các hệ thống cung cấp và lưu trữ ở thượng nguồn;

Hoạt động 1.2: Thiết lập các kết nối cuối cùng giữa công trình hạ tầng thủy lợi WEIDAP và các vùng canh tác của nông hộ nghèo và cận nghèo, giúp ứng phó với diễn biến phức tạp của lượng mưa và tình trạng hạn hán;

1.2.1 Thiết kế và xây dựng 3.733 hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu;

1.2.2 Tập huấn cho 3.733 nông hộ nghèo và cận nghèo về cách sử dụng các thiết bị tưới tiêu và bảo trì hệ thống để phòng có sự cố do biến đổi khí hậu.;

1.2.3 Thành lập các Nhóm sử dụng nước để vận hành và bảo dưỡng các hệ thống chung hoặc hệ thống dùng chung, bao gồm các cấu trúc và thỏa thuận về các cơ chế tài trợ tiềm năng;

Hoạt động 1.3: Tăng cường tưới bổ sung cho ruộng canh tác của các nông hộ nhỏ có tưới tự nhiên nhằm ứng phó với sự thay đổi lượng mưa và hạn hán;

1.3.1 Xây dựng hoặc nâng cấp 1.507 ao thích ứng với khí hậu (với thiết kế tương ứng với từng địa điểm đào ao, đào 849 ao mới và nâng cấp 658 ao hiện có)

1.3.2 Đào tạo cho hơn 17.000 nông dân nghèo và cận nghèo hưởng lợi về quản lý tài nguyên nước thích ứng với khí hậu để tăng cường cấp nước

1.3.3 Thành lập 218 nhóm quản lý ao để vận hành và bảo dưỡng (O&M), xây dựng cơ chế hoạt động và thỏa thuận tài trợ tiềm năng

Hoạt động 1.4: Nâng cao năng lực của các nông hộ nhỏ trong việc áp dụng các công nghệ và thực hành sử dụng nước hiệu quả nội đồng nhằm tối đa hóa năng suất nước để ứng phó với biến động về lượng mưa và tình trạng hạn hán;

1.4.1 Đào tạo hơn 21.200 nông dân thông qua 900 lớp học đồng ruộng (FFS) về quản lý đất và sinh khối để tăng cường khả năng giữ ẩm, bổ sung nước ngầm và năng suất nước để ứng phó với các rủi ro khí hậu gia tăng về an ninh nguồn nước (kết hợp với Hoạt động 2.1);

1.4.2 Tập huấn cho 30 cán bộ Sở NN & PTNT và nông dân nông cốt ở 15 huyện (mỗi khóa trong các năm 2, năm 4 và 6) để hỗ trợ các nhóm nông dân trong việc đồng thiết kế, chi phí và vận hành và bảo dưỡng (O&M) các công nghệ thích ứng với khí hậu, tiết kiệm nước;

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

1.4.3 Lắp đặt hệ thống sử dụng nước nội đồng hiệu quả cho 8.621 hộ nghèo/hộ cận nghèo liên quan đến hỗ trợ đầu tư dựa trên hiệu quả hoạt động (liên kết với Hoạt động 2.1);

1.4.4 Đào tạo nông dân sản xuất nhỏ ở 05 (năm) tỉnh về O&M đối với các công nghệ tiết kiệm nước chịu rủi ro do biến đổi khí hậu;

Kết quả đầu ra 2: Tăng khả năng chống chịu về sinh kế cho nông hộ nhỏ thông qua sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và tiếp cận với thông tin khí hậu, tài chính và thị trường;

Hoạt động 2.1: Đầu tư vào các yếu tố đầu vào và năng lực để mở rộng quy mô các hệ thống và thực hành canh tác thích ứng với khí hậu (quản lý đất, cây trồng, đất đai) giữa các nông hộ thông qua FFS;

2.1.1 Huy động sự tham gia của các nông hộ nhỏ để thành lập/mở lại 900 FFS

2.1.2 Đào tạo cán bộ của Sở NN&PTNT, nông dân nòng cốt và các bên quan tâm khác (NGO, Nông dân và Hội Phụ nữ, v.v.) để xây dựng đội ngũ nông dân nòng cốt nhằm khuyến khích việc ứng dụng và áp dụng các gói CRA (15 hội thảo cấp tỉnh cho 30 cán bộ Sở NN&PTNT trong năm 2, 4 và 6; 30 khóa tập huấn cấp huyện và 136 cấp xã cho 30 nông dân nòng cốt trong năm 2 và 6);

2.1.3 Đào tạo nông dân và các đối tượng khác trong chuỗi giá trị - đặc biệt là các nhà cung cấp đầu vào của khối tư nhân, người mua, người chế biến, người vận chuyển - thông qua 900 FFS về nhân rộng các hệ thống và thực hành canh tác thích ứng với khí hậu. (Mỗi FFS sẽ tiến hành các khóa đào tạo 1 ngày hai lần mỗi năm);

2.1.4 Hỗ trợ đầu tư cho 8.621 hộ nghèo/cận nghèo mục tiêu nhận vật tư đầu vào và công nghệ để thực hiện các gói CRA thông qua hệ thống phiếu tích điểm.

2.1.5 Đánh giá có sự tham gia việc tham gia hệ thống phiếu tích điểm, các hệ thống và thực hành cây trồng thích ứng với khí hậu (Một cuộc họp 1 ngày cho 100 người tham gia/60 xã trong các năm 2, 4 và 6);

Hoạt động 2.2: Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường khả năng tiếp cận thị trường và tín dụng cho các khoản đầu tư bền vững vào nông nghiệp thích ứng với khí hậu của các hộ quy mô nhỏ và các bên tham gia chuỗi giá trị;

2.2.1 Thiết lập và vận hành các Diễn đàn Đổi mới Khí hậu đa bên (CIP) ở từng tỉnh và ở cấp vùng sinh thái nông nghiệp (Hợp các bên liên quan được tổ chức hai năm một lần ở mỗi tỉnh/5 tỉnh);

2.2.2 Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo liên kết thị trường với đầu vào, nhà cung cấp thông tin và công nghệ và người mua để sản xuất nông nghiệp thích ứng với khí hậu (hai khóa đào tạo, hai hội thảo kết nối và ba hội chợ thương mại ở mỗi huyện/15 huyện/bốn năm);

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

2.2.3 Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nông dân tiếp cận tín dụng thông qua các trung gian tài chính (Một hội thảo/1 xã trong số 68 xã trong năm 2 và 4).

Hoạt động 2.3: Đồng phát triển và áp dụng thông tin tư vấn khí hậu nông nghiệp tại địa phương của các nông hộ để tăng cường sản xuất nông nghiệp thích ứng với khí hậu;

2.3.1 Đào tạo 50 cán bộ của Sở NN&PTNT về xây dựng và diễn giải các dự báo thu nhỏ sử dụng trong lập kế hoạch nông nghiệp (tám khóa đào tạo trong bốn năm cho 50 người tham gia);

2.3.2 Hỗ trợ kỹ thuật thành lập các nhóm kỹ thuật ACIS và đào tạo 420 người tham gia ở cấp huyện (hội thảo 1 ngày cho 30 người/15 huyện);

2.3.3 Đồng phát triển, thông qua việc lập kế hoạch theo kịch bản, có sự tham gia (PSP) đối với các bản tin khí hậu nông nghiệp theo mùa và 10 ngày/15 ngày phục vụ nông dân sản xuất nhỏ (20 khóa đào tạo cấp tỉnh cho 30 cán bộ và 60 khóa đào tạo cấp huyện cho 60 người tham gia trong bốn năm);

2.3.4 Phân phát các bản tin cho 132.836 hộ gia đình tại 68 xã.

10. Tất cả các hợp phần, hoạt động và tiểu hoạt động của dự án SACCR sẽ được tổ chức tại các địa điểm có sự hiện diện của người DTTS. Hơn nữa, các nhóm DTTS cũng được ưu tiên là người thụ hưởng của dự án SACCR. Do đó, tất cả các hợp phần, hoạt động và tiểu hoạt động của dự án đều có thể tác động tới người DTTS.
11. Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ DTTS, sẽ tham gia chặt chẽ vào quá trình tham vấn, thiết kế các can thiệp dự án, triển khai thực địa và giám sát cộng đồng. Bằng cách thực hiện GAP của dự án, các mục tiêu về đại diện, tiếng nói và vai trò lãnh đạo của phụ nữ được lên kế hoạch và đo lường như được nêu trong Phần 9 của GAP. Phần 6 và Phần 7 của KH DTTS này sẽ trình bày chi tiết hơn về cách phụ nữ DTTS được tham gia, tham vấn cũng như cách cung cấp và điều chỉnh các lợi ích cho phụ nữ DTTS.
12. KH DTTS này sẽ đề cập đến các tác động của các hoạt động thuộc nguồn tài chính của GCF và đồng tài trợ của Chính phủ đối với khoản trợ cấp của GCF (Hoạt động 1.2; 1.3; 1.4; 2.1; 2.2; và 2.3). Các hoạt động đánh giá cụ thể liên quan đến các tác động môi trường và xã hội tiềm năng hoặc thực tế của Hoạt động 1.1 của dự án, bao gồm các rủi ro tiềm ẩn và tác động bất lợi đối với các nhóm DTTS, đất đai, và tài nguyên của họ, được mô tả trong các Kiểm tra Môi trường Ban đầu (IEE) và Kế hoạch Quản lý Môi trường (EMP), các Kế hoạch Tái định cư và Phát triển DTTS (REMDP) và các REMDP cập nhật của dự án WEIDAP và do đó không thuộc phạm vi của KH DTTS này.
13. Hai tiểu hoạt động của dự án được tài trợ từ nguồn đồng tài trợ của GCF và Chính phủ Việt Nam, cụ thể là *Tiểu hoạt động 1.2.1² Thiết kế và xây dựng hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu*, và *Tiểu hoạt động 1.3.1:*

² Hoạt động 1.2.1 được triển khai tại 4 tỉnh (Đắk Lắk, Đắk Nông, Ninh Thuận và Bình Thuận) ngoại trừ tỉnh Khánh Hòa do các công trình thủy lợi chính của dự án WEIDAP sẽ rút khỏi Khánh Hòa nên hoạt động 1.2 cũng sẽ bị rút lại, như đã được nêu trong Báo cáo Tái cơ cấu FP125-UNDP-13092023-RP.

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

Xây dựng hoặc nâng cấp ao chống chịu khí hậu, sẽ được thực hiện trên diện tích của người hưởng lợi, cho cả hộ gia đình người Kinh và người DTTS.³

14. Các hoạt động này sẽ không ảnh hưởng đến quyền sử dụng diện tích đất của các hộ gia đình này, chỉ được thực hiện trên cơ sở tự nguyện tham gia của các hộ gia đình có đất và không dẫn đến việc các hộ gia đình, kể cả các hộ DTTS, phải di dời, tái định cư và từ bỏ đất đai của họ. Hai hoạt động phụ này có thể gây ra bụi, tiếng ồn và chất thải tạm thời trong quá trình xây dựng, kể cả đối với người DTTS tại địa điểm thực hiện dự án. Những tác động này sẽ được quản lý bằng các biện pháp giảm thiểu đo lường được và được quy định trong ESMP của dự án.
15. Việc xây dựng ao chống chịu khí hậu theo mục 1.2.1 là trên cơ sở người hưởng lợi tự nguyện, đăng ký và đánh giá kỹ thuật của dự án. Không cần bồi thường hoặc thu hồi đất. Các hợp phần xây dựng quy mô nhỏ (thiết bị tưới và ao chống chịu khí hậu) được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận đầy đủ và đồng ý bằng văn bản của người hưởng lợi. Sẽ không có tái định cư hoặc di dời bắt buộc liên quan đến các tiểu hoạt động này.

Bảng 1 Ước tính số công trình xây dựng quy mô nhỏ theo xã

Tỉnh	Huyện	Xã	Ao cộng đồng	Hệ thống kết nối dặm cuối
Ninh Thuận	Ninh Hải	Phương Hải	39	381
		Xuân Hải	0	22
		Tri Hải	10	137
		Nhơn Hải	17	56
	Ninh Sơn	Mỹ Sơn	69	284
		Nhơn Sơn	53	
	Thuận Bắc	Phước Chiến	159	743
		Phước Kháng	46	
		Lợi Hải	26	
		Bắc Sơn	52	200
		Bắc Phong	29	446
	Bác Ái	Phước Tân	98	149
		Phước Thắng	26	
		Phước Thành	30	
		Phước Trung	33	
	Bình Thuận	Hàm Thuận Nam	Thị trấn Thuận Nam	
Mỹ Thạnh			131	100

³ Hoạt động 1.3.1. sẽ bao gồm cả các huyện mới (Khánh Sơn, Khánh Vĩnh)

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Tỉnh	Huyện	Xã	Ao cộng đồng	Hệ thống kết nối dặm cuối
		Hàm Cần	21	25
		Tân Lập	24	
		Tân Thành	44	
		Tân Thuận	20	
	Đức Linh	Tân Hà	11	14
		Đông Hà	61	116
		Trà Tân	20	29
Đắk Lắk	Ea Hleo	Ea DRăng	192	216
		Ea Sol		
		ĐiêYang	56	72
	Ea Kar	Ea Sô	7	55
		Ea Sar	7	55
		Xuân Phú	80	43
	Cư M' Gar	Quảng Tiến	7	55
	Krong Păk	Krông Búk	46	
		Ea Phê	8	43
		Ea Yông	117	747
		Ea Kênh	43	338
Đắk Nông	Cư Jut	Ea T'Ling	26	55
		Nam Đông	260	917
		Đắk DRông		
		Tâm Thắng	122	700
		Cư Knia	36	145
		Trúc Sơn	27	110
	Đắk Mil	Đắk Lăk	24	99
		Đắc Mạnh	7	241
		Long Sơn	7	11
		Đắk Sắk	60	185
		Thuận An	6	9
		Đức Minh	9	27
	Krông Nô	Đắk Sôr	21	67

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Tỉnh	Huyện	Xã	Ao cộng đồng	Hệ thống kết nối dặm cuối
		Nam Xuân	3	15
		Đắk Drô	15	49
		Nam Nung	86	158
		Đắk Sôr	19	
		Nam Xuân	15	158
		Đắk Drô	24	
		Nam Nung	28	
Khánh Hòa	Khánh Vĩnh	TT Khánh Vĩnh	1	Hệ thống kết nối dặm cuối sẽ không được triển khai ở Khánh Hòa
		Khánh Bình	17	
		Khánh Đồng	13	
		Khánh Hiệp	9	
		Khánh Nam	22	
		Khánh Phú	38	
		Khánh Thành	25	
		Khánh Trung	22	
	Khánh Sơn	Sông Cầu	6	
		TT Tô Hấp	27	
		Ba Cùm Bắc	16	
		Ba Cùm Nam	30	
		Sơn Bình	55	
		Sơn Hiệp	39	
Sơn Lâm	30			
Sơn Trung	9			
Thanh Sơn	72			

16. Tất cả các hoạt động khác của dự án (các tiểu hoạt động khác trong Hoạt động 1.2 và 1.3, Hoạt động 1.4, 2.1, 2.2 và 2.3) bao gồm các hoạt động đào tạo, thiết bị tưới tiêu và vật tư đầu vào nông nghiệp thông qua hệ thống phiếu tích điểm và được thiết kế đặc biệt để mang lại lợi ích lâu dài cho người hưởng lợi từ dự án, trong đó có người DTTS, giúp họ nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu. Các biện pháp để đảm bảo sự tham gia bình đẳng và hiệu quả của người DTTS trong các hoạt động này sẽ được trình bày chi tiết trong Phần 5 của KH DTTS này.

2. MÔ TẢ VỀ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ BỊ ẢNH HƯỞNG VÀ NƠI SINH SỐNG CỦA HỌ

2.1 MÔ TẢ CÁC CƠ CẤU CỘNG ĐỒNG CỦA NHỮNG NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG

2.1.1 Định nghĩa về người bản địa (người DTTS) ở Việt Nam

17. Chính phủ Việt Nam xác định 54 nhóm dân tộc. Trong số 54 nhóm dân tộc này, dân tộc Kinh là dân tộc đa số ở Việt Nam, chiếm 85,5% tổng dân số Việt Nam. 53 DTTS còn lại chiếm 14,7% dân số Việt Nam. Các nhóm dân tộc đông dân nhất ngoài người Kinh gồm có Tày, Thái, Mường, H'Mông và Khmer, mỗi nhóm chiếm chưa đến 2% dân số Việt Nam, phản ánh sự chênh lệch đáng kể về quy mô dân số giữa dân tộc Kinh chiếm đa số và các nhóm DTTS.
18. Người Kinh chiếm phần lớn dân số ở các tỉnh dự án, từ 64,3% ở Đắk Lắk đến 94,2%⁴ ở Khánh Hòa.
19. Người DTTS sinh sống trên tất cả năm tỉnh dự án sẽ triển khai. Các nhóm DTTS cư trú tại 5 tỉnh mục tiêu bao gồm Raglai, Chăm, Êđê, Jarai, M'ông, K'Ho, Chaurô, Tày, Nùng, Mường, Thái, Dao, Hmông, Hoa, Khmer và các nhóm khác.

2.1.2 Mô tả các nhóm DTTS tại địa điểm dự án

20. Dân số các DTTS phân bố không đều trên 5 tỉnh Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung bộ, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Tây Nguyên là Đắk Lắk (35,7%), Đắk Nông (32,5%) và Ninh Thuận với tỷ lệ gần giống nhau, ít hơn ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ như Khánh Hòa và Bình Thuận (5,8% và 7,9% tổng dân số)⁵. Các DTTS ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu là người Chăm, Raglai và Châu Ro, các DTTS ở Tây Nguyên là Êđê, Jarai và M'ông. Các DTTS di cư đến khu vực mục tiêu chủ yếu là người Tày, Nùng, Thái, Mường, H'Mông, Hoa và Khme. Các nhóm DTTS tại các địa điểm dự án được mô tả như sau:
21. *Raglai* (Tiếng Việt: *Người Ra-Glai, Người Ra-clây, Người Rai, Người Noang* hay *Người La-oang*) là một tộc người Austronesia (nhóm Mã Lai-Đa Đảo) với số lượng là 146,613 người ở Việt Nam tính đến 2019. Trong lịch sử, Người Raglai sống ở những vùng có độ cao trên 500 mét so với mặt biển, phía nam tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, hơn 98% người Raglai ở Việt Nam vẫn đang cư trú ở các tỉnh nêu trên, trong khi một số ít hơn những người Raglai sống tại Lâm Đồng. Người dân tộc Raglai và theo chế độ mẫu hệ và ở rể, chồng ở với nhà vợ, con lấy họ mẹ. Các Pô Pa-palay (già làng) thường đóng vai trò quan trọng trong việc ra quyết định của cộng đồng. Raglai có quan hệ mật thiết với người Chăm về ngôn ngữ và phong tục tập quán. Khoảng 95% người Raglai sống ở khu vực nông thôn. Họ thường sống thành các pa-lay (làng) tách biệt trên địa hình cao và bằng phẳng gần nguồn nước. Nhà sàn truyền thống của người Raglai có khoảng cách từ nền đất đến nền nhà không quá một mét. Người Raglai trước đây sống du canh du cư; tuy nhiên, trong những thập kỷ gần đây, họ đã chuyển đến các khu định cư lâu dài và áp dụng các biện pháp canh tác thâm canh.

⁴ Tổng điều tra dân số toàn quốc năm 2019

⁵ Tổng điều tra dân số toàn quốc năm 2019

22. *Chăm* (Tiếng Việt: *Người Chăm, Người Chàm, Người Chiêm Thành hay Người Hroi*; Cham: *Urang Campa*) là một nhóm dân tộc Austronesian (nhánh Mã Lai-Đa Đảo) với dân số 178.948 người tại Việt Nam tính đến năm 2019, tập trung ở Ninh Thuận và Bình Thuận (khoảng 60% tổng dân số người Chăm) và một số vùng của Phú Yên, Bình Định, An Giang, Tây Ninh và TP.HCM. Người Chăm bao gồm bốn nhóm địa phương khác nhau với các thực hành văn hóa và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, bao gồm bốn nhóm chính như sau: i) Người Chăm Bà la môn, theo Ấn Độ giáo; ii) người Chăm Bà ni, những người thực hành một hình thức Hồi giáo đã được kế thừa bởi các tín ngưỡng truyền thống khác; iii) người Chăm theo đạo Hồi Sun ni; và iv) người Chăm Hroi, theo thuyết vật linh. Người Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận, các tỉnh đối tượng của dự án, chủ yếu thuộc hai nhóm đầu tiên là người Chăm Ba ni và người Chăm Bà la môn, với một tỷ lệ nhỏ thuộc nhóm Chăm Islam. Người Chăm Bà la môn và Chăm Bà ni theo văn hóa mẫu hệ và ở rể, trong khi người Chăm Islam theo chế độ phụ hệ và làm dâu. Người Chăm Ba ni và người Chăm Islam tiến hành một số nghi thức Hồi giáo nhất định. Ví dụ, trước tháng ăn chay Ramadan, họ đến nhà thờ Hồi giáo để cầu nguyện tập thể và dọn dẹp, trang trí phần mộ của tổ tiên. Người Chăm Bà ni viếng mộ tổ tiên trước Tết Nguyên Đán ba ngày và nhịn ăn ba ngày vào ban ngày. Sinh kế của người Chăm ở Việt Nam đa dạng nhưng chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Trên 83% người Chăm sống ở nông thôn. Lúa nước là loại cây trồng phổ biến nhất. Thời gian vừa qua, người Chăm ở Bình Thuận và Ninh Thuận đã chuyển sang trồng các loại cây có lợi nhuận cao hơn như thanh long và măng tây.
23. *Ê đê* (Tiếng Việt: *Người Ê đê*; Ede: *Ānāk Dāgār*), là một nhóm dân tộc Nam Đảo ở miền Nam Việt Nam với dân số 398.671 người tính đến năm 2019. Ở Việt Nam, 88% người Ê Đê cư trú ở tỉnh Đắk Lắk, số còn lại chủ yếu sống tập trung ở các tỉnh Phú Yên, Đắk Nông và Khánh Hòa. Tiếng Ê Đê là một trong các ngôn ngữ Chăm, một phân họ của nhánh Mã Lai-Đa Đảo của ngữ hệ Nam Đảo. Người Ê Đê có tập tục mẫu hệ. Dòng dõi được tiếp nối qua phụ nữ trong gia đình, tài sản gia đình nằm trong tay và được thừa kế từ phụ nữ. Khoảng 89% người Ê Đê sống ở nông thôn. Sản xuất nông nghiệp là sinh kế chính của người Ê Đê. Thời gian gần đây, họ có xu hướng chuyển từ trồng lúa sang trồng các loại cây lâu năm phổ biến ở Tây Nguyên như cà phê, cao su, tiêu, điều, ca cao.
24. *Jarai* (Tiếng Việt: *Người Gia Rai*; Jarai: *Jǎrai or Jarai*), còn được gọi là Gia Rai, Giê-rai, Tơ-buon, Chơ-rai, Hơ-bâu, Hđrưng hay Chơ, là một nhóm dân tộc ở Tây Nguyên, Việt Nam cũng như ở tỉnh Ratanakiri phía Đông Bắc Campuchia. Tiếng Gia Rai là một trong các ngôn ngữ Chăm, một phân họ của nhánh Mã Lai-Đa Đảo của ngữ hệ Nam Đảo. Dân số Gia Rai ở Việt Nam là 513.930 tính đến năm 2019; tập trung ở Gia Lai (89%), Kon Tum (5%) và Đắk Lắk (4%). Tôn giáo truyền thống của người Jarai là thuyết vật linh. Dân tộc Jarai có nền văn hóa mẫu hệ, phụ nữ là người thừa kế dòng dõi và cá nhân được xác định theo dòng dõi mẫu hệ của họ, điều này có thể liên quan đến việc thừa kế tài sản và/hoặc tước hiệu. Khoảng 90% người Raglai sống ở nông thôn. Cũng như các dân tộc khác ở Tây Nguyên, phần lớn người Jarai sống dựa vào các loại cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, điều... làm sinh kế chính.
25. K'Ho, Cơ Ho, hay Kơho là một nhóm dân tộc sống ở Tây Nguyên và một số tỉnh phía Nam khác của Việt Nam, bao gồm Lâm Đồng (87% dân số K'Ho của Việt Nam), Bình Thuận, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đồng Nai và TP.HCM với tổng dân số 200.800 người tại Việt Nam. Họ nói tiếng K'Ho, một nhánh tiếng Bahnar phía Nam của ngôn ngữ Môn-Khmer. Họ có quan hệ họ hàng với người Chơ Ro và Mạ. Sản xuất nông nghiệp là sinh kế chính của họ. Tín ngưỡng dân gian của người K'Ho thờ một vị thần gồm Yang N'Du, Thần tối cao, thần rừng, thần nước, thần lửa, v.v. Lễ hội truyền thống chính của họ là Nho Lirvong (lễ mừng một vụ mùa bội thu), thường vào tháng 12 Dương Lịch. Người K'Ho theo chế độ mẫu hệ, sống thành từng nhóm

gọi là bon (tương đương làng). Các già làng (Cau Cra Yong trong tiếng K'Ho) có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định.

26. Người Chơ Ro (hay Chau Ro, Do Ro; Chau Jro; Chrau; Tiếng Việt: người Chơ Ro) là một DTTS ở Việt Nam có ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Môn-Khmer. Ngôn ngữ của họ thuộc nhánh Bahnar phía Nam cùng với người K'Ho, Stiêng và M'nông. Hầu hết người Chơ Ro sống ở các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận và Bà Rịa- Vũng Tàu. Dân số là 29.520 theo Điều tra Dân số Quốc gia 2019. Ngày Tết năm mới của họ (bằng tiếng Cho Ro: Yang Pa) có mục đích thờ thần Lúa. Người Chơ Ro theo chế độ phụ hệ hay mẫu hệ vẫn chưa được xác định rõ ràng.
27. *Tày* (Tiếng Việt: *Người Tày*), còn được gọi là Cản Tày, Cản Lầu, Ngạn, Phén, Thù Lào, Pa Dí và Tày Khao, là một nhóm dân tộc nói tiếng Thái miền Trung có truyền thống sinh sống ở miền bắc Việt Nam. Với 1,85 triệu người Tày sống ở Việt Nam tính đến năm 2019, họ trở thành nhóm dân tộc lớn thứ hai ở Việt Nam sau nhóm dân tộc Kinh Việt) chiếm đa số. Hầu hết người Tày sống ở miền bắc Việt Nam, cụ thể tại các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên và Quảng Ninh, và cư trú trong các thung lũng và sườn núi thấp. Một bộ phận nhỏ người Tày đã chuyển đến khu vực Tây Nguyên trong giai đoạn 1976-2004, khi Tây Nguyên được coi là Vùng kinh tế mới. Phần lớn người Tày theo tín ngưỡng Then, một tín ngưỡng bản địa thờ các vị thần thành hoàng, các thần môi trường tự nhiên và tổ tiên, tổ tiên của loài người. Người Tày nói tiếng Tày, trong số các phương ngữ Tai khác của các ngôn ngữ Kra-Dai.
28. *Nùng* (Tiếng Việt: *Người Nùng*) là một nhóm dân tộc nói tiếng Thái Trung bộ sống chủ yếu ở Đông Bắc Việt Nam và Tây Nam Quảng Tây, có quan hệ gần gũi với người Tày về ngôn ngữ và phong tục. Dân số Nùng ở Việt Nam ước tính khoảng 1,1 triệu người theo Điều tra Dân số năm 2019. Tiếng Nùng có chữ viết phát triển vào khoảng thế kỷ XVII. Nhiều người Nùng theo tôn giáo bản địa với các đặc điểm vật linh, vật tổ và pháp sư tương tự như các nhóm dân tộc Thái khác. Ngoài ra, các tập tục tín ngưỡng của người Nùng chịu ảnh hưởng nặng nề của Phật giáo và Nho giáo. Người Nùng thờ Quan Âm (Guanyin) là nữ thần của lòng trắc ẩn và lòng tốt. Các nghi lễ tôn giáo địa phương được một thầy cúng trong làng chủ xướng, giám sát việc hiến tế động vật và giao tiếp với thế giới tâm linh.
29. *Mường* (Tiếng Việt: *Người Mường*; Mường: *Mol, Mon, Moan hay Mual*) là một trong những dân tộc lớn nhất trong số 53 DTTS của Việt Nam, với dân số ước tính khoảng 1,45 triệu người theo Điều tra Dân số năm 2019. Theo truyền thống, họ sống ở vùng núi phía Bắc Việt Nam với trung tâm là tỉnh Hòa Bình, nơi họ chiếm đa số, một số huyện của tỉnh Phú Thọ và Thanh Hóa. Họ nói một thứ ngôn ngữ tên là "ngữ chi Việt" có liên quan đến tiếng Việt. Hầu hết người Mường cũng nói tiếng Việt. Người Mường chủ yếu theo thuyết Vật linh, có nghĩa là họ tin rằng các vật thể không sống đều có linh hồn. Họ cũng tôn thờ những anh hùng địa phương đã chết. Tuy nhiên, với sự ra đời của y học hiện đại, việc tuân thủ nhiều tín ngưỡng dân gian đã giảm sút. Người Mường chủ yếu trồng lúa nước, một số trồng ngô, sắn. Chăn nuôi gia súc cũng là một hoạt động sinh kế quan trọng. Vật nuôi chủ yếu là gia súc, gia cầm. Các nguồn lực kinh tế quan trọng khác của gia đình người Mường bao gồm khai thác các sản vật từ rừng như nấm, mộc nhĩ, gỗ, mây tre đan.
30. *Thái* (Tiếng Việt: người Thái), chủ yếu sống ở vùng Tây Bắc Việt Nam. Ở Việt Nam, danh pháp Thái gồm nhiều nhóm Thái, trong đó nhóm chính là Thái Đen (Tai Đăm, Thái Đen), Thái Trắng (Tai Đôn, Thái Trắng) và Thái Đỏ (Tai Daeng, Thái Đỏ). Người Tai Lue được chính thức phân loại thành một nhóm riêng biệt, được gọi là Lu (tiếng Việt: *Người Lự*). Họ chủ yếu

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

nói các ngôn ngữ thuộc nhánh Chiang Saen của ngữ hệ Thái Tây Nam. Người Tai Dam và Tai Don chủ yếu sinh sống ở các tỉnh thuộc vùng Cao nguyên đá Tây Bắc gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình. Người Thái Đò cư trú ở phía tây của tỉnh Nghệ An và Thanh Hóa, nơi họ là một nhóm dân tộc chính. Là một trong những nhóm lớn nhất trong số 53 nhóm DTTS ở Việt Nam, tổng dân số của người Thái ở Việt Nam là 1,82 triệu người theo điều tra dân số năm 2019. Tín ngưỡng truyền thống của người Thái bao gồm thuyết Vật linh và thầy cúng.

31. Dao (Tiếng Việt: Người Dao), còn được gọi là Yao, Dong, Trại, Dju Miên và Kim Miên, có tổng dân số gần 1 triệu người tính đến năm 2019. Họ sống chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Tuyên Quang và các tỉnh trung du Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình. Một số ít người Dao có truyền thống sinh sống ở các tỉnh miền núi phía Bắc đã di cư vào Tây Nguyên. Có nhiều nhóm phân biệt theo tập quán, phong tục, trang phục như Dao đỏ, Dao Quan Chưởng, Dao Lô Gà, Dao quần trắng, Dao Thanh Y. Ngôn ngữ của các nhóm này thuộc nhóm ngôn ngữ H'mong- Miên. Đạo giáo, thuyết linh vật và các thực hành thông qua thầy cúng là phổ biến trong người Dao.
32. H'mông (tiếng Việt: *Người H'Mông*; Hmong IPA: *Hmoob/Moob*), còn được gọi là Hmong hoặc Miao, là một nhóm dân tộc có nguồn gốc ở miền nam Trung Quốc, nói ngôn ngữ thuộc họ Hmong-Miên, với dân số 1.393.547 người ở Việt Nam tính đến năm 2019. Người H'mông bắt đầu di cư từ Trung Quốc đến miền Bắc Việt Nam vào thế kỷ 19, lập cộng đồng ở những vùng núi cao. Họ thường sinh sống ở vùng núi cao từ 800 đến 1.500m so với mực nước biển, chủ yếu ở vùng Tây Bắc Việt Nam, bao gồm các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Sa Pa, Lai Châu và Sơn La. Một số người Hmong đã di cư đến khu vực Tây Nguyên của Việt Nam.
33. Sự phân bố của các nhóm dân tộc được trình bày dưới đây.

Tỉnh Khánh Hòa:

Dự án SACCR được triển khai tại 17 xã thuộc 2 huyện tại Khánh Hòa (huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh) Hai nhóm DTTS chính ở Khánh Hòa là Gia Rai và Chăm

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Bảng 2 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Khánh Hòa

Huyện	Xã	Tổng	Kinh	Hoa	Tày	Chau Ro	Ê Đê	Chăm	Gia Rai
Khánh Vĩnh	TT Khánh Vĩnh	9,201	2,669					957	5,575
	Khánh Bình	6,259	813		3			442	5,001
	Khánh Đồng	3,648	693				61	1,172	1,722
	Khánh Hiệp	5,584	1,447	26				221	3,890
	Khánh Nam	2,465	518		48	54	1	947	897
	Khánh Phú	3,444	1,171			599	601	557	516
	Khánh Thành	2,009	362					1,104	543
	Khánh Trung	3,243	1,070	652	712			401	408
	Sông Cầu	1,496	583		198	369		234	112
Khánh Sơn	TT Tô Hạp	5,592	1,789	12				448	3,343
	Ba Cùm Bắc	2,528	708		99	221		134	1,366
	Ba Cùm Nam	3,316	497				342	476	2,001
	Sơn Bình	3,404	647	266	313				2,178
	Sơn Hiệp	1,901	646					314	941
	Sơn Lâm	1,547	341				4	321	881
	Sơn Trung	3,388	847			33		501	2,007
	Thanh Sơn	5,603	1,344			303	272	448	3,236

Tỉnh Ninh Thuận:

SACCR được triển khai tại 15 xã thuộc 4 huyện tại Ninh Thuận: Hai nhóm DTTS chính ở Ninh Thuận là Chăm và Gia Rai

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Bảng 3 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Ninh Thuận

Huyện	Xã	Tổng	Kinh	Hoa	Nùng	Ê Đê	K'Ho	Chăm	Gia Rai
Huyện Ninh Hải	Phước Hải	6.4493	6.493						
	Xuân Hải	18154	8.503		3			9.646	2
	Tri Hải	3.237	3.237						
	Nhơn Hải	17255	17226	26				3	
Huyện Ninh Sơn	Mỹ Sơn	10273	6955	721	48		1	54	2494
	Nhơn Sơn	13242	8834	161				3731	516
Thuận Bắc	Phước Chiến	5080	181					2	4897
	Phước Kháng	2773	962			1		3	1.807
	Lợi Hải	13.474	1.993	17				18	11.446
	Bắc Sơn	9.888	2.270	12				4.263	3.343
Huyện Bắc Ái	Phước Tân	3.108	47					27	3.034
	Phước Thắng	4.599	73					57	4.469
	Phước Thành	3.810	132	3				26	3.649
	Phước Trung	2.733	51	14				40	2.628

Tỉnh Bình Thuận:

SACCR được triển khai tại 9 xã thuộc 2 huyện tại Ninh Thuận: Chăm, Raglai và Châu Ro là các nhóm DTTS chính ở các vùng dự án.

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Bảng 4 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Bình Thuận

Huyện	Xã	Tổng	Kinh	Tày	Thái	Hoa	Khmer	Mường	Nùng	Ja Rai	K'Ho	Chăm	Hre	Gia Rai	Chau Ro
Hàm Thuận Nam	Thị trấn Thuận Nam	15.958	15.930					28							
	Mỹ Thạnh	956	75									19		862	
	Hàm Càn	4.629	1.418	3		4	4	15		36	12	32	2	3.103	
	Tân Lập	10.831	10.535										296		
	Tân Thành	7.699	7.699												
	Tân Thuận	18.145	16.904	4	5	6	6	1				1.219			
Đức Linh	Tân Hà	6610	6.574	2		6		7				1		2	18
	Đông Hà	8850	8.824					10	16						
	Trà Tân	8.500	7.374			12	8								1.106

Tỉnh Đắk Lắk:

SACCR được triển khai tại 11 xã thuộc 4 huyện tại Đắk Lắk: Êđê là nhóm DTTS lớn nhất.

Bảng 5 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Đắk Lắk (phần 1)

Huyện	Xã	Tổng	Kinh	Tày	Thái	Hoa	Khmer	Mường	Nùng	Hmong	Dao	Ja Rai
Huyện Ea Hleo	Ea DRang	21864	19658	132	35	3	8	283	101		9	537
	Ea Sol	15545	6405	291	457	2		36	216	1	8	4681
	Dlê Yang	11429	5630	44	37		1	17	12	1	254	157
Huyện Cư M'Gar	Quảng Tiến	7768	7.768									
Huyện Ea Kar	Ea Sô	3988	2088	208	16			324	76	252	488	12
	Ea Sar	8305	4289	1006	358				381			
	Xuân Phú	6038	5244	343					125			
Huyện Krông Păk	Krông Búk	14165	5326	673	517				1966		326	17
	Ea Phê	21385	10108	1301					5784			
	Ea Yông	18855	9321	949					1341			5
	Ea Kênh	13438	7177	464					1826			

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Bảng 6 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Đắk Lắk (phần 2)

Huyện	Xã	Ngai	Ê Đê	Banar	Chăm	Sán Dìu	Hre	Mnong	Tho	Ma	Lào	Cao Lan
Huyện Ea Hleo	Ea DRang	1	1096	1								
	Ea Sol		3382	33	2		3	2	12	1	13	
	Dlê Yang	1	5261				4	6	4			
Huyện Cư M'Gar	Quảng Tiến		115									
Huyện Ea Kar	Ea Sô		496			8		0	4			16
	Ea Sar		2.271									
	Xuân Phú		326									
Huyện Krông Păk	Krông Búk		5.326					14				
	Ea Phê		4.192									
	Ea Yông		7.214					25				
	Ea Kênh		3.971									

Tỉnh Đắk Nông:

SACCR được triển khai tại 16 xã thuộc 3 huyện tại Đắk Nông: M'nông, Tày và Nùng là các nhóm DTTS lớn nhất, trong đó Tày và Nùng di cư từ miền Bắc vào.

Bảng 7 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Đắk Nông (phần 1)

Huyện	Xã	Kinh	Tày	Thái	Hoa	Khmer	Mường	Nùng	Hmong	Dao	Ja Rai	Ngai	Ê Đê	Banar
Huyện Cư Jút	Ea T'Ling	15658	650	108	8	14	170	420	0	1	1	1	129	0
	Nam Đông	11323	1760	52	10	8	70	3468	0	11	0	0	37	0
	Đăk Drông	2051	3217	20	0	2	23	6980	3360	336	0	0	13	3
	Tâm Thắng	10610	91	42	0	0	12	89	0	3	10	0	4170	0

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Huyện	Xã	Kinh	Tày	Thái	Hoa	Khmer	Mường	Nùng	Hmong	Dao	Ja Rai	Ngai	Ê Đê	Banar
	Cư Knia	1720	1856	696	0	2	127	1099	3134	64	1	0	8	0
	Trúc Sơn	2721	363	8	10	0	20	356	5	4	0	0	4	0
Huyện Đắk Mil	Đắk Lao	8639	314	8	39	108	15	166		1		3	3	1
	Đắc Mạnh	15474	59	48	6	1	18	19		231			2	
	Long Sơn	150	365	5		1	4	903		389				
	Đắk Sắk	15134	12	3	1		11	18		47	4		1	
	Thuận An	8725	42	8	5	5	34	33	1	4	3		43	
	Đức Minh	16548				1					2		3	5
Huyện Krông Nô	Đắk Sôr	3400	1270	29			37	426		22			12	
	Nam Xuân	2092	598	3122			25	2074		64				
	Đắk Drô	6533	460	137		1	57	268		208			161	
	Nam Nung	4707	142	614		7	66	95		635			37	

Bảng 8 Nhóm dân tộc tại các điểm dự án ở Đắk Nông (phần 2)

Huyện	Xã	Xơ Đăng	Sán Chay	K'Ho	Sán Diu	Hre	Mnong	Tho	Ma	Kh mú	Co	Chau Ro	Lào	Cao Lan	Sán Chi
Huyện Cư Jút	Ea T'Ling	0	2	0	5	1	2.138	9	2	0	0	1			
	Nam Đông	0	20	0	0	0	0	6	0	0	0	0			
	Đắk DRông	2	1	-	-	-	270	5	-	1	-	-			
	Tâm Thắng	0	0	0	0	3	42	3	0	0	1	0			
	Cư Knia	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Trúc Sơn	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
Huyện Đắk Mil	Đắk Lao		6		3	26		59							
	Đắc Mạnh		2			8	4								
	Long Sơn		6				2								
	Đắk Sắk						1537	5							
	Thuận An			1	1		3403	5		1					

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số



Huyện	Xã	Xơ Đăng	Sán Chay	K'Ho	Sán Diu	Hre	Mnong	Tho	Ma	Kh mú	Co	Chau Ro	Lào	Cao Lan	Sán Chỉ
	Đức Minh				2		1318								
Huyện Krông Nô	Đắk Sôr							3						0	
	Nam Xuân													4	
	Đắk Drô	1			4	1	1.502						1		
	Nam Nung				37		2.058	6			3				20

3. MÔ TẢ CÁC KHU VỰC VÀ TÀI NGUYÊN BỊ ẢNH HƯỞNG VÀ MỐI LIÊN HỆ/MỐI QUAN HỆ CỦA NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG VỚI CÁC NGUỒN TÀI NGUYÊN TƯƠNG ỨNG

3.1 TÂY NGUYÊN

34. Vùng Tây Nguyên bao gồm năm tỉnh, bao gồm Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum và Lâm Đồng - trong đó Đắk Lắk và Đắk Nông là hai tỉnh dự án. Tổng diện tích đất của vùng Tây Nguyên là 54.659,6 km², và của 2 tỉnh là 1.954 km². Về địa hình, vùng tạo thành phần phía Đông của một loạt cao nguyên liền kề nhau có độ cao từ 500 m đến 1.500 m so với mực nước biển, mở rộng về phía Nam nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Đông Bắc Campuchia. Khu vực cao nguyên được bao quanh bởi dãy Trường Sơn. Khoảng 44,4% diện tích đất là đất nông nghiệp, trong đó Gia Lai và Đắk Lắk có diện tích đất nông nghiệp lớn nhất. Khoảng 45,8% tổng diện tích đất là đất lâm nghiệp.
35. Nông nghiệp và tài nguyên nước là nền tảng sinh kế của khoảng 64% người dân Tây Nguyên Việt Nam, đặc biệt là các DTTS chiếm 36,4 - 39,1% dân số toàn vùng. Khu vực Tây Nguyên dễ bị thay đổi về nguồn nước trong mùa khô khi lượng mưa thấp và dòng chảy sông thấp. Chỉ có khoảng 27,8% diện tích đất nông nghiệp của khu vực được tưới tiêu và nông dân buộc phải khai thác nước ngầm để tưới tiêu. Trong điều kiện hạn hán ngày càng khắc nghiệt do biến đổi khí hậu gây ra, các chiến lược đối phó của nông dân ngày càng kém hiệu quả.
36. Các dân tộc Ê Đê và Gia Rai cư trú ở khu vực Tây Nguyên từ rất lâu đời. Các dân tộc Tày, Nùng, Mường, Thái, Dao và H'Mông cư trú tại địa bàn dự án hầu hết đều di cư vào Tây Nguyên trong giai đoạn từ 1976 đến 2004. Tây Nguyên thời kỳ này được coi là vùng kinh tế mới; Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách để hỗ trợ người di cư di chuyển đến khu vực này để mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp của Việt Nam.
37. Các chính sách giảm thiểu các tập quán du canh du cư và thúc đẩy các chính sách và chương trình định canh định cư đã mang lại những thay đổi lớn về kinh tế - xã hội đối với các DTTS ở Việt Nam. Nghị quyết Chính phủ số 38/CP ngày 12 tháng 3 năm 1968 chính thức phát động cuộc vận động đồng bào du canh chuyển sang định canh, định cư và một số chính sách, chương trình đã được ban hành nhằm giảm tình trạng du canh du cư. Tính đến đầu những năm 2000, khoảng 2,8 triệu người đã đến các Khu kinh tế mới.⁶
38. Ở Tây Nguyên, mức tăng nhiệt độ chung được dự báo vào khoảng 1,2 đến 2,6°C vào giữa thế kỷ và 2,2 đến 4,5°C vào cuối thế kỷ đối với kịch bản khí nhà kính cao hơn (RCP8.5). Mức tăng nhiệt độ trung bình trong mùa mưa sẽ cao hơn một chút so với mùa khô. Số ngày nắng nóng (ngày có nhiệt độ cao nhất trên 35°C) được dự báo tăng từ 15 đến 20 ngày trong năm ở các vùng thấp tại khu vực này, trừ vùng núi. Trong một số năm, nhiệt độ tối đa sẽ vượt quá 40°C. Lượng mưa trong mùa mưa sẽ tăng từ 15 đến 20%, bắt đầu sớm hơn và kết thúc muộn hơn, đồng thời lượng mưa giảm 10% và dự đoán có nhiều bất thường hơn trong mùa khô. Có thể có dao động lớn giữa lượng mưa tối thiểu và tối đa. Các hiện tượng mưa cực đoan có cường độ cao hơn có thể xảy ra ở các khu vực phía nam của Tây Nguyên nhưng ít thay

⁶ Khung chính sách phát triển DTTS. 2009. Dự án Năng lực Cạnh tranh Chăn nuôi và An toàn Thực phẩm Việt Nam. KH DTTS354

đổi ở các khu vực phía bắc. Ngoài việc bắt đầu muộn hơn, thời lượng và cường độ của gió mùa tây nam được dự đoán sẽ giảm nhẹ vào giữa thế kỷ và tiếp tục giảm thêm vào cuối thế kỷ, từ đó lượng mưa tổng thể tại khu vực sẽ ít hơn.

3.2 DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

39. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ bao gồm một thành phố lớn là Đà Nẵng và bảy tỉnh là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận- trong đó 3 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận nằm ở phần cực nam của vùng. Tổng diện tích đất khu vực là 44,367km². Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có địa hình phức tạp với những vùng đất thấp, đồi núi quanh co, rừng rậm, cồn cát và đất đá pha cát. Những ngọn núi cao nhất ở phía Nam giáp Tây Nguyên có thể lên tới 1000m. Khoảng 24,9% diện tích đất trong toàn vùng là đất nông nghiệp, trong đó Bình Thuận có diện tích đất nông nghiệp lớn nhất. Khoảng 53,3% tổng diện tích đất là đất lâm nghiệp.
40. Các nhóm dân tộc Raglai và Chăm có truyền thống sinh sống ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam, đặc biệt là các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.
41. Ở Duyên hải Nam Trung Bộ, nhiệt độ hàng năm tăng khoảng 1,2 đến 2,5°C vào giữa thế kỷ và 2,4 đến 4,3°C vào cuối thế kỷ được dự đoán theo kịch bản khí nhà kính cao hơn (RCP8.5). Dự đoán vào cuối thế kỷ này, số lượng, thời lượng và cường độ của các đợt nắng nóng và số ngày nắng nóng (những ngày có nhiệt độ tối đa trên 35°C) sẽ gia tăng. Nhìn chung, cường độ mưa hàng tháng ngắn hơn và cao hơn, với sự thay đổi lớn về số tháng và số lượng dự kiến. Lượng mưa trong mùa mưa được dự báo tăng 20%, đặc biệt là vào tháng 10-11, nhưng lượng mưa trong các tháng gió mùa từ tháng 6 đến tháng 9 có xu hướng giảm. Mùa mưa có xu hướng ngắn hơn, bắt đầu muộn hơn (lên đến 15 ngày) và kết thúc sớm hơn (lên đến 30 ngày).⁷ Các sự kiện mưa cực đoan được dự báo sẽ ít dữ dội hơn. Ngoài việc khởi phát muộn, cả thời lượng và cường độ của gió mùa tây nam đều được dự kiến sẽ giảm đáng kể. Vào giữa thế kỷ này, dự báo thời lượng từng mùa sẽ giảm khoảng hai tuần và lượng mưa giảm 40 %.

3.3. XÁC ĐỊNH NHÓM DỄ BỊ TÔN THƯƠNG TRONG SỐ NHỮNG NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG

42. Có mối tương quan rõ ràng giữa nghèo đói trong các nhóm DTTS ở các địa bàn dự án, tỷ lệ nghèo trong các nhóm DTTS ở các tỉnh này rất cao như ở Khánh Hòa là (68,6%), Đắk Nông (40,8%), Ninh Thuận (38,8%), Đắk Lắk (37,2%) và Bình Thuận (19,5%) so với tỷ lệ hộ nghèo trên tổng số dân trong toàn quốc. Tỷ lệ nghèo của người DTTS đặc biệt cao ở các vùng cao, vùng sâu vùng xa và các xã có tỷ lệ cao là DTTS.

Bảng 8: Dân số của các tỉnh dự án, 2019⁸

		DTTS (*)			Theo giới tính	Theo tiểu vùng

⁷ Doutreloup S., Ericum M., Fettweis X., Ozer P. (T8.August 2011). Phân tích diễn biến lượng mưa và nhiệt độ trong quá khứ (1970-1999) và tương lai (2046-2065 và 2081-2100) tại tỉnh Bình Thuận, Đông Nam Bộ, dựa trên mô hình của IPCC.

⁸ Tổng điều tra dân số toàn quốc năm 2019

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Đơn vị hành chính	Dân số trung bình (người)		% dân số DTTS	Mật độ dân số (người/km ²)	Nam	Nữ	Đô thị	Nông thôn
Khánh Hòa	1.231.107	71.948	5,8%	240	612.476	618.631	519.880	711.227
Ninh Thuận	590.467	144.200	24,4%	181	296.026	294.441	211.109	379.358
Bình Thuận	1.230.808	96.988	7,9%	157	618.384	612.424	468.720	762.088
Đắk Lắk	1.862.322	667.305	35,7%	144	942.578	926.744	462.118	1.407.204
Đắk Nông	622.168	202.356	32,5%	95	320.713	301.455	94.770	527.398

(*) Tổng điều tra dân số toàn quốc năm 2019

43. Tại 5 tỉnh dự án, 20-69% người DTTS thuộc diện nghèo và 9-15% thuộc diện cận nghèo. Khả năng các nhóm DTTS trở thành hộ nghèo hoặc cận nghèo cao hơn so với các nhóm không phải DTTS tại hầu hết các khu vực, như minh họa trong Bảng dưới đây.

Bảng 9. Người nghèo, cận nghèo và DTTS tại các tỉnh dự án (đơn vị: %)

	Toàn quốc	Khánh Hòa	Ninh Thuận	Bình Thuận	Đắk Lắk	Đắk Nông
Tỷ lệ hộ nghèo trên tổng số dân	9,88	9,87	14,93	5,81	19,37	19,26
Tỷ lệ hộ nghèo DTTS	23,1	68,6	38,8	19,54	37,17	40,75
Tỷ lệ hộ cận nghèo trên tổng số dân	5,22	6,96	8,82	3,95	8,28	6,15
Tỷ lệ hộ cận nghèo DTTS	13,6*	9,8	14,95	8,66	10,91	8,6

44. Nông dân sản xuất quy mô nhỏ – nông dân đặc biệt nghèo/cận nghèo, DTTS và phụ nữ – với diện tích đất canh tác dưới 1,0 ha, phụ thuộc vào một hoặc hai vụ mùa tươi tự nhiên từ nước mưa mỗi năm, là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất trước tác động của biến đổi khí hậu. Bảng dưới đây liệt kê các hệ thống cây trồng chính trong 5 tỉnh dự án.

Bảng 10. Danh sách các hệ thống cây trồng chính trong vùng dự án⁹

Vùng dự án	Tỉnh	Cây hàng năm chính	Cây lâu năm chính
Nam Trung Bộ	Khánh Hòa	ngô, sắn, đậu	Sầu riêng, buoiwr
	Ninh Thuận	ngô, đậu, hành, tỏi, sắn, mía, mè, gạo	Cây ăn quả (nho, bưởi, xoài), măng cầu xiêm, điều, cà phê, chuối, bơ
	Bình Thuận	ngô, sắn, đậu, gạo	Thanh long, hạt điều, cà phê, hạt tiêu
Tây Nguyên	Đắk Lắk	Ngô, sắn	Cà phê, tiêu, sầu riêng, cam, bơ, ca cao
	Đắk Nông	Ngô, sắn, đậu, lạc, rau, gạo	Cà phê, tiêu, điều, ca cao

45. Hầu hết các cộng đồng DTTS làm nông nghiệp nhờ nước mưa, do khó tiếp cận đến các công trình thủy lợi. Tất cả các loại cây trồng sẽ bị ảnh hưởng nếu có sự thay đổi lớn về lượng mưa và các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, đặc biệt là trong giai đoạn ra hoa, đậu quả và thu hoạch.
46. Người DTTS là một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhất trước tác động của biến đổi khí hậu vì họ vẫn nằm trong số những người nghèo nhất và thiệt thòi nhất.¹⁰
47. Nhận thức được tầm quan trọng của việc đảm bảo rằng nhu cầu của các DTTS tiếp tục được xem xét và đáp ứng trong suốt dự án, phân tích khoảng trống dưới đây đã được thực hiện. Phân tích khoảng trống sẽ giúp duy trì sự tập trung vào các nhu cầu, rào cản, thách thức và ưu tiên mà các DTTS trong khu vực dự án phải đối mặt.

4. TÓM TẮT CÁC QUYỀN CƠ BẢN VÀ KHUNG PHÁP LÝ

4.1 PHÁP LUẬT TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ KHẲNG ĐỊNH VÀ BẢO VỆ QUYỀN CỦA NGƯỜI DTTS

4.1.1 Luật pháp, chính sách và quy định quốc gia

48. Quyền của tất cả các dân tộc được ghi nhận trong Hiến pháp Việt Nam (2013).
49. Bộ luật Dân sự (2014) quy định bảo vệ các quyền của các nhóm dân tộc khác nhau, bao gồm quyền của mỗi người được xác định và xác định lại dân tộc của mình. Theo Điều 7 Bộ luật Dân sự, pháp luật bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, tôn trọng và phát huy phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp, đoàn kết, tương trợ và hợp tác, nguyên tắc mỗi cá nhân vì cộng đồng.

⁹ Phụ lục II B Nghiên cứu khả thi - Nông nghiệp

¹⁰ UNDP Thông tin nhanh

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

đồng, cộng đồng vì mỗi cá nhân, và những giá trị đạo đức cao đẹp của các dân tộc anh em cùng chung sống trên đất Việt.

50. Việt Nam là một bên ký kết Tuyên bố của Liên Hợp Quốc về Quyền của Người bản địa (UNDRIP, 2007). Việt Nam cũng là thành viên của Hội nghị các bên (COP) của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC). Phần mở đầu của Thỏa thuận Paris đề cao sự tôn trọng quyền con người, bao gồm quyền của Người bản địa, quyền về giới và công bằng giữa các thế hệ phải được xem xét trong các cuộc thảo luận về khí hậu và công lý phát triển. Thỏa thuận Paris cũng nhấn mạnh nhu cầu tích hợp hệ thống tri thức của Người bản địa trong tất cả các kế hoạch và hành động thích ứng.
51. Chính sách tổng thể và khung pháp lý của Việt Nam đặc biệt quan tâm đến các DTTS và cộng đồng địa phương nhằm thúc đẩy tiếp cận các quyền cơ bản của con người và các dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế và giảm nghèo, bao gồm:
 - (i) Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa 14 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi 2021 - 2030, trong đó thống nhất các chính sách của Chính phủ, trọng tâm là xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, bình đẳng giới và thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các dân tộc.
 - (ii) Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.
 - (iii) Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030. Giai đoạn I từ 2021-2025.
 - (iv) Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chỉ tiêu thực hiện đẩy nhanh các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS và gắn với Mục tiêu Phát triển bền vững sau năm 2015, trong đó lồng ghép, kết hợp các chỉ tiêu phát triển DTTS với các Mục tiêu Thiên niên kỷ và và SDGs sau năm 2015; lồng ghép các chỉ tiêu phát triển DTTS vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và kế hoạch công tác của từng bộ, ngành, địa phương; kết hợp các nguồn lực để đồng bào DTTS phát triển và tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.
 - (v) Quyết định 2356/QĐ-TTg ngày 12/4/2013 về chương trình hành động thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển vùng DTTS miền núi đến năm 2020
 - (vi) Thông tư liên tịch 01/2012/TTLT-BTP-UBDT của Bộ Tư pháp và UBDT hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý cho đồng bào DTTS
52. Ủy ban Dân tộc Chính phủ (UBDT) là cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước, phối hợp với Bộ NN&PTNT và các bộ khác về lĩnh vực mình phụ trách. Nghị định số 13/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBDT.

53. Nhóm Công tác DTTS do UNDP và Đại sứ quán Australia đồng chủ trì xây dựng một diễn đàn trong đó các Đối tác Phát triển làm việc với UBND và các Bộ ngành, tổ chức xã hội và các bên liên quan khác nhằm nâng cao hiệu quả của những can thiệp hỗ trợ cộng đồng DTTS.
54. Theo quy định tại Thông tư số 01/TT-UBND ngày 01/11/2021 của UBND, Ban Dân tộc cấp tỉnh có trách nhiệm lập kế hoạch phát triển vùng DTTS, chương trình, biện pháp về công tác dân tộc trên địa bàn trình Ủy ban Nhân dân Tỉnh/Thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ ổn định đời sống đồng bào DTTS.
55. Ban Dân tộc cấp tỉnh có trách nhiệm phân cấp quản lý nhà nước về công tác dân tộc và chỉ đạo đối với Phòng Dân tộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.
56. Ban Dân tộc cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức đón tiếp, thăm hỏi, giải quyết nguyện vọng của đồng bào các dân tộc theo đúng chế độ, chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các DTTS cấp huyện theo hướng dẫn của Ủy ban Nhân dân Tỉnh; biểu dương, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc: trong công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc; trong lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ gìn an ninh trật tự, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

4.1.2 Các tiêu chuẩn xã hội và môi trường của UNDP

57. SES của UNDP và Tiêu chuẩn 6 cấp dự án: Người bản địa (DTTS) đưa ra hướng dẫn để đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và có ý nghĩa của các DTTS theo cách phù hợp với tầm nhìn riêng biệt và các ưu tiên phát triển của họ, xây dựng quan hệ đối tác bền vững với cộng đồng DTTS như những người bạn đồng hành trong các nỗ lực phát triển và bảo tồn.
58. Thông qua việc thực hiện Tiêu chuẩn 6, UNDP hướng tới việc tránh các tác động bất lợi đối với người DTTS, các quyền, đất đai, và tài nguyên của họ; giảm thiểu và khắc phục các tác động không thể tránh khỏi; hỗ trợ các nước thực hiện đảm bảo quyền con người; và đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng và phù hợp về mặt văn hóa với người DTTS. KH DTTS này được xây dựng theo Hướng dẫn về Tiêu chuẩn SES 6 của UNDP và SES của UNDP.

4.2 PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN QUAN TỚI ĐẤT ĐAI

59. Tại Việt Nam không có khu vực 'dân tộc cụ thể', hoặc các khu vực có thể được gọi là 'lãnh thổ của người bản địa' như ở các nơi khác trên thế giới (Báo cáo định kỳ của Việt Nam về quốc gia thực thi Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc, 2011).
60. Khung pháp lý của Việt Nam quy định về quyền sở hữu và quyền sử dụng đất, bao gồm cả đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp. Điều 53 Hiến pháp Việt Nam (2013) quy định đất đai, tài nguyên là tài sản công, thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Hiến pháp Việt Nam và Luật Đất đai (2013) ghi nhận quyền của tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất và được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thông qua việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người sử dụng đất có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Các hộ gia đình được giao đất nông nghiệp và đất ở được bảo đảm các quyền theo Luật Đất đai, bao gồm cả quyền được bồi thường trong trường hợp nhà nước thu hồi

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

đất và tái định cư. Luật Đất đai cũng quy định việc bồi thường đối với hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền này được quy định trong Luật Đất đai áp dụng cho cả cá nhân là người DTTS.

61. Ngoài ra, Luật Đất đai (2013) quy định thêm một số chính sách có lợi đối với đồng bào DTTS, bao gồm: (i) yêu cầu Nhà nước có chính sách về đất ở, đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào DTTS phù hợp với phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng; có chính sách giúp đồng bào DTTS đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở nông thôn có đất sản xuất nông nghiệp (Điều 27); và (ii) một số trường hợp miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất áp dụng cho đồng bào DTTS (Điều 110).
62. Tiểu hoạt động 1.2.1: Thiết kế và xây dựng hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu, và Tiểu hoạt động 1.3.1: Xây dựng hoặc nâng cấp ao chống chịu khí hậu, sẽ được thực hiện trên đất của người hưởng lợi, cho cả hộ gia đình người Kinh và người DTTS.
63. Các hoạt động này sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi của các hộ gia đình này, chỉ được thực hiện trên cơ sở tự nguyện tham gia của các hộ gia đình có đất và không dẫn đến việc các hộ gia đình, kể cả các hộ DTTS, phải di dời, tái định cư và từ bỏ đất đai của họ. Không cần bồi thường hoặc thu hồi đất. Các hợp phần xây dựng quy mô nhỏ (thiết bị tưới và ao chống chịu khí hậu) được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận đầy đủ và đồng ý bằng văn bản của người hưởng lợi. Sẽ không yêu cầu tái định cư hoặc di dời bắt buộc liên quan đến các tiểu hoạt động này.
64. Dự án đã phổ biến thông tin và tham vấn có liên quan cho người DTTS và cộng đồng. Cung cấp thông tin được thực hiện bằng ngôn ngữ DTTS khi cần. Hệ thống Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) của dự án như được nêu trong Mục 4.2 của Kế hoạch Quản lý Môi trường Xã hội (EMSP) của dự án sẽ được áp dụng trong trường hợp có khiếu kiện và/hoặc khiếu nại.

4.3 PHÂN TÍCH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN PHỤ THUỘC VÀO VIỆC CÔNG NHẬN TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA CÁC DTTS BỊ ẢNH HƯỞNG

65. Tư cách pháp nhân của người dân, bao gồm cả người DTTS ở Việt Nam được ghi nhận trong Hiến pháp Việt Nam (2013), Bộ luật Dân sự (2014) và trong các văn bản pháp luật có liên quan khác của Việt Nam.

4.4 CÁC CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DTTS TẠI ĐỊA BÀN DỰ ÁN

66. Phần này nêu thông tin tóm tắt về các chương trình, chính sách hỗ trợ và phát triển DTTS tại địa bàn dự án, theo tỉnh. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS miền núi đã được phê duyệt ở cấp quốc gia và sẽ được triển khai thực hiện ở cấp tỉnh. Tất cả năm tỉnh dự án đều nằm trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia (NTP).

Tỉnh Khánh Hòa

Chương trình tín dụng

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

67. Chương trình tín dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) đã hỗ trợ nguồn vốn đáng kể cho đồng bào DTTS phát triển. Tổng dư nợ của NHCSXH tỉnh Khánh Hòa đến nay đạt gần 1.900 tỷ đồng, với trên 135 nghìn khách hàng (chủ yếu là đồng bào DTTS) còn dư nợ.

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS (NTP)

68. Tỉnh Khánh Hòa đang đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030. Theo đó, trong giai đoạn I của chương trình (từ năm 2021 đến năm 2025), dự kiến tổng nhu cầu vốn để thực hiện chương trình là hơn 1.166 tỷ đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương hơn 698,6 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hơn 200,3 tỷ đồng, vốn tín dụng chính sách gần 241,4 tỷ đồng và vốn khác hơn 25,7 tỷ đồng. Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa cũng đã thông qua kinh phí thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh giai đoạn I là hơn 468 tỷ đồng.

69. Tỉnh Khánh Hòa đặt mục tiêu phấn đấu thu nhập bình quân của đồng bào DTTS tăng hơn 2 lần so với năm 2020 (hơn 28 triệu đồng/người/năm); tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS mỗi năm giảm 4-5%; 100% số xã có đường giao thông đến trung tâm xã được trải nhựa hoặc bê tông hóa kang trang; 70% trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia; 35% số xã vùng dân tộc và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới; giảm 50% số xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Tỉnh Ninh Thuận

Chương trình tín dụng

70. Ninh Thuận đã và đang triển khai một số chính sách, chương trình tiếp cận tín dụng cho vùng DTTS và miền núi như: Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào DTTS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 về cho vay phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 và Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào DTTS giai đoạn 2015-2020. Đến nay, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách đang triển khai tại vùng DTTS và miền núi trên địa bàn tỉnh đạt 1.445,12 tỷ đồng, với 36.298 hộ được vay vốn.

Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng Dân tộc Thiếu số

71. Tỉnh Ninh Thuận đã triển khai các chính sách, chương trình phát triển DTTS. Các kế hoạch và nghị quyết này nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi, tập trung vào các lĩnh vực then chốt như kinh tế, cơ sở hạ tầng, VSATTP và giáo dục. Đến năm 2025, các chính sách này nhằm đạt các mục tiêu: i) giảm 50% số xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; ii) tăng thu nhập bình quân đầu người của DTTS lên gấp 2 lần so với năm 2020 và giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 3%/năm; iii) 100% xã có đường giao thông kang trang, lớp học, trạm y tế được xây dựng kiên cố; iv) cung cấp nước hợp vệ sinh cho 98% hộ gia đình DTTS; v) Đảm bảo 100% hộ đồng bào DTTS được xem truyền hình, nghe đài; và vi) nâng tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt trên 98%, học sinh tiểu học đạt 97%, học sinh trung học cơ sở đạt 95% và học sinh trung học phổ thông đạt 60%. Những mục tiêu này sẽ đạt được thông qua mười

tiểu dự án do Ban Dân tộc quản lý. Tính đến năm 2022, tổng kinh phí huy động cho các tiểu dự án này ở Ninh Thuận là khoảng 9 triệu tỷ đồng (207 tỷ đồng).

Tỉnh Bình Thuận

Chương trình tín dụng

72. Trong năm 2020, NHCSXH tỉnh Bình Thuận đã triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh tín dụng đối với một số chương trình cho vay theo chủ trương, trong đó chú trọng mở rộng hỗ trợ hộ nghèo, hộ đồng bào DTTS. Để đạt được mục tiêu này, Ngân hàng đã mở rộng tín dụng chính sách xã hội đến tất cả các xã, thôn, khu phố vùng đồng bào DTTS, ưu tiên phản hồi của người dân, đảm bảo đúng đối tượng, tăng cường khả năng tiếp cận cho các đối tượng có nhu cầu vay vốn chính sách.
73. Những nỗ lực đó đã được giải ngân với số tiền 384.764 triệu đồng cho 11.011 hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng chính sách là đồng bào DTTS, chiếm 44,1% số hộ trên địa bàn tỉnh. Trong đó, cho vay hộ nghèo (42.534 triệu đồng), hộ cận nghèo (56.644 triệu đồng), hộ mới thoát nghèo (50.413 triệu đồng), vay sinh viên (38.447 triệu đồng), vay giải quyết việc làm (3.295 triệu đồng), cho vay đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (60 triệu đồng), cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường (47.262 triệu đồng), cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn (104.198 triệu đồng), cho vay hộ đồng bào DTTS có hoàn cảnh đặc biệt (359 triệu đồng), cho vay hộ đồng bào DTTS nghèo đời sống khó khăn (2.586 triệu đồng), cho vay hộ nghèo làm nhà ở (3.101 triệu đồng), cho vay các hộ buôn bán vùng khó khăn (37 triệu đồng), cho vay trồng rừng theo Nghị định 75 của Chính phủ (7.526 triệu đồng), vay mua nhà ở theo Nghị định 100 (865 triệu đồng), vay theo Quyết định 2085 của Thủ tướng Chính phủ (27.369 triệu đồng).
74. Ngân hàng cũng ghi nhận doanh số thu nợ đạt 383.955 triệu đồng, tương đương 99,7% tổng dư nợ, nợ quá hạn không đáng kể là 808 triệu đồng, tương đương 0,3% tổng dư nợ, không có nợ khoan.

Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng Dân tộc Thiếu số

75. Ngày 14 tháng 10 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg. Tiếp đó, ngày 02/8/2022, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Kế hoạch số 2481/KH-UBND Quy định chi tiết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

Tỉnh Đắk Lắk

Chương trình tín dụng

76. Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Đắk Lắk đang tích cực vận dụng các chương trình, chính sách tín dụng hỗ trợ đồng bào DTTS. NHCSXH đang quản lý 15 chương trình tín dụng chính sách xã hội được Chính phủ chỉ định, với tổng dư nợ 5.863 tỷ đồng và gần 160.000 khách hàng còn dư nợ. Trong số khách hàng này có trên 70.000 hộ là người DTTS và số dư bình quân của một hộ DTTS là 31 triệu đồng. Các chương trình cho vay bao gồm chương trình cho vay phát triển sản xuất hộ đồng bào DTTS (Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

05/3/2007 và Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ) và chương trình cho vay hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và tiếp cận nước sạch đối với hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản miền núi (Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2017) 2013 của Thủ tướng Chính phủ). Ngoài ra, chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg vừa được Chính phủ cập nhật với việc ban hành Nghị định số 28/2022/NĐ-CP về chính sách tín dụng ưu đãi, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng Dân tộc Thiếu số

77. Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt ngày 24/5/2022. Kế hoạch gồm 10 tiểu dự án được triển khai tại vùng DTTS và miền núi, với mục tiêu hỗ trợ các đối tượng được thụ hưởng là hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo người Kinh sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn. Nguồn vốn dự kiến cho các dự án, bao gồm vốn phân bổ của trung ương và vốn đối ứng của tỉnh, được xác định trong kế hoạch này.

Đắk Nông

Chính sách hỗ trợ giảm nghèo, nhà ở và giáo dục tỉnh Đắk Nông

78. Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông đã thông qua Nghị quyết về các chính sách nhằm giảm nghèo bền vững trên địa bàn từ năm 2023 đến năm 2025. Các chính sách được điều chỉnh phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và được coi là biện pháp bổ sung để khuyến khích giảm nghèo bền vững. Theo số liệu mới nhất, tỉnh Đắk Nông có tỷ lệ hộ nghèo là 11,19%, với gần 28% người DTTS sống trong nghèo đói. Để đáp ứng, HĐND tỉnh đã bổ sung các chính sách hỗ trợ về giáo dục, nhà ở, nhất là đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và đồng bào DTTS. Tỉnh sẽ hỗ trợ 150.000 đồng/tháng cho mỗi học sinh thuộc hộ cận nghèo DTTS mua sách vở, đồ dùng học tập và 20 triệu đồng/hộ cho hộ cận nghèo có nhu cầu vay vốn làm nhà. Tổng kinh phí cho các chương trình hỗ trợ này dự kiến gần 24 tỷ đồng, được trích từ ngân sách tỉnh. Ngoài ra, tỉnh dự kiến hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho khoảng 340.000 người, với kinh phí ước tính hơn 32 tỷ đồng.

Chương trình tín dụng

79. Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND được HĐND tỉnh thông qua ngày 15/12/2022 quy định hộ đồng bào DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được hỗ trợ lãi suất bằng 40% mức lãi suất hiện hành, không quá 10 triệu đồng/hộ/năm.

Chương trình Mục tiêu Quốc gia về Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng Dân tộc Thiếu số

80. UBND tỉnh Đắk Nông vừa ban hành Quyết định 1437/QĐ-UBND thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2045, phù hợp với Quyết định 1719 của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 14/10/2021. Mục tiêu của kế hoạch thực hiện là nhằm phát triển vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh nhanh, toàn diện, bền vững cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

5. TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI, VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU.

5.1 TÓM TẮT CÁC PHÁT HIỆN VÀ KHUYẾN NGHỊ CỦA CÁC NGHIÊN CỨU VÀ THAM VẤN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

81. Các hoạt động đánh giá do dự án thực hiện liên quan đến các tác động môi trường và xã hội tiềm ẩn hoặc thực tế của dự án, bao gồm các rủi ro tiềm ẩn và tác động bất lợi đối với các DTTS, cũng như đất đai, sinh kế của họ, được mô tả trong ESMF, IPPF và ESMP của dự án và được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 10. Sàng lọc, đánh giá và tham vấn

Phương pháp	Công cụ	Lĩnh vực chủ đề	Thời gian	Sự tham gia của người DTTS
Thu thập và nghiên cứu tài liệu	Dữ liệu điều tra dân số (Tổng điều tra dân số quốc gia 2019 và được cập nhật nếu có và phù hợp) Số liệu thống kê Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông. Thông tin bổ sung về các huyện mới là Khánh Sơn và Khánh Vĩnh Niên giám thống kê các 15 huyện dự án	Dân số và phân bố các nhóm DTTS trong vùng dự án Sinh kế và phát triển kinh tế	Đã được thu thập và cập nhật trong quá trình thiết kế, xây dựng và thực hiện dự án	
	Báo cáo, thông tin, dữ liệu và tài liệu về phát triển DTTS ở các tỉnh và huyện dự án bao gồm báo cáo phát triển DTTS của chính phủ, báo cáo dự án phát triển có liên quan ở các tỉnh, IPP/REMDP từ các dự án của ADB/Ngân hàng Thế giới tại các tỉnh	Nỗ lực, hỗ trợ, chính sách và chương trình phát triển DTTS từ chính phủ và các tổ chức khác		
	Báo cáo kinh tế - xã hội cấp xã tại các xã dự án	Thông tin tổng thể về kinh tế - xã hội, dân số và phân bố của các nhóm DTTS tại các xã dự án, sinh kế của họ, phong tục truyền thống và các chương trình/hành động liên quan và đang thực hiện để phát triển DTTS		

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

Phương pháp	Công cụ	Lĩnh vực chủ đề	Thời gian	Sự tham gia của người DTTS
	Các nghiên cứu có liên quan về các nhóm DTTS được trình bày trong các khu vực dự án	Ngôn ngữ, cấu trúc xã hội, sinh kế, tôn giáo, phong tục và tín ngưỡng của các nhóm DTTS	Đã được thu thập và cập nhật trong quá trình thiết kế, xây dựng và thực hiện dự án	
Sàng lọc	SESP tổng thể của dự án bao gồm những huyện mới ở Khánh Hòa	Xác định các rủi ro của dự án, đặc biệt là rủi ro đối với đồng bào DTTS và đề xuất các biện pháp giảm thiểu	Tháng 6 năm 2021	Công việc thực địa với sự tham gia và tham vấn với các thành viên của cộng đồng trong các huyện dự án
	Sàng lọc rủi ro đối với đồng bào DTTS ở các cấp địa phương. Sàng lọc bổ sung cũng đã được tiến hành ở huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh	Xác định các rủi ro của dự án đối với DTTS ở từng tỉnh và đề xuất các biện pháp giảm thiểu	Quy trình định kỳ với tham vấn mở rộng từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2022	Tiến hành sàng lọc với sự tham vấn của UBND cấp tỉnh, chính quyền địa phương, đại diện cộng đồng DTTS tại mỗi tỉnh
Phỏng vấn và tham gia rộng rãi	Phỏng vấn trường thôn tại các xã dự án	Cấu trúc và mối quan hệ cộng đồng DTTS Sử dụng đất Địa điểm tôn giáo, linh thiêng Tiếp cận các dịch vụ cơ bản Các nguồn sinh kế bao gồm hoạt động nông nghiệp Hỗ trợ trước đây và hiện tại về phát triển DTTS	Tháng 4 – Tháng 10 năm 2022	Các lãnh đạo cộng đồng và người DTTS đã tham gia vào các cuộc phỏng vấn và sự tham gia của cán bộ PPMU; và phỏng vấn theo điều tra hộ gia đình cơ bản của công ty khảo sát với 93 trường thôn
	Phỏng vấn đại diện UBND xã, cán bộ khuyến nông và cán bộ địa chính xã		Tháng 4 – Tháng 10 năm 2022	Được thực hiện và tham gia bởi các cán bộ PPMU để hiểu tình trạng kinh tế xã hội của các nhóm DTTS

Phương pháp	Công cụ	Lĩnh vực chủ đề	Thời gian	Sự tham gia của người DTTS
				tại các địa điểm dự án
	Phỏng vấn các thành viên của cộng đồng		Tháng 4 – Tháng 10 năm 2022	Các thành viên của cộng đồng DTTS đã tham gia vào quá trình lựa chọn người hưởng lợi của dự án, tham vấn, thiết kế ao cộng đồng và khảo sát hộ gia đình cơ bản (hơn 1000 hộ gia đình DTTS được phỏng vấn bởi công ty khảo sát)
Tham vấn	Hai hội thảo thẩm định cấp quốc gia trong giai đoạn thiết kế dự án Hội thảo khởi động dự án quốc gia	Tổng quan về dự án, hiện trạng và sự tham gia của DTTS vào các hoạt động của dự án	Tháng 9 năm 2019 Tháng 10/2021	Đại diện UBND, CERDA, CSDM và SRD
	05 hội thảo khởi động dự án cấp tỉnh 51 Hội thảo phổ biến thông tin dự án tại 51 xã tại 4 tỉnh	Thông tin dự án, tham vấn, thông báo về GRM và thu thập ý kiến phản hồi (có thu thập quan điểm theo phân tách giới) Xác định và xem xét rủi ro của dự án (bao gồm cả các rủi ro đối với DTTS)	Tháng 1– 6 năm 2022 Tháng 4 – Tháng 10 năm 2022	UBND cấp tỉnh, Hội LHPN, cán bộ huyện, UBND 51 xã dự án, trưởng thôn, trưởng và thành viên cộng đồng DTTS Người tham gia đại diện cho lãnh đạo cộng đồng địa phương, người DTTS

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

Phương pháp	Công cụ	Lĩnh vực chủ đề	Thời gian	Sự tham gia của người DTTS
				kể cả phụ nữ và thanh niên
	Các cuộc họp tham vấn với các thành viên của cộng đồng để xây dựng ESMP và các tài liệu chính sách an toàn khác (KH DTTS, sơ đồ địa điểm)	Tham vấn về phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, sinh kế và những điều cấm kỵ của người DTTS (nếu có) Kỳ vọng của nhóm DTTS trong hoạt động dự án Quyền rút lui khỏi dự án	Tháng 7 năm 2022 (8 xã) với sự hỗ trợ của nhóm tư vấn trong nước Tháng 7 – tháng 9 năm 2022 (43 xã) được hỗ trợ bởi các PPMU kết hợp với quá trình lựa chọn người hưởng lợi	Thành viên của cộng đồng
	Hội thảo thẩm định các chính sách an toàn của dự án	Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) Tham vấn các biện pháp giảm thiểu Thông báo về quy trình FPIC và quyền rút khỏi/từ chối dự án	Tháng 7 năm 2022 tại thị xã Buôn Mê Thuột tỉnh Đắk Lắk	CPMU, PPMU và đại diện cộng đồng DTTS cùng chính quyền địa phương (60 người tham dự)
	Tham vấn của các công ty tư vấn thiết kế về vị trí và thiết kế hồ điều hòa khí hậu	Các vấn đề liên quan đến công trình xây dựng Vị trí các công trình xây dựng Tham vấn các biện pháp giảm thiểu liên quan đến hoạt động 1.21 và 1.3.1	Tháng 4 năm 2022 – Tháng 1 năm 2023	Các thành viên của cộng đồng liên quan đến các hoạt động 1.2.1 và 1.3.1 (xây dựng ao cộng đồng/hệ thống kết nối dậm cuối)
	Hội thảo tham vấn cộng đồng tại 51 xã	Tổng quan về các hoạt động của dự án Phổ biến thông tin rộng rãiTiếp tục tham vấn các hoạt động của dự án Lắng nghe cộng đồng (đặc biệt là nhu cầu của cộng đồng) Có được sự đồng ý (quyền rút khỏi dự	Tháng 9 năm 2022 – Tháng 2 năm 2022	Thành viên cộng đồng và người DTTS

Phương pháp	Công cụ	Lĩnh vực chủ đề	Thời gian	Sự tham gia của người DTTS
		án được thông báo trước)		
	Hội thảo tham vấn bổ sung với cộng đồng ở 17 xã của hai huyện mới (Khánh Sơn và Khánh Vĩnh)	Tổng quan về các hoạt động của dự án Phổ biến thông tin rộng rãiTiếp tục tham vấn các hoạt động của dự án Lắng nghe cộng đồng (đặc biệt là nhu cầu của cộng đồng) Có được sự đồng ý (quyền rút khỏi dự án được thông báo trước)	Tháng 6 năm 2022 – Tháng 2 năm 2023	Các cộng đồng DTTS địa phương đồng lòng ủng hộ các hoạt động can thiệp của dự án.

82. Các hoạt động đánh giá này bao gồm:

- (i) Dự án đã được thảo luận với nhiều bên liên quan bao gồm các cơ quan chính phủ có liên quan, các nhóm ngành, tổ chức phi chính phủ và các thành viên cộng đồng cá nhân và văn kiện dự án được Chính phủ phê duyệt. Các cuộc tham vấn được triển khai rộng rãi trong quá trình thiết kế dự án (cũng như trong các dự án trước đó mà dự án đang hướng tới để nâng cấp). Các cuộc tham vấn thực địa tiếp theo đã được thực hiện tại 51 xã dự án (trừ Khánh Hòa đang chờ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu) của 13 huyện dự án ở 4 tỉnh (Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông) năm 2022. Tham vấn bổ sung đã được tiến hành ở với khu vực dự án mới tại Khánh Hòa - 17 xã thuộc hai huyện mới - trong tháng 6 năm 2022 và tháng 2 năm 2023.
- (ii) Việc tham vấn đã được thực hiện với các nhóm DTTS ở các khu vực mục tiêu của dự án và là một phần của quá trình xây dựng dự án. Ngay từ giai đoạn xây dựng ý tưởng, các đơn vị đã công nhận và đồng ý rằng nhóm mục tiêu chính của dự án này phải là những người dân dễ bị tổn thương nhất và các nhóm DTTS chiếm một tỷ lệ không cân đối trong các hộ nghèo trong cả nước.
- (iii) Quan điểm và thông tin về các DTTS ở các huyện mục tiêu được tổng hợp từ các cuộc tham vấn với các bên liên quan tại địa phương được thực hiện trong quá trình xây dựng và thẩm định đề xuất tài trợ, gồm các hội thảo diễn ra từ năm 2018 đến 2019, hội thảo khởi động dự án vào tháng 10 năm 2021 và 5 hội thảo khởi động cấp tỉnh từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2022 và các buổi hội thảo tham vấn bổ sung đã được tổ chức từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 2 năm 2023 tại các huyện mới (Khánh Sơn và Khánh Vĩnh).

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

- (iv) Trong quá trình tham vấn như một phần của thiết kế dự án này, ý kiến của người DTTS đã được thu thập và tổng hợp. Dự án cũng tham vấn với nhiều bên liên quan thông qua việc mời đại diện của các nhóm dân tộc khác nhau, đại diện của UBND và các tổ chức phi chính phủ đang hỗ trợ các vấn đề liên quan đến DTTS, như được mô tả dưới đây:
- Tham vấn với các cộng đồng nông dân DTTS: Đại diện của các nhóm DTTS đã tham gia tham vấn với các cộng đồng nông nghiệp diễn ra trong suốt năm 2018. Hai cuộc thảo luận nhóm tập trung với các nhóm nông dân nữ, tổng cộng có 25 phụ nữ DTTS, cũng đã diễn ra vào tháng 9 năm 2018.
 - Sự tham gia của đại diện UBND: UBND là cơ quan chính phủ có mặt ở cấp trung ương và cấp tỉnh. UBND được mời tham gia tất cả các cuộc tham vấn quan trọng cấp quốc gia và cấp địa phương. UBND cũng là thành viên Ban Chỉ đạo Dự án của SACCR. Các UBND cấp tỉnh tại các tỉnh dự án được mời tham dự các hội thảo khởi động dự án cấp tỉnh và được tham vấn về việc thúc đẩy sự tham gia của người DTTS vào các hoạt động của dự án.
 - Sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ: ba tổ chức phi chính phủ tích cực hỗ trợ các DTTS đã tham gia vào các cuộc tham vấn quốc gia. Họ đã tham gia hai cuộc tham vấn quốc gia bao gồm hội thảo thẩm định quốc gia vào tháng 9 năm 2019 và hội thảo khởi động dự án vào tháng 10 năm 2021. Ba tổ chức phi chính phủ là: Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển vùng cao (CERDA); Trung tâm Phát triển bền vững Miền núi (CSDM); và Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD).
- (v) Một loạt các hội thảo và vòng tham vấn do UNDP, CPO và PPMU thực hiện vào tháng 7 - tháng 9 năm 2022, cũng như sự hỗ trợ từ các chuyên gia môi trường và xã hội của dự án, như được nêu trong Bảng 1 của ESMP, bao gồm:
- Các cuộc tham vấn tại tám xã dự án mẫu do nhóm Tham vấn quốc gia từ CPO/MARD phối hợp với các chuyên gia chính sách an toàn tại các PPMU tiến hành vào tháng 7 năm 2022.
 - Một hội thảo tham vấn tại tỉnh Đắk Lắk với sự tham gia của các cán bộ dự án và đại diện cộng đồng địa phương để xây dựng ESMP vào tháng 7 năm 2022 và cung cấp các khóa đào tạo về đảm bảo dự án bao gồm các nhóm DTTS.
 - Các cuộc tham vấn sâu hơn và sự tham gia rộng rãi do các PPMU tiến hành ở phần còn lại của 43 xã dự án về phát triển DTTS từ tháng 7 - tháng 10 năm 2022.
 - Công bố thông tin, tham vấn và lựa chọn đối tượng hưởng lợi
 - Tham vấn và tham gia của các công ty thiết kế về ao cộng đồng
 - Tham vấn cộng đồng để tìm kiếm sự đồng thuận (thông tin được tiết lộ và quyền rút khỏi được thông báo trước) tại các xã của dự án

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

- Các hoạt động gắn kết khác nhau với người DTTS và cộng đồng (ví dụ: phỏng vấn ngẫu nhiên, khảo sát hiện trường, thông tin được công bố trong các cuộc họp cộng đồng, áp phích, tờ rơi tại hội trường cộng đồng, loa phát thanh) để thu thập phản hồi của người DTTS và cộng đồng

(vi) Tham vấn bổ sung tại hai huyện mới - Khánh Sơn và Khánh Vĩnh - tỉnh Khánh Hòa.

- Phổ biến thông tin dự án, tổ chức các cuộc họp cộng đồng và tham vấn cộng đồng dân tộc thiểu số từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 2 năm 2023.
- Sàng lọc Môi trường và Xã hội vào tháng 8 năm 2022 và tháng 2 năm 2023.
- Tham vấn với UBND và chính quyền địa phương về các chương trình phát triển DTTS hiện có.

83. Những phát hiện và khuyến nghị chính của các nghiên cứu tác động xã hội và môi trường trước đây và cụ thể là những nghiên cứu liên quan đến người DTTS, quyền, đất đai, sinh kế của họ, được tóm tắt trong bảng sau.

84. Bảng dưới đây trình bày các tác động tích cực và tiêu cực tiềm tàng từ các đánh giá và tham vấn liên quan trong giai đoạn xây dựng dự án, xây dựng IPPF của dự án, tham vấn thêm trong giai đoạn khởi động dự án và sẽ được cập nhật liên tục (xin lưu ý rằng các tác động môi trường và xã hội nói chung phát sinh từ các công trình xây dựng như bụi, tiếng ồn và chất thải trong thời gian xây dựng được đề cập riêng trong ESMP của dự án (đặc biệt là Bảng 14 và Phần 6) và các rủi ro và tác động từ Hoạt động 1.1 đối với người DTTS sẽ được đề cập riêng trong Kế hoạch Tái định cư và Phát triển DTTS (REMDP) của dự án WEIDAP cùng với các giải pháp kỹ thuật từ các nhóm chính sách an toàn của SACCR):

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

Bảng 11 Tác động tiềm năng từ các can thiệp của dự án

Khu vực can thiệp	Hoạt động liên quan	Tác động tích cực tiềm ẩn	Tác động tiêu cực tiềm ẩn
Cơ sở hạ tầng thủy lợi (Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1)	Xây dựng kết nối đê cuối (LMC) và ao chống chịu khí hậu 1.2 và 1.3	<p>Nông dân DTTS – là những nông dân dễ bị tổn thương nhất – sẽ tăng cường khả năng tiếp cận nước và trữ nước từ các kết nối đê cuối đã được phát triển và xây dựng hoặc nâng cấp các hệ thống trữ nước bổ sung hiện có (ao) như một phương pháp để tăng cường an ninh nước cho sản xuất nông nghiệp khi đối mặt với biến thiên lượng mưa do khí hậu gây ra và hạn hán.</p> <p>Nông dân DTTS – là những nông dân dễ bị tổn thương nhất – được hỗ trợ tốt hơn để lập kế hoạch canh tác nhờ tăng cường an ninh nước</p>	<p>Tạm thời gián đoạn hoạt động canh tác của người DTTS trong quá trình xây dựng</p> <p>Các hộ gia đình DTTS có thể ít được tiếp cận với thông tin về dự án hơn và do đó có thể có ít cơ hội hưởng lợi hơn từ các hoạt động này</p> <p>Thiết kế đê cuối và ao cộng đồng có thể không được tối ưu hóa theo nhu cầu của các nông dân DTTS</p> <p>Nhà thầu – trong quá trình xây dựng – không nhạy cảm với phong tục tập quán của người DTTS, dễ dẫn đến mâu thuẫn</p> <p>Cơ chế chia sẻ lợi ích không phù hợp đối với ao chung có thể khiến các thành viên DTTS không nhận được đầy đủ lợi ích dự kiến</p>
Áp dụng đổi mới công nghệ	<p>Các kỹ thuật tưới tiết kiệm nước nâng cao từ Hoạt động 1.4</p> <p>Thực hành nông nghiệp thông minh từ gói CRA từ Hoạt động 2.1</p> <p>Thông tin khí hậu nông nghiệp từ Hoạt động 2.3</p>	<p>Năng suất nông nghiệp của nông dân DTTS sẽ tăng, ổn định và bền vững nhờ áp dụng các kỹ thuật và công nghệ tưới tiết kiệm nước, cùng với các phương thức canh tác nông nghiệp thông minh</p> <p>Tăng cường khả năng chống chịu khí hậu của các hệ thống cây trồng và hệ sinh thái nông nghiệp</p> <p>Nông dân DTTS tiếp cận tốt hơn với thông tin khí hậu nông nghiệp để lập kế hoạch canh tác</p> <p>Nông dân DTTS sẽ có cơ hội phát huy kiến thức truyền thống của họ từ các lớp học đồng ruộng (FFS)</p>	<p>Rào cản ngôn ngữ có thể hạn chế sự tham gia của các hộ gia đình DTTS và việc họ áp dụng các đổi mới công nghệ</p> <p>Những đổi mới công nghệ được giới thiệu có thể không phù hợp với tập quán truyền thống và luật tục của người DTTS</p> <p>Các hộ gia đình DTTS có thể ít được tiếp cận với thông tin về dự án hơn và do đó có thể không nhận được đầy đủ lợi ích dự kiến</p> <p>Nông dân DTTS có thể không được hưởng lợi đầy đủ từ những đổi mới công nghệ đòi hỏi phải tiếp cận thêm với nguồn nước do cơ chế chia sẻ nguồn nước không phù hợp.</p>
Sinh kế và đào tạo	Hoạt động 1.4 và 2.1	Nông dân DTTS sẽ được hưởng lợi từ việc tăng năng suất và ổn định sản xuất nông nghiệp của nông dân nghèo và cận nghèo bằng cách giảm thiểu tính dễ bị tổn thương do khí hậu đối với tài sản sản xuất của họ, chủ yếu là đất, nước và cây trồng thông qua	Các can thiệp có thể không được thiết kế phù hợp cho cộng đồng hoặc người DTTS và/hoặc có thể không phù hợp với truyền thống, phong tục và tập quán của người DTTS.

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

Khu vực can thiệp	Hoạt động liên quan	Tác động tích cực tiềm ẩn	Tác động tiêu cực tiềm ẩn
		<p>đào tạo. Nông dân DTTS sẽ được hưởng lợi từ việc xây dựng năng lực để áp dụng các phương pháp có sự tham gia phù hợp để đánh giá tính dễ bị tổn thương do khí hậu của các hệ sinh thái nông nghiệp của họ và xác định các chiến lược và biện pháp thích ứng để quản lý rủi ro khí hậu.</p> <p>Nông dân DTTS sẽ được hưởng lợi từ các phương tiện cần thiết để tiếp cận nguồn nước tưới tiêu, điều này sẽ dẫn đến tăng thu nhập, giúp giảm thiểu bất bình đẳng kinh tế xã hội ở các xã dễ bị tổn thương do khí hậu.</p> <p>Nông dân DTTS sẽ được hưởng lợi từ việc nâng cao năng suất nước, giúp tiết kiệm lao động và tiền tệ, do đó làm gia tăng thu nhập ròng.</p> <p>Nông dân DTTS sẽ được hưởng lợi từ các lớp FFS do việc họ là đại diện cho các cộng đồng DTTS trong chương trình</p>	<p>Các can thiệp có thể không được thiết kế phù hợp với cộng đồng DTTS và/hoặc không phù hợp với các truyền thống, phong tục và tập quán của DTTS.</p> <p>Rào cản ngôn ngữ có thể hạn chế sự tham gia của các hộ DTTS trong FFS</p> <p>Nông dân DTTS có thể không được hưởng lợi đầy đủ từ những đổi mới công nghệ đòi hỏi phải tiếp cận thêm với nguồn nước do cơ chế chia sẻ nguồn nước không phù hợp.</p>
Liên kết và tiếp cận thị trường	Hoạt động 2.2	<p>Nông dân DTTS sẽ được hưởng lợi từ việc nâng cao năng lực lập kế hoạch và quản lý tài sản sản xuất của họ bằng cách tiếp cận kinh doanh để sản xuất cây trồng chống chịu khí hậu.</p> <p>Nông dân DTTS sẽ được hưởng lợi từ việc tăng khả năng tiếp cận tín dụng cũng như thị trường, đặc biệt là nâng cao giá trị cho các sản phẩm truyền thống/bản địa.</p> <p>Nông dân DTTS sẽ được hưởng lợi từ việc đa dạng hóa sản xuất của họ như một biện pháp quản lý rủi ro khí hậu, bao gồm thông qua các hệ thống nông lâm kết hợp và các hình thức trồng trọt hỗn hợp khác, giúp cải thiện độ che phủ của đất, tăng cường chu kỳ dinh dưỡng, tăng cường lượng mưa thấm vào và cải thiện khả năng bổ sung của tầng chứa nước.</p>	<p>Các hoạt động như hội chợ thương mại, triển lãm và đào tạo có thể không được thiết kế phù hợp cho cộng đồng và người DTTS và/hoặc có thể không phù hợp với truyền thống, phong tục và tập quán của DTTS, làm hạn chế việc áp dụng.</p> <p>Rào cản ngôn ngữ có thể hạn chế sự tham gia của các hộ gia đình DTTS và khả năng tiếp cận tín dụng và thị trường của họ</p> <p>Nông dân DTTS có thể không được hưởng lợi đầy đủ từ những đổi mới công nghệ đòi hỏi phải tiếp cận thêm với nguồn nước do cơ chế chia sẻ không đầy đủ</p>

Khu vực can thiệp	Hoạt động liên quan	Tác động tích cực tiềm ẩn	Tác động tiêu cực tiềm ẩn
Tính toàn diện	Tất cả các hoạt động	<p>Người DTTS sẽ được hưởng lợi từ việc tham gia vào quá trình ra quyết định và được trao quyền</p> <p>Người DTTS sẽ có chương trình/ diễn đàn (ví dụ: CIP, FFS) để nói lên các vấn đề của họ</p> <p>Người DTTS sẽ tự tin hơn sau các buổi tập huấn và nâng cao nhận thức</p>	<p>Các DTTS có thể không được đại diện đầy đủ trong các diễn đàn đối mới khí hậu nhiều bên và các lớp học đồng ruộng (FFS) và trong quá trình ra quyết định</p> <p>Các buổi đào tạo và nâng cao nhận thức có thể không phù hợp với các phong tục của người DTTS, làm hạn chế sự tham gia của người DTTS trong các hoạt động này</p> <p>Nếu có cộng đồng chuyển đến các địa điểm dự án để cư trú và/hoặc tiến hành các hoạt động sinh kế do các can thiệp của WEIDAP, điều này có thể làm tăng áp lực đối với việc tiếp cận đất đai và các tài nguyên khác của người dân và cộng đồng DTTS</p>

85. Với những tác động tiềm ẩn nói trên, những khuyến nghị này được đưa ra để đảm bảo có thể tránh và giảm thiểu các tác động tiêu cực và các tác động tích cực có thể được nhân rộng:

- Đảm bảo các cuộc tham vấn có ý nghĩa và hiệu quả với các cộng đồng DTTS trước khi bắt đầu các hoạt động và quy trình FPIC được áp dụng khi thích hợp
- Thu thập thông tin và đảm bảo sự hiểu biết giữa tất cả các bên liên quan của dự án về truyền thống, thông lệ và tập quán của người DTTS trong vùng dự án
- Đảm bảo các truyền thống, tập quán và phong tục của người DTTS được lồng ghép trong quá trình thiết kế và thực hiện các hoạt động
- Người thực hiện dự án, công ty thiết kế, nhà thầu xây dựng, cơ sở đào tạo và cung cấp dịch vụ nhận thức được truyền thống, tập quán và phong tục của người DTTS và xây dựng các kế hoạch để đảm bảo các truyền thống, tập quán và phong tục này được tôn trọng
- Thông tin dự án nên được phổ biến đến các cộng đồng DTTS có cân nhắc về ngôn ngữ và hình thức chuyển tải.
- Cần tính toán và xem xét đến cơ chế chia sẻ lợi ích
- Thúc đẩy sự tham gia và lãnh đạo của người DTTS trong các tổ nhóm có liên quan (CIP, ACIS, FFS, WUG) để đảm bảo sự tham gia cộng đồng DTTS
- Cân nhắc cẩn thận về ngôn ngữ và phong tục khi thực hiện hoạt động với người DTTS

5.2 CÁC BIỆN PHÁP ĐƯỢC HOẠCH ĐỊNH ĐỂ TRÁNH, GIẢM THIỂU, GIẢM NHẸ HOẶC ĐÈN BÙ CHO NHỮNG RỦI RO TIỀM ẨN VÀ TÁC ĐỘNG BẤT LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI DTTS, TỚI ĐẤT ĐAI, NGUỒN SINH KẾ CỦA HỌ

86. Với những rủi ro tích cực và tiêu cực được dự đoán trước trong Bảng 13, các biện pháp tránh và giảm thiểu được áp dụng cho các tác động tiêu cực và các biện pháp nhân rộng tác động tích cực được trình bày trong Bảng 14.

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Bảng 14 Các vấn đề tiềm ẩn đối với các DTTS và các biện pháp khắc phục có liên quan

Vấn đề	Biện pháp khắc phục	Khung thời gian	Người chịu trách nhiệm/đầu mối	Công cụ/phương pháp	Các chỉ số hiệu suất chính
Phổ biến thông tin dự án đến DTTS	Thông tin dự án được phổ biến rộng rãi qua loa phóng thanh bằng tiếng địa phương	Q1-Q4 .2022	PPMU, UBND xã	Loa phát thanh	Thông tin được cung cấp ở tất cả các xã dự án
	Đảm bảo sự tham gia của DTTS trong các sự kiện phổ biến thông tin của dự án	Trong chu kỳ dự án	PPMU, nhà thầu	Danh sách người tham gia; báo cáo giám sát	Sự tham gia của người DTTS đạt được theo IPPF và Mục 9 của GAP
	Đảm bảo bố trí phiên dịch phù hợp trong các sự kiện và hoạt động của dự án	Trong chu kỳ dự án	PPMU, nhà thầu, UBND xã	Một phần của danh sách kiểm tra hậu cần	Bố trí trong tất cả các buổi sự kiện có người DTTS không thông thạo tiếng Kinh
	Tờ rơi thông tin về dự án được dán tại các hội trường cộng đồng với thông tin rõ ràng, ngắn gọn về dự án, tiêu chí đủ điều kiện và cách thức đăng ký, tham gia dự án (bằng tiếng Kinh và tiếng địa phương, hình thức dễ theo dõi và tránh sử dụng thuật ngữ quá chuyên môn)	Q2-Q3.2022	Ban QLDA tỉnh, UBND xã, trường thôn	Tờ rơi	Tờ rơi có ở tất cả các xã/thôn/xóm dự án
	Hội thảo khởi động quốc gia về dự án SACCR với các đại diện cộng đồng DTTS và Các tổ chức phi chính phủ về DTTS địa phương	14 tháng 10 năm 2021	UNDP-CPMU	Biên bản cuộc họp và báo cáo khởi động dự án	1 hội thảo (đã thực hiện)
	Hội thảo khởi động cấp tỉnh với sự tham gia của đại diện cộng đồng DTTS	Q1-Q2 2022; sau đối với Khánh Hòa	Các PPMU	Hội thảo	4 hội thảo đã thực hiện; 1 hội thảo bổ sung sẽ được tổ chức vào quý 4 năm 2023 cho các huyện mới của Khánh Hòa.
	Hội thảo phổ biến thông tin dự án ở cấp xã với đại diện và thành viên các cộng đồng DTTS	Q2-Q3 2022; sau đối với Khánh Hòa	PPMU và UBND xã	Hội thảo	Tất cả các xã dự án. 51 hội thảo đã thực hiện; hội thảo bổ sung sẽ được tổ chức vào Q4 năm 2023 ở Khánh Hòa
Tiếng nói và phản hồi của người DTTS	Tập huấn thành lập cơ chế thực hiện GRM	Q1-Q2 .2022:	Cán bộ CSAT PPMU; Cán bộ UBND xã, trường thôn và lãnh đạo	Biểu mẫu và hồ sơ đóng góp ý kiến theo ESMP	3 khóa đào tạo (đã được thực hiện)

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

Vấn đề	Biện pháp khắc phục	Khung thời gian	Người chịu trách nhiệm/đầu mối	Công cụ/phương pháp	Các chỉ số hiệu suất chính
	Hệ thống GRM được thiết lập tại các xã dự án với ngôn ngữ địa phương và tôn trọng cấu trúc cộng đồng	Q1-Q2 .2022: Sau này cho các huyện mới của Khánh Hòa	cộng đồng Cán bộ CSAT PPMU; Cán bộ UBND xã, trưởng thôn và lãnh đạo cộng đồng	Biểu mẫu và hồ sơ	Hoạt động phù hợp với mô tả GRM trong ESMP của dự án
	Thông tin về GRM được phổ biến ở cộng đồng thông qua các cuộc họp cộng đồng, áp phích tại các hội trường cộng đồng, loa phát thanh ở xã và phổ biến trong các cuộc họp cộng đồng	Q1-Q2 .2022: Q4 2023 cho các huyện mới của Khánh Hòa	Ban QLDA tỉnh, UBND xã, trưởng thôn	Họp, tờ rơi, loa phóng thanh	Có ở tất cả các xã của dự án
Lựa chọn hộ hưởng lợi	Thu thập thông tin về các hộ gia đình đủ điều kiện đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện theo quy định trong Văn kiện dự án cùng với danh sách các hộ gia đình DTTS ở mỗi xã Cung cấp thông tin của dự án và tiêu chí đủ điều kiện thông qua các cuộc họp cộng đồng, tờ rơi và loa phóng thanh Các cuộc họp cộng đồng để thông báo tiêu chí đủ điều kiện và hoàn thành danh sách đăng ký ban đầu	Q1-Q4 .2022: Dự kiến Q4 2023 tại các huyện mới của Khánh Hòa	Ban QLDA tỉnh, UBND xã, trưởng thôn, già làng trưởng bản	Họp, tờ rơi, loa phóng thanh; dữ liệu thứ cấp tại UBND xã	Tất cả các hộ gia đình đủ điều kiện được liệt kê
	Niêm yết danh sách đăng ký ban đầu tại các khu sinh hoạt cộng đồng và thông báo danh sách này qua loa phát thanh	Q2-Q3 .2022: Dự kiến Q4 2023 tại các huyện mới của Khánh Hòa	Ban QLDA tỉnh, UBND xã, trưởng thôn	Tờ rơi thông tin, loa phóng thanh	Thông tin được dán và thông báo tại tất cả các xã dự án
	Tiếp nhận và giải quyết mọi thắc mắc/phản hồi nếu có	Trong chu kỳ dự án	Cán bộ CSAT PPMU; Cán bộ UBND xã, trưởng thôn và lãnh đạo cộng đồng	Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM)	Hoạt động phù hợp với mô tả GRM trong ESMP của dự án
Phong tục, tập quán của người DTTS	Tham vấn với người DTTS và cộng đồng, lãnh đạo cộng đồng và chính quyền địa phương để hiểu về truyền thống, phong tục tập quán của người DTTS và những điều cấm kỵ. Các chuẩn mực văn hóa DTTS này sẽ được cập nhật trong suốt quá trình thực	Q1-Q4 .2022: Dự kiến Q4 2023 tại các huyện mới của Khánh Hòa	Cán bộ CSAT của các PPMU (Cán bộ Môi trường và Xã hội), trưởng thôn, lãnh đạo cộng đồng, nhà thầu, nhà cung	Các cuộc họp tham vấn; Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP)	Tham vấn được thực hiện ở tất cả các xã dự án

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Vấn đề	Biện pháp khắc phục	Khung thời gian	Người chịu trách nhiệm/đầu mối	Công cụ/phương pháp	Các chỉ số hiệu suất chính
	hiện Các khóa đào tạo từ UNDP cho cán bộ của CPMU và PPMU về: Các biện pháp quy định trong IPPF Quy trình FPIC và xây dựng KH DTTS Các vấn đề cần ghi nhận/hành động khi làm việc với các PPMU	Tháng 1 – Tháng 7 năm 2022	Cán bộ CSAT của UNDP, CPMU và PPMU	Báo cáo đào tạo; Chương trình đào tạo	3 khóa đào tạo (đã được thực hiện)
	Các PPMU thông báo/đào tạo cho các nhà thầu/công ty tư vấn/nhà cung cấp dịch vụ về các yêu cầu của dự án và các biện pháp được nêu trong IPPF/IPP về cách làm việc với các cộng đồng DTTS Đào tạo của nhà thầu cho cán bộ/công nhân về quy trình làm việc với cộng đồng DTTS	Trước khi khởi công	Cán bộ CSAT của các PPMU (Cán bộ Môi trường và Xã hội), trưởng thôn, lãnh đạo cộng đồng, nhà thầu, nhà cung cấp dịch vụ	Đào tạo; cuộc họp	Áp dụng cho tất cả các nhà thầu
	Các nhà thầu đưa các thông lệ, tín ngưỡng và phong tục địa phương vào các kế hoạch và quy trình làm việc của họ	Trước khi khởi công	Nhà thầu thi công	Nội quy làm việc	Áp dụng cho tất cả các nhà thầu
	Nhà thầu tổ chức họp với cộng đồng và đại diện UBND xã trước khi khởi công xây dựng để khởi công công trình và giải quyết các vướng mắc nếu có	Trước khi khởi công	Nhà thầu; UBND xã; trưởng thôn	Các cuộc họp cộng đồng	Tất cả các công trường
	Báo cáo hai tuần một lần cho cán bộ CSAT của PPMU từ nhà thầu	Trong chu kỳ dự án	Nhà thầu, PPMUs, cán bộ CSAT	Báo cáo	Áp dụng cho tất cả các nhà thầu
Đại diện và vai trò của DTTS	Đảm bảo các thành viên cộng đồng DTTS, đặc biệt là phụ nữ DTTS, được mời tham gia lập kế hoạch	Trong chu kỳ dự án; trước khi các can thiệp của dự án diễn ra	Các PPMU	Bảng kiểm	50% phụ nữ và 20% DTTS tham gia
	Đảm bảo DTTS tham gia và đảm nhận vai trò lãnh đạo trong các diễn đàn về đổi mới khí hậu (CIP), Dịch vụ thông tin khí hậu nông nghiệp (ACIS) và Lớp học đồng ruộng (FFS); Nhóm sử dụng nước (WUG)	Trong chu kỳ dự án	các PPMU; giảng viên	Báo cáo giám sát	30% phụ nữ; 20% DTTS ở vị trí lãnh đạo
Tham vấn và đạt được sự đồng thuận	FPIC đạt được khi áp dụng	Trong chu kỳ dự án	UNDP, CPMU, PPMU, UBND xã, trưởng thôn và già làng trưởng bản	Các cuộc họp tham vấn, danh sách kiểm tra, các điều khoản hợp đồng	Áp dụng cho Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Vấn đề	Biện pháp khắc phục	Khung thời gian	Người chịu trách nhiệm/đầu mối	Công cụ/phương pháp	Các chỉ số hiệu suất chính
				với các nhà cung cấp dịch vụ	
	Tham vấn cộng đồng với cộng đồng DTTS và nông dân về các can thiệp của dự án cũng như quyền rút lui/từ chối dự án được thông báo và đạt được sự đồng thuận của cộng đồng	Q2-Q4 .2022: Dự kiến Q4 2023 tại Khánh Hòa	UNDP, CPMU, PPMU, UBND xã, trưởng thôn và già làng trưởng bản	Tham vấn cộng đồng	Áp dụng cho Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1
	Tham vấn thiết kế về kết nối dặm cuối (LMC) và ao cộng đồng	Trong chu kỳ dự án	UNDP, CPMU, PPMU, UBND xã, trưởng thôn và già làng trưởng bản	Tham vấn	Áp dụng cho Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1
	Tham vấn về tác động của các gói CRA mới và tác động đối với nông dân DTTS	Q2-Q4 .2022:	Tham vấn nông nghiệp	Thảo luận nhóm tập trung; phỏng vấn	Tham vấn được thực hiện ở tất cả các xã dự án
	Tham vấn nông dân DTTS về nhu cầu tiếp cận thị trường và tín dụng để cung cấp thông tin cho thiết kế can thiệp của dự án	Q2-Q4 .2022:	Tham vấn nông nghiệp	Thảo luận nhóm tập trung; phỏng vấn	
	Tham vấn về nhu cầu đào tạo để cung cấp thông tin cho việc thiết kế đào tạo và xây dựng chương trình giảng dạy (kỹ thuật quản lý nước, vận hành và bảo trì, đào tạo về đất và sinh khối, mô hình CRA)	Q2-Q4 .2022:	Tư vấn đào tạo	Thảo luận nhóm tập trung; phỏng vấn	
	Tham vấn nông dân DTTS về thiết kế các sản phẩm thông tin khí hậu nông nghiệp	Q2-Q4 .2022:	Tư vấn kỹ thuật	Thảo luận nhóm tập trung; phỏng vấn	
	Đạt được sự đồng thuận về danh sách người hưởng lợi (tham gia FFS)	Q2-Q4 .2022:	PPMU; UBND xã	Tham vấn cộng đồng	Đồng ý ở tất cả các xã dự án
	Đạt được sự đồng thuận về những người hưởng lợi từ các ao cộng đồng và LMC	Q2 2022 – Q2 2023 đối với đợt ao đầu tiên; Đến năm 2024 cho các đợt ao tiếp theo và LMC	PPMU; UBND xã	Tham vấn cộng đồng	Đồng ý ở tất cả các xã dự án
	Có cam kết bằng văn bản (ao cá nhân cộng đồng, ao chung, hệ thống kết nối dặm cuối) – và có xác nhận của đại diện UBND xã/trưởng thôn/cán bộ địa chính xã	Q2 2022 – Q2 2023 đối với đợt ao đầu tiên; Đến năm 2024 cho	PPMU; UBND xã	Tham vấn cộng đồng	Cam kết của tất cả các đối tượng hưởng lợi trực tiếp theo Hoạt động 1.2.1 và Hoạt động 1.3.1

Kế hoạch người Dân tộc Thiếu số

Vấn đề	Biện pháp khắc phục	Khung thời gian	Người chịu trách nhiệm/đầu mối	Công cụ/phương pháp	Các chỉ số hiệu suất chính
		các đợt ao tiếp theo và LMC			
Giai đoạn thiết kế và thực hiện	Đánh giá mức độ thông thạo ngôn ngữ Kinh (ngôn ngữ chính thức của Việt Nam) của các nhóm DTTS và đảm bảo các hoạt động Tham vấn, đào tạo, sự kiện và thông tin của dự án được phổ biến phù hợp bằng (các) ngôn ngữ địa phương	Q4 2021 – Q2 2022	UNDP, CPMU, PPMU, UBND xã, trường thôn và già làng trường bản	Danh sách kiểm tra xây dựng; báo cáo	Áp dụng cho tất cả các hoạt động của dự án
	Thời gian can thiệp của dự án được lựa chọn phù hợp khi xem xét các sự kiện truyền thống lớn của DTTS và lịch mùa vụ/thu hoạch	Trong chu kỳ dự án	Nhà thầu; PPMU	Kế hoạch thực hiện	Áp dụng cho tất cả các hoạt động của dự án
	Đảm bảo sự tham gia của người DTTS trong nhóm điều hành viên FFS	Trong chu kỳ dự án	PPMU; nhà thầu	Kế hoạch thực hiện	20% DTTS
	Các sản phẩm thông tin khí hậu nông nghiệp có sẵn bằng ngôn ngữ địa phương (ví dụ: Chăm, Raglai, M'ông và Êđê)	Trong chu kỳ dự án	Nhà thầu thi công	Thông tin sản phẩm	Theo yêu cầu
	Sản xuất tài liệu về sinh kế và đào tạo bằng ngôn ngữ địa phương (ví dụ: Chăm, Raglai, M'ông và Êđê)	Trong chu kỳ dự án	Nhà thầu thi công	Thông tin sản phẩm	Theo yêu cầu
	Tiến hành khảo sát về các địa điểm và thiết kế của ao chống chịu khí hậu và hệ thống kết nối dặm cuối	Trong chu kỳ dự án	Các công ty thiết kế; PPMU	Phương pháp khảo sát	Áp dụng cho Hoạt động 1.2.1 và Hoạt động 1.3.1
Cơ chế chia sẻ lợi ích	Đồng sáng tạo và thiết kế cơ chế chia sẻ lợi ích liên quan đến các can thiệp của dự án (ví dụ: các quy định về sử dụng, vận hành và bảo trì ao chung của cộng đồng)	Trong chu kỳ dự án	Tư vấn kỹ thuật; CPMU; PPMU	Các quy định được các chuyên gia; giám sát của PPMU thiết kế	36 Nhóm sử dụng nước và 218 Quy định của Nhóm quản lý ao
	Đảm bảo cơ chế phối hợp giữa SACCR và các Ban quản lý dự án của WEIDAP ở cấp trung ương và cấp tỉnh; huy động sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân xã tại các địa phương và sử dụng GRM của dự án để giải quyết các vấn đề liên quan	Trong chu kỳ dự án	UNDP; các CPMU và PPMU của SACCR và WEIDAP; UBND xã	Họp giao ban; GRM	Tất cả các vấn đề được giải quyết và ghi lại đúng cách
Đảm bảo lợi ích cho DTTS được hiện thực hóa	Giám sát hoạt động của nhà thầu so với Kế hoạch của nhà thầu xây dựng và quy định các hành động cũng như quy trình làm việc	Giai đoạn xây dựng (2023-2024)	Nhà thầu, cán bộ CSAT của PPMU, UBND xã, thành	Báo cáo hoạt động	Giám sát các kế hoạch/hợp đồng có sẵn

Kế hoạch người Dân tộc Thiểu số

Vấn đề	Biện pháp khắc phục	Khung thời gian	Người chịu trách nhiệm/đầu mối	Công cụ/phương pháp	Các chỉ số hiệu suất chính
	với cộng đồng DTTS trong KH DTTS, IPPF, ESMF và ESMP Báo cáo hai tuần một lần từ các nhà thầu cho các CPC và các PPMU		viên cộng đồng		
	Giám sát sự đại diện và sự tham gia của người DTTS và các cộng đồng vào các hoạt động đào tạo Giám sát sự đại diện và sự tham gia của người DTTS và các cộng đồng trong các hoạt động liên quan để hệ thống hỗ trợ bằng phiếu mua hàng liên kết thị trường và tiếp cận tín dụng và các sản phẩm thông tin khí hậu nông nghiệp Báo cáo theo yêu cầu	Trong chu kỳ dự án	Cán bộ CSAT của PPMU; cán bộ khuyến nông; các nhà cung cấp dịch vụ	Báo cáo giám sát	
	Ao chung: thực hiện và giám sát các quy định đã được thiết lập đối với ao dùng chung Các ao cá nhân và hệ thống kết nối dặm cuối: kiểm tra ngẫu nhiên	Quý 2 năm 2023 đến Quý 2 năm 2026	Các chuyên gia về tài nguyên nước của các PPMU và CPMU; cộng đồng; UBND xã	Báo cáo tiến độ hoạt động	
	Theo ESMP và TOR giám sát đối với các hoạt động của dự án 1.4 và 2.1	Quý 2 năm 2023 đến Quý 2 năm 2026	Cán bộ CSAT, chuyên gia tài nguyên nước và chuyên gia nông nghiệp của PPMU; cán bộ khuyến nông tỉnh	Báo cáo giám sát	

6. QUY TRÌNH THAM GIA, THAM VẤN VÀ FPIC

6.1 TÓM TẮT QUÁ TRÌNH THAM VẤN PHÙ HỢP VỚI VĂN HÓA VÀ FPIC CỦA DỰ ÁN

87. Dựa trên đánh giá theo danh sách kiểm tra FPIC có trong IPPF, dự án cần đảm bảo sự đồng ý dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC) cho Hoạt động 1.2.1 và Hoạt động 1.3.1 của dự án theo các chỉ dẫn và hướng dẫn trong Phần 4 của tài liệu Hướng dẫn Tiêu chuẩn 6 SES của UNDP. Các cuộc tham vấn được tiến hành với cộng đồng và người DTTS được trình bày trong Bảng 14 và bằng chứng về FPIC được cung cấp tại Phụ lục IV của KH DTTS này. Các cơ chế tham vấn lặp lại và quy trình thống nhất trong quá trình thực hiện dự án được áp dụng, như được mô tả trong Phần 6.2.
88. Cần lưu ý rằng dự án này không yêu cầu tái định cư/di dời. Đất đai của người DTTS sẽ không bị ảnh hưởng bởi sự can thiệp của dự án. Các tác động tiêu cực chủ yếu là trong thời gian xây dựng từ phát sinh bụi, tiếng ồn và chất thải. Những tác động này về bản chất là nhỏ và tạm thời và được quản lý bằng các hành động quy định trong ESMP.
89. Trong quá trình thực hiện FPIC, phụ nữ – đặc biệt là phụ nữ DTTS – đã được tham gia và tham vấn rộng rãi. Như đã nêu trong GAP của dự án, tất cả các cuộc tham vấn đều đảm bảo có ít nhất 50% phụ nữ tham gia. Quan điểm của phụ nữ cũng được ghi lại trong quá trình tham vấn. Các cuộc tham vấn đảm bảo có tính đến tiếng nói, nhu cầu và lợi ích phù hợp của phụ nữ DTTS.
90. Các cuộc họp và tham vấn với DTTS/cộng đồng đã được tổ chức đảm bảo quy trình FPIC được mô tả như sau:
- (i) Phổ biến thông tin dự án: Các tài liệu dự án đã được các PPMU Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc và Đắc Nông ¹¹ gửi đến 13 huyện và 51 xã trước khi khởi động dự án và các cộng đồng, bao gồm cả các cộng đồng DTTS, đã được tiếp cận và theo dõi tại 4 hội thảo khởi động dự án cấp tỉnh ở Tháng 4 – Tháng 7 năm 2022. Liên quan đến các hội thảo khởi động dự án cấp tỉnh này, các PPMU Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc và Đắc Nông đã tổ chức các cuộc họp để phổ biến thông tin về các can thiệp của dự án cho các bên liên quan của 13 huyện dự án và 51 xã- những xã sẽ tham gia dự án SACCR. Tại cuộc họp này, các đại diện và các bên liên quan ở cấp tỉnh, huyện và xã đã tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến về các dự án. 302 đại biểu đại diện cho 413 huyện và 5 xã (bao gồm lãnh đạo xã, lãnh đạo các ban ngành đoàn thể trong cộng đồng như chủ tịch Hội Phụ nữ, hội nông dân xã, trưởng thôn, bản và đại diện cộng đồng DTTS) đã tham gia 4 hội thảo khởi động dự án cấp tỉnh. Trong đó có 147 đại biểu là người DTTS, chiếm 48,6% đã tham dự các cuộc họp này.
 - (ii) Tại các hội thảo, các BQLDA tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc và Đắc Nông đã phổ biến thông tin về mục tiêu của dự án và các hạng mục hỗ trợ, thông tin về nhà tài trợ, tiêu chí hộ gia đình được hưởng lợi, tiêu chí xét chọn đối tượng hưởng lợi cũng như quyền lợi và vai trò của cộng đồng khi tham gia dự án.

¹¹ Xin lưu ý rằng các hoạt động tham vấn và hoạt động ở tỉnh Khánh Hòa đang chờ phê duyệt tài liệu FP125-UNDP-06032023-FP

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

- (iii) Thông tin về dự án được thông báo bằng áp phích và tờ rơi tại các hội trường cộng đồng và trụ sở UBND xã tại 51 xã và 13 huyện. Các thông tin cũng công bố rõ ràng rằng các quyết định về việc có chấp nhận dự án hay không sẽ do cộng đồng quyết định và cộng đồng có quyền rút lui. Trong các áp phích và tờ rơi này, các biện pháp can thiệp của dự án, tiêu chí đủ điều kiện và tác động tiềm năng của dự án cũng được công bố.
 - (iv) Hội thảo phổ biến thông tin dự án cấp xã đã được tổ chức tại 51 xã dự án thuộc 13 huyện dự án ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2022. Các thành viên và đại diện cộng đồng DTTS tại 51 xã đã tham gia các cuộc họp này.
 - (v) 4 PPMU đã có một số thực địa và gặp gỡ với đại diện của chính quyền địa phương, đại diện của các tổ chức đoàn thể, trưởng thôn và cộng đồng để thu hút sự tham gia rộng rãi. Có hơn 2000 đại diện cộng đồng và đại diện trưởng thôn, lãnh đạo hội phụ nữ, hội nông dân tại các xã dự án đã tham dự. Trong số các đại diện hộ gia đình và trưởng thôn tham gia, 71% số người tham gia các hoạt động này là người DTTS.
 - (vi) Sự tham gia rộng rãi cũng đã được thực hiện trong quá trình xây dựng cho hoạt động 1.3 về xây dựng ao cộng đồng. 4 PPMU đã cử nhóm chuyên gia xác định vị trí của các ao cộng đồng tiềm năng, tham khảo ý kiến của những người hưởng lợi và ao cộng đồng về các tác động, sự đồng thuận của họ, các tác động tiềm ẩn và các biện pháp giảm thiểu, tham khảo ý kiến về thiết kế của các ao cộng đồng và cùng nhau xây dựng các quy trình làm việc cho các nhà thầu trong việc xem xét chuẩn mực văn hóa địa phương.
 - (vii) Công khai thông tin về dự án và danh sách các đối tượng được lựa chọn thụ hưởng: Danh sách các đối tượng tham gia dự án (dựa trên cơ sở tự nguyện và tiêu chí tham gia dự án), danh sách các hộ đăng ký gói hỗ trợ ao cộng đồng đã được rà soát và niêm yết công khai tại hội trường UBND xã và các nhà sinh hoạt cộng đồng thôn. Những thông tin này cũng đã được cung cấp thông qua hệ thống loa phóng thanh. Tham vấn để đạt được sự đồng thuận cuối cùng trước khi bắt đầu các hoạt động xây dựng trên công trường.
 - (viii) Tiến hành thu thập và phân tích thêm thông tin về hai huyện mới Khánh Sơn và Khánh Vĩnh thuộc tỉnh Khánh Hòa. Đội ngũ dự án đã phối hợp với UBND và chính quyền địa phương để thu thập thông tin về các dân tộc thiểu số tại hai huyện này. Bên cạnh đó, dự án cũng tổ chức thêm các buổi tham vấn với cộng đồng dân tộc thiểu số địa phương tại Khánh Sơn và Khánh Vĩnh từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 2 năm 2023 với 83% số người tham gia là người dân tộc thiểu số và 67% là phụ nữ.
91. Các hoạt động tham vấn đã đạt được sự đồng thuận với DTTS/cộng đồng trong việc triển khai các hoạt động của dự án và nhận được sự ủng hộ hoàn toàn từ người DTTS/cộng đồng.
92. Quy trình công bố thông tin, tham vấn và đạt được sự đồng thuận được mô tả trong bảng dưới đây:

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Bảng 15 Quy trình công bố thông tin, tham gia và tham vấn

Các hoạt động	Ninh Thuận	Bình Thuận	Đắk Lắk	Đắk Nông	Ghi chú
Hội thảo khởi động dự án cấp tỉnh	Tháng 4/2022	Tháng 3 năm 2022	Tháng 3 năm 2022	Tháng 3 năm 2022	Giới thiệu dự án và thông tin dự án Thông báo về GRM của dự án
Hội thảo phổ biến thông tin dự án cấp xã	Tháng 5 năm 2022 15 xã	Tháng 6 năm 2022 9 xã	Tháng 3 - Tháng 4 năm 2022 11 xã	Tháng 5 năm 2022 16 xã	Hoạt động tiếp nối sự tham gia rộng rãi và trao đổi thông tin
Tham vấn các biện pháp can thiệp, sàng lọc và giảm thiểu rủi ro của dự án	Tháng 8 – Tháng 10 năm 2022				Tham gia để tham khảo ý kiến cộng đồng về các can thiệp của dự án thông qua các cuộc họp cộng đồng và thăm thực địa
Phổ biến và truyền thông	Trong chu kỳ dự án				Áp phích tại các hội trường thôn và trụ sở UBND xã Tờ rơi Loa phát thanh
Tham vấn cộng đồng tại tất cả các xã	Tháng 10 – Tháng 12 năm 2022	tháng 1 năm 2023	13-27 tháng 12 năm 2022	tháng 1 năm 2023	Nhu cầu, điều kiện và ưu tiên của DTTS được đưa vào thiết kế dự án Đã đạt được sự đồng ý và được cung cấp dưới dạng Thư đồng thuận đã ký
Có được sự đồng ý với những người thụ hưởng LMC và ao cộng đồng	Nhận được sự đồng ý và cam kết từ những người thụ hưởng của hơn 400 ao cộng đồng (giai đoạn I) vào thời gian của năm 2022-Q1 2023. Quy trình tương tự sẽ được tiến hành với người hưởng lợi từ ao cộng đồng trong các giai đoạn tiếp theo và LMC trong năm 2023 – 2024.				

Lưu ý: Trong quá trình xây dựng báo cáo tái cấu trúc, dự án đã tiến hành tham vấn sâu rộng với cộng đồng dân cư tại các huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 2/2023.

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Các hoạt động	Ninh Thuận	Bình Thuận	Đắk Lắk	Đắk Nông	Ghi chú
Cộng đồng dân tộc thiểu số đã được cung cấp thông tin về các hoạt động tiềm năng của dự án, bao gồm cả tác động tích cực và tiêu cực. Các buổi tham vấn này đã đạt được sự đồng ý ban đầu từ cộng đồng. Để tiếp tục lấy ý kiến cộng đồng, dự án sẽ tổ chức các buổi hội thảo chi tiết hơn nhằm cung cấp thông tin dự án và tham vấn cộng đồng vào quý 4 năm 2023.					

93. Các cuộc họp tham vấn được tổ chức đảm bảo:

- Các cuộc họp được tiến hành trong một môi trường mà cộng đồng cảm thấy thoải mái nhất— các cuộc họp đã diễn ra tại các hội trường cộng đồng.



Hình 4 Tham vấn cộng đồng người Chăm ở Ninh Thuận

- Khi họ có đủ thời gian để thảo luận bằng ngôn ngữ của mình – các cuộc họp được tiến hành với sự hỗ trợ của phiên dịch viên tiếng địa phương, cán bộ PPMU cung cấp thông tin và kế hoạch về cuộc họp trước cho UBND xã/trưởng thôn sau đó UBND xã/trưởng thôn thông báo cho các thành viên cộng đồng (cả hai vợ chồng) được mời đến các cuộc họp cộng đồng)

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

- Các cuộc họp được tiến hành theo cách phù hợp về mặt văn hóa – các cuộc họp được dẫn dắt bởi các già làng trưởng bản và cán bộ PPMU tuân theo các chuẩn mực văn hóa trong việc tổ chức các cuộc họp. Trà và đồ ăn nhẹ được chuẩn bị trong cuộc họp và phần giới thiệu được thực hiện trước khi bắt đầu thảo luận. Trong một số cuộc gặp gỡ với người Êđê, cán bộ PPMU đã tham dự bữa ăn tối với cộng đồng như một cách để tăng cường mối quan hệ xã hội và tăng cường sự tôn trọng lẫn nhau.
- Các chủ đề của cuộc họp bao gồm các vấn đề liên quan về can thiệp dự án, tiêu chí đủ điều kiện, sử dụng đất, mô hình sinh kế, truyền thống và phong tục.
- Một điều được làm rõ ở mỗi giai đoạn của cuộc họp, sau khi cộng đồng đã đồng ý với dự án, họ vẫn có thể rút lại ở bất kỳ giai đoạn nào.

94. Quy trình FPIC:

- Tự nguyện: Người DTTS có quyền truy cập miễn phí vào thông tin dự án và có toàn quyền tự đưa ra quyết định liên quan đến quyền và lợi ích của họ, trong các thời điểm thực hiện quan trọng của dự án.
- Thông tin trước: Các thông tin dự án/tài liệu liên quan đã được PPMU cung cấp cho chính quyền địa phương, trưởng thôn, già làng trưởng bản và các thành viên trước khi tham vấn và bắt đầu các hoạt động. trước khi đánh giá kỹ thuật chi tiết và thiết kế.
- Sự đồng thuận trên nguyên tắc được báo trước: tất cả các hoạt động dự án được thực hiện trong cộng đồng nên được quyết định thông qua quá trình thảo luận tập thể và ra quyết định.

95. Các phát hiện chính của các cuộc tham vấn rộng rãi và sự tham gia của cộng đồng tại 51 xã dự án được tóm tắt như sau:

- Dựa trên đánh giá và tham vấn cho đến nay, các hoạt động của dự án ít có khả năng gây ra sự gián đoạn đối với quyền của người dân, đất đai, tài nguyên, sinh kế truyền thống, di sản văn hóa và sẽ không dẫn đến việc tái định cư nào.
- Bất kỳ sự gián đoạn nào sẽ được thông báo tới PPMU và các biện pháp khắc phục sẽ được thực hiện ngay lập tức.
- Các rủi ro đối với người DTTS sẽ được theo dõi và cập nhật chặt chẽ.
- Các hoạt động của dự án đối với các hợp phần xây dựng có thể gây ra một số gián đoạn tạm thời đối với hoạt động canh tác và các tác động trực tiếp như bụi, tiếng ồn và tạo ra chất thải. Những tác động này về bản chất là nhỏ và tạm thời và được quản lý bằng các hành động quy định trong ESMP.
- Các công trình xây dựng quy mô nhỏ của các kết nối dặm cuối (LMC) và ao cộng đồng được xây dựng với các đơn cam kết của người hưởng lợi về đất đai và được chính quyền địa phương xác nhận
- Chuẩn mực văn hóa địa phương sẽ được tôn trọng
- Người DTTS nên liên hệ với dự án ngay lập tức nếu có bất kỳ khiếu nại/khiếu kiện nào phát sinh thông qua hệ thống GRM đã được thiết lập của dự án

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

6.2 CƠ CHẾ THAM VẤN THƯỜNG XUYÊN VÀ QUY TRÌNH ĐỒNG THUẬN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

96. Các cuộc tham vấn hiệu quả và có ý nghĩa sẽ được tiến hành theo chu kỳ thường xuyên nhằm đạt được sự đồng thuận của cộng đồng. Quyền rút khỏi dự án đã được thông báo rõ ràng cho các cộng đồng DTTS địa phương. Các hành động và tham vấn cụ thể được tóm tắt như sau:
97. Hoạt động 1.2 về xây dựng LMC: thiết kế của LMC được điều chỉnh để khởi công vào năm 2023. Tham vấn với các cộng đồng để công bố thông tin, xác định thêm các tác động tiềm ẩn và tiêu cực, xác định những người hưởng lợi đủ điều kiện, tham vấn về các biện pháp giảm thiểu và tìm kiếm sự đồng thuận (bao gồm cả quyền từ chối dự án) của những người hưởng lợi trực tiếp và cộng đồng sẽ được thực hiện. Ngoài ra, đối với mỗi giai đoạn thiết kế, các cuộc họp cộng đồng sẽ được tổ chức để thu thập ý kiến phản hồi theo quy định trong ESMP của dự án để đảm bảo việc thiết kế và xây dựng LMC có thể giảm thiểu tác động tiêu cực về bụi, tiếng ồn, phát sinh chất thải và khả năng gây gián đoạn nhỏ cho hoạt động canh tác. Các cuộc tham vấn tiếp theo sẽ được thực hiện bởi các nhà thầu với sự hỗ trợ của các PPMU để đảm bảo hiệu suất xây dựng phù hợp với các chuẩn mực văn hóa địa phương.
98. Hoạt động 1.3 đối với ao cộng đồng: tham vấn bổ sung sẽ được áp dụng cho ao cộng đồng trong giai đoạn II như đã thực hiện với ao cộng đồng trong giai đoạn I.
99. Các thỏa thuận bổ sung bằng văn bản về can thiệp xây dựng theo Hoạt động 1.2 và 1.3 sẽ được thực hiện theo quy định.
100. Hoạt động 1.4, 2.1, 2.2 và 2.3 về can thiệp phi công trình: dự án đã tiến hành tham vấn cộng đồng về thiết kế can thiệp. Chương trình đào tạo và các sản phẩm thông tin khí hậu nông nghiệp sẽ được tham vấn thêm để đảm bảo các phản hồi/nhu cầu của DTTS được phản ánh.
101. Về hoạt động tập huấn, sẽ tiến hành khảo sát sau tập huấn để đảm bảo nội dung tiếp cận và phù hợp với cộng đồng DTTS.
102. Đánh giá hàng quý sẽ được áp dụng cho các sản phẩm thông tin khí hậu nông nghiệp để đảm bảo khả năng tiếp cận của các sản phẩm này đối với cộng đồng.

6.3 ĐỒNG THUẬN DỰA TRÊN NGUYÊN TẮC TỰ NGUYỆN, THÔNG BÁO TRƯỚC VÀ ĐƯỢC CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN

103. Dự án đã nhận được: i) biên bản đồng thuận của người DTTS và cộng đồng đối với các can thiệp của dự án; và ii) Cam kết tham gia của người hưởng lợi để xây dựng hệ thống kết nối dặm cuối và ao cộng đồng (266 cho đến nay). Bằng chứng được cung cấp trong thư mục đính kèm. Các bằng chứng và biểu mẫu chấp thuận khác sẽ liên tục được thu thập theo Điều khoản 10.02.(h) và 10.02.(j) của FAA.
104. Bản tóm tắt bằng chứng FPIC được cung cấp bao gồm các biên bản đồng thuận và cam kết (bằng tiếng Việt) cùng với bản dịch tiếng Anh của những mẫu này trong Phụ lục IV. Các văn bản này được đặt trong thư mục được cung cấp.

7. LỢI ÍCH PHÙ HỢP

105. Kết nối dặm cuối (LMC) quy mô nhỏ và các ao cộng đồng chống chịu khí hậu cùng với các can thiệp của dự án về đào tạo, các buổi nâng cao nhận thức, mô hình nông nghiệp chống chịu khí hậu (CRA), kỹ thuật sử dụng nước hiệu quả, liên kết thị trường và tiếp cận tín dụng và các sản phẩm thông tin khí hậu nông nghiệp sẽ mang lại lợi ích kinh tế và xã hội và dựa trên ESMF, IPPF, GAP và ESMP đã được phát triển, dự kiến sẽ không dẫn đến các tác động bất lợi hoặc tiêu cực lớn đối với cộng đồng trong thời gian thực hiện dự án. Các tác động tiêu cực có thể được coi là nhỏ và có tính chất tạm thời và do đó, được coi là không đáng kể so với các tác động tích cực mà dự án sẽ mang lại.
106. Các can thiệp của dự án sẽ hỗ trợ cộng đồng và người DTTS tại các địa điểm của dự án làm tăng khả năng tiếp cận nước tưới từ góc độ cung cấp và cải thiện các hoạt động nông nghiệp với các mô hình nông nghiệp chống chịu khí hậu (CRA). Với những hỗ trợ này, khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và năng lực của người DTTS và cộng đồng với tư cách là những người hưởng lợi trực tiếp sẽ được tăng cường.
107. Các can thiệp của dự án trong Hoạt động 2.2 về sự tăng cường tiếp cận thị trường và tín dụng và Hoạt động 2.3 về phổ biến thông tin khí hậu nông nghiệp sẽ mang lại lợi ích rộng rãi hơn và cho cả những người hưởng lợi gián tiếp. Người DTTS trong khu vực dự án sẽ được hưởng lợi từ thông tin về thị trường, tín dụng và khí hậu nông nghiệp để điều chỉnh lịch mùa vụ.
108. Việc thành lập và vận hành các Nhóm sử dụng nước (trong Hoạt động 1.2) và các Nhóm quản lý ao (trong Hoạt động 1.3) sẽ thúc đẩy cơ chế chia sẻ lợi ích hợp lý và sự đoàn kết của cộng đồng DTTS. Người DTTS và phụ nữ sẽ được đề cử vào các vị trí lãnh đạo của các nhóm này.
109. Ngoài ra, dự án cung cấp các diễn đàn thông qua CIP, ACIS và FFS với các biện pháp và mục tiêu rõ ràng để thúc đẩy sự tham gia, tiếng nói và vai trò lãnh đạo của cộng đồng DTTS như một cách trao quyền. Trong thiết kế của dự án sẽ đảm bảo sự tham gia của người DTTS và phụ nữ. Các mục tiêu về người DTTS và phụ nữ đảm nhận vai trò lãnh đạo được đặt ra trong các nhóm này.
110. Như đã phân tích trong GAP của dự án, các can thiệp của dự án được lên kế hoạch để trao quyền cho phụ nữ. Ví dụ, việc xây dựng ao và LMC sẽ tăng khả năng tiếp cận nước tưới, do đó, giảm bớt các công việc hàng ngày của phụ nữ. Các hoạt động khác về đào tạo, quảng bá các mô hình CRA và phát triển các sản phẩm thông tin khí hậu nông nghiệp được coi là nhằm nâng cao sự tự tin của phụ nữ bằng cách giúp họ cải thiện các lựa chọn sinh kế.
111. Nhìn chung, bên cạnh những lợi ích về cải thiện khả năng chống chịu khí hậu đối với các hoạt động nông nghiệp, tiếng nói và vai trò của người DTTS, cộng đồng và phụ nữ sẽ được tăng cường thông qua cơ chế lồng ghép từ các can thiệp của dự án.

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

8. HỖ TRỢ NĂNG LỰC

Bảng 16: Thông báo các hoạt động xây dựng năng lực dự án liên quan đến SES và người DTTS

Thời gian	Nội dung hoạt động	Trách nhiệm	Công cụ/biểu mẫu
Tháng 1 năm 2022 đến Tháng 7 năm 2022	Đào tạo về các chính sách an toàn: Quản lý các chính sách an toàn bao gồm các yêu cầu của GCF/UNDP Yêu cầu về giám sát môi trường và xã hội; Quản lý giảm thiểu; Sự tham gia và giám sát của cộng đồng Yêu cầu tuân thủ các tài liệu về an toàn của dự án, quan tâm đến DTTS và giới Sàng lọc rủi ro đối với người DTTS, KH DTTS và FPIC	UNDP, CPMU, PPMU, đại diện người DTTS	Báo cáo đào tạo
Quý 2 năm 2023 và lặp lại vào năm 2024 và 2025	Việc đào tạo cho công nhân xây dựng, các quy định phong tục và tập quán truyền thống của cộng đồng địa phương được tôn trọng đầy đủ. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu để giải quyết các rủi ro môi trường và rủi ro đối với người DTTS	Chính quyền địa phương/Hội phụ nữ, BQLDA tỉnh, Nhà thầu xây dựng, cán bộ CSAT PPMU	SEP IPPF ESMF ESMP Báo cáo đào tạo
Quý 3 năm 2023 và lặp lại vào năm 2024 và 2025	Đào tạo về cách kiểm soát chất lượng của dự án để họ có thể đóng góp vào sự bền vững lâu dài của dự án. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp (OHS)	Chính quyền địa phương/Hội phụ nữ, BQLDA tỉnh, Nhà thầu xây dựng, cán bộ CSAT PPMU	Kế hoạch nâng cao năng lực Báo cáo đào tạo
Quý 4 năm 2023 – Quý 4 năm 2025	Các chuyên gia CSAT của dự án sẽ triển khai đào tạo và tập huấn bổ sung cho PPMU Khánh Hòa để triển khai IPPF và IPP tại hai huyện mới	Chuyên gia CSAT của PPMU Khánh Hòa	Báo cáo đào tạo Báo cáo hàng quý

9. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

112. Cơ chế Giải quyết Khiếu Nại (GRM) theo quy định tại Mục 4.2.3 của ESMF do dự án thiết lập sẽ được áp dụng cho KH DTTS này.

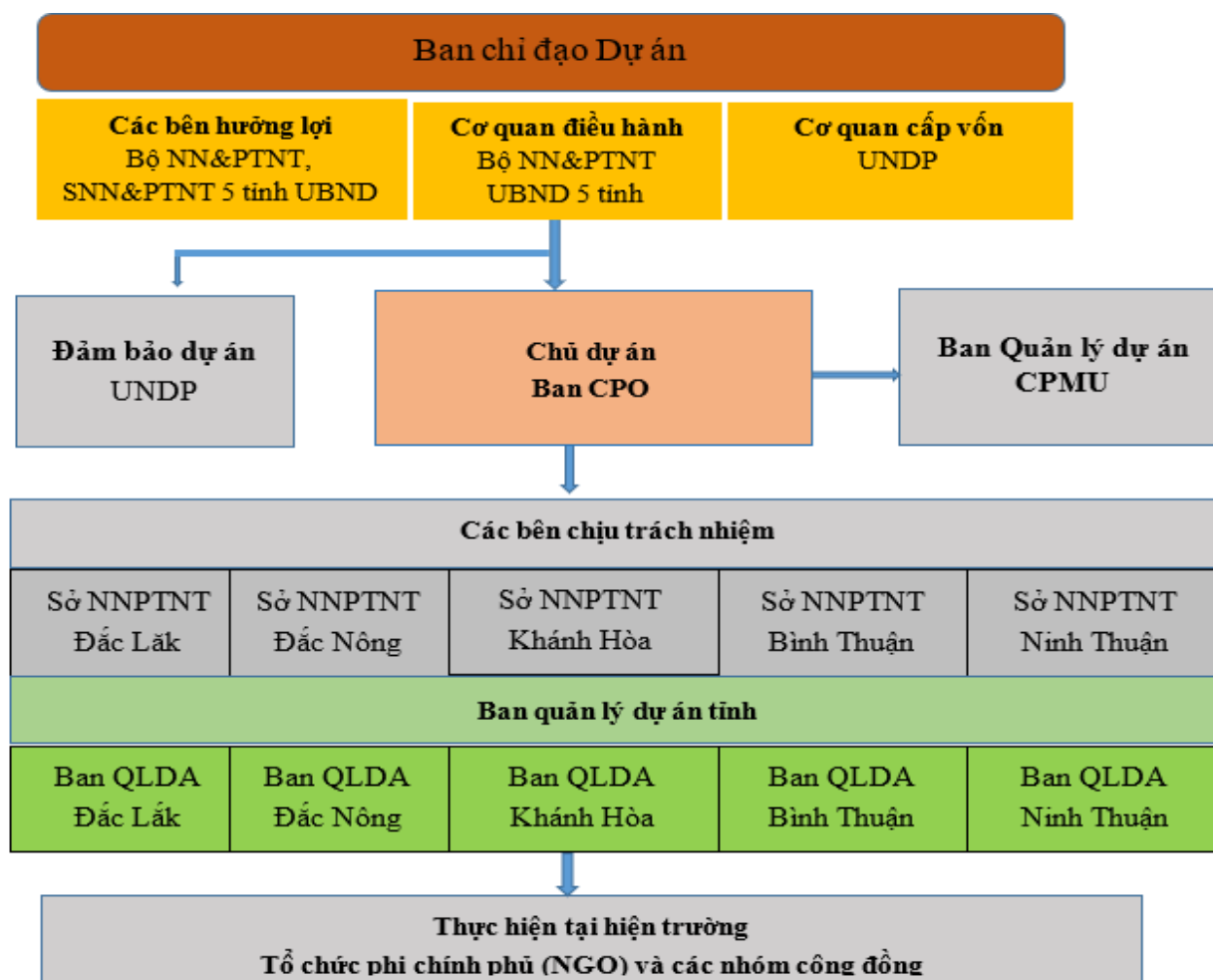
10. TỔ CHỨC THỂ CHẾ

113. KH DTTS này sẽ được thực hiện phù hợp với các thỏa thuận thực hiện dự án. Văn phòng Trung ương về các Dự án Thủy lợi (CPO)/Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD),

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

phối hợp với các Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh (PPMU) và các bên liên quan khác của dự án, bao gồm cả các nhóm dân tộc và UNDP đã thiết lập một cơ chế thực hiện bản KH DTTS này. Dự án sẽ đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của người DTTS trong suốt chu kỳ dự án.

114. Cơ quan điều hành quốc gia (EE) cho dự án này là CPO/MARD. Cơ quan này chịu trách nhiệm trước UNDP về việc quản lý dự án, bao gồm giám sát và đánh giá các can thiệp của dự án, đạt được các kết quả của dự án và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của UNDP. Để hỗ trợ thực hiện thành công các kết quả đầu ra của dự án, EE đã chỉ định một số đối tác dự án với tư cách là các Bên chịu trách nhiệm (RP) để hỗ trợ triển khai cho dự án. Ban Quản lý Dự án tỉnh (PPMU)/SNN&PTNT (DARD) của năm tỉnh là Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận đóng vai trò là “Bên chịu trách nhiệm”.
115. Vai trò tổng thể của UNDP, với tư cách là Đơn vị được công nhận (AE) cho dự án, đóng vai trò giám sát và đảm bảo chất lượng ba cấp liên quan đến cán bộ UNDP tại các Văn phòng Quốc gia và ở cấp khu vực và trụ sở chính. Vai trò đảm bảo chất lượng liên quan đến các chức năng theo dõi và giám sát dự án một cách khách quan và độc lập.
116. Cơ cấu tổ chức dự án được mô tả như trong hình dưới đây:



Hình 5 Cơ cấu tổ chức dự án SACCR

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

117. Các bên liên quan chính của dự án được liệt kê như sau:

- Ban chỉ đạo dự án: giám sát tổng thể. Một Phó Vụ trưởng UBND trung ương được chỉ định là thành viên của Ban Chỉ đạo Dự án (PSC).
- PPMU (thuộc SNN&PTNT cấp tỉnh): quản lý tổng thể dự án tại địa điểm dự án. Việc thực hiện KH DTTS được giao cho các cán bộ CSAT của PPMU (01 Cán bộ và 01 tư vấn cho mỗi PPMU) và được hỗ trợ bởi giám đốc PPMU, các chuyên gia tài nguyên nước và nông nghiệp.
- Cấp huyện: do cán bộ Phòng Nông nghiệp và Phòng Dân tộc (nếu có) thuộc UBND huyện.
- UBND xã: KH DTTS sẽ do Phó Chủ tịch/Chủ tịch UBND xã, cán bộ khuyến nông, cán bộ địa chính, cán bộ văn hóa (nếu có) thực hiện và giám sát bởi Chủ tịch UBND xã.
- Cấp cộng đồng: trưởng thôn và trưởng/đại diện cộng đồng sẽ đóng vai trò là đầu mối đại diện cho cộng đồng DTTS thực hiện KH DTTS này và phản ánh nhu cầu của cộng đồng DTTS.
- UNDP: chịu trách nhiệm bởi Chuyên gia Đảm bảo Tác động và Hòa nhập và giám sát bởi Chuyên gia Quản lý Dự án.
- CPMU trong CPO/MARD: chịu trách nhiệm bởi 01 Cán bộ Xã hội và 01 Cán bộ Môi trường và giám sát bởi Giám đốc Dự án SACCR-MARD. Hỗ trợ kỹ thuật từ 01 Tư vấn Xã hội và 01 Tư vấn Môi trường.

118. KH DTTS này có thể được cập nhật và sửa đổi để hành động vì lợi ích tốt nhất của cộng đồng DTTS. Như vậy, yêu cầu là:

- **Dữ liệu về các DTTS sẽ tiếp tục được thu thập và cập nhật thông qua tất cả các phương tiện có liên quan.**
- **Dự án sẽ tạo điều kiện đảm bảo sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin (FPIC) trước bất kỳ hoạt động nào của Dự án tại các khu vực mà dự án sẽ ảnh hưởng đến các cộng đồng DTTS.**
- **Tất cả các gói hỗ trợ của dự án sẽ được xem xét thường xuyên để đảm bảo mang lại tác động tích cực cho cộng đồng DTTS.**

11. GIÁM SÁT, BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ

119. Việc triển khai KH DTTS sẽ được giám sát để:

- (i) Đảm bảo rằng các biện pháp giảm thiểu được thiết kế trong KH này và các tài liệu khác – chẳng hạn như ESMF, ESMP, IPPF, GAP và SEP – được thực hiện và giúp quản lý mọi tác động xã hội tiêu cực và các biện pháp tăng cường tác động tích cực là đầy đủ và hiệu quả;
- (ii) Xác định xem các DTTS có bất kỳ vấn đề hoặc mối quan tâm nào liên quan đến việc thực hiện dự án hay không và liệu họ có được tiếp cận đúng kênh để đăng ký và giải quyết các mối quan tâm và/hoặc khiếu nại của họ hay không; và
- (iii) Đề xuất các hành động khắc phục khi cần thiết trong quá trình thực hiện.

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

120. Việc giám sát sẽ có sự tham gia và được thực hiện với sự tham gia của đại diện cộng đồng DTTS, trưởng thôn, cán bộ chính quyền đặc biệt là cán bộ khuyến nông xã và cán bộ địa chính, nhà thầu và nhóm dự án. Hệ thống giám sát được mô tả trong bảng dưới đây.

Bảng 17 Kế hoạch giám sát của KH DTTS

Hoạt động	Mục tiêu	Trách nhiệm	Phương tiện xác minh
Sự tham gia các bên liên quan	Chính quyền địa phương, trưởng thôn và già làng trưởng bản tham gia tích cực vào việc xác định và giải quyết các vấn đề và mối quan tâm của cộng đồng DTTS.	Cán bộ CSAT PPMU Cán bộ UBND xã Trưởng thôn và già làng trưởng bản	SEP Họp Tham vấn/trao đổi ý kiến
Tham vấn cộng đồng và tham vấn cụ thể liên quan đến các công trình xây dựng được thực hiện trước khi khởi công	Cán bộ CSAT PPMU Cán bộ UBND xã Trưởng thôn và già làng trưởng bản	SEP Họp Tham vấn/trao đổi ý kiến	Tham vấn cộng đồng và tham vấn cụ thể liên quan đến các công trình xây dựng được thực hiện trước khi khởi công
Vấn đề phát triển DTTS được thảo luận và quan tâm	Chuyên gia quản lý dự án	Biên bản họp BCDKT; Các cuộc họp hàng tháng của dự án SACCR	Vấn đề phát triển DTTS được thảo luận và quan tâm
Hỗ trợ năng lực	Tham vấn, đào tạo và các sự kiện của dự án được hỗ trợ có ngôn ngữ địa phương, phong tục và văn hóa địa phương được đảm bảo	Cán bộ PPMU (Cán bộ CSAT, chuyên gia nông nghiệp, chuyên gia tài nguyên nước) Công ty cung cấp đào tạo	Báo cáo đào tạo Báo cáo hoạt động của dự án
	Các hoạt động nâng cao năng lực về nhạy cảm văn hóa được thực hiện theo kế hoạch	Cán bộ CSAT Nhà thầu	Báo cáo đào tạo
Vận hành GRM	Các nhóm DTTS biết về sự tồn tại, hoạt động và tiếp cận GRM (được thông báo qua áp phích tại hội trường cộng đồng, loa phóng thanh)	Cán bộ CSAT Cán bộ UBND xã Trưởng thôn bản	Thực địa; phỏng vấn ngẫu nhiên DTTS
	Cộng đồng biết về GRM và cách báo cáo các vấn đề và mối quan tâm	Cán bộ CSAT Cán bộ UBND xã Trưởng thôn bản	Thực địa; phỏng vấn ngẫu nhiên DTTS

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Hoạt động	Mục tiêu	Trách nhiệm	Phương tiện xác minh
Đất	Tham vấn cộng đồng với cộng đồng liên quan đến công trình xây dựng	Cán bộ CSAT Cán bộ UBND xã Trưởng thôn bản và đại diện DTTS	Biên bản tham vấn và thư đồng thuận
	Đạt được cam kết từ những người hưởng lợi từ ao cá nhân cộng đồng và ao chung cộng đồng	Cán bộ CSAT Cán bộ UBND xã Trưởng thôn bản và đại diện DTTS	Giấy cam kết; các cuộc họp CSAT hàng tháng; Báo cáo hàng quý của PPMU
	Các biện pháp giảm thiểu được áp dụng hợp lý trong quá trình thi công xây dựng công trình	Cán bộ nhà thầu đại diện DTTS và trưởng thôn bản Cán bộ địa chính xã	Báo cáo hai tuần một lần của nhà thầu Thực địa
	Không thu hồi đất Tránh xung đột liên quan đến đất đai trong hoạt động xây dựng thông qua tham vấn và hình thức cam kết	Cán bộ CSAT Cán bộ địa chính xã Nhà thầu xây dựng Trưởng thôn bản	Biên bản tham vấn Mẫu cam kết Báo cáo hai tuần một lần của nhà thầu
Tính nhạy cảm của văn hóa và phong tục	Thông tin về các chuẩn mực văn hóa địa phương được thu thập và cung cấp	Cán bộ CSAT	Cập nhật trong các cuộc họp hàng tháng của nhóm CSAT SACCR
	Đào tạo và phổ biến thông tin cho các bên liên quan của dự án, đặc biệt là các nhà thầu, theo kế hoạch	Cán bộ CSAT Tiêu điểm của nhà thầu	Báo cáo quý của các PPMU Cuộc họp hàng tháng của nhóm CSAT SACCR
	Phong tục tập quán và văn hóa địa phương được tôn trọng trong quá trình thực hiện dự án	Cán bộ CSAT Cán bộ UBND xã Nhà thầu Trưởng thôn bản	Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) Báo cáo hai tuần một lần của nhà thầu Thực địa; phỏng vấn ngẫu nhiên DTTS
Các vấn đề khác	Đảm bảo các vấn đề mới phát sinh liên quan đến người DTTS được ghi nhận và xử lý đúng cách	Cán bộ CSAT Cán bộ UBND xã Nhà thầu Trưởng thôn bản	Thăm thực địa ngẫu nhiên và phỏng vấn người DTTS để kiểm tra tại chỗ
	Hành động khắc phục (nếu có) được thực hiện đúng	Cán bộ CSAT Cán bộ UBND xã	Báo cáo hai tuần một lần của nhà thầu Thực địa

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Hoạt động	Mục tiêu	Trách nhiệm	Phương tiện xác minh
		Nhà thầu Trưởng thôn bản	
	Phối hợp với các sáng kiến và chương trình phát triển DTTS đang diễn ra khác	Cán bộ CSAT Các chuyên gia CSAT của UNDP Chuyên gia xã hội của CPO	Các cuộc họp CSAT hàng tháng

121. Trưởng thôn bản và già làng trưởng bản sẽ đảm bảo rằng các đại diện từ người DTTS, phụ nữ, thanh niên và người khuyết tật tham gia giám sát.
122. Kết quả của các hoạt động giám sát khác về các can thiệp của dự án (ví dụ: đào tạo FFS, hỗ trợ dựa trên chứng từ, đào tạo quản lý tài nguyên nước) sẽ được kết hợp với sự quan tâm đặc biệt đến các DTTS.
123. Việc thực hiện KH DTTS sẽ được báo cáo hai tuần một lần từ cán bộ CSAT của PPMU và các nhà thầu xây dựng. Đảm bảo thường xuyên đi thực tế, kiểm tra tại chỗ để nắm bắt ý kiến phản ánh, vướng mắc của đồng bào DTTS để kịp thời giải quyết.

12. NGÂN SÁCH VÀ TÀI CHÍNH

Bảng 18 Kinh phí dự kiến cho KH DTTS

STT	Mô tả hoạt động	Chi phí (USD)	Số lượng	Tổng chi phí (USD)	Ghi chú
Tham vấn và công bố thông tin giai đoạn đầu					
	Hội thảo phổ biến thông tin dự án cấp xã	300	68	20.400	Các dòng ngân sách của PPMU
1	Họp cộng đồng và tham quan thực địa để giới thiệu dự án, tham vấn, công bố thông tin và thẩm định	200	68	13.600	Các dòng ngân sách của PPMU
2	Poster, tờ rơi thông tin dự án, loa phóng thanh, phát tài liệu, brochure, họp	200	68	13.600	Các dòng ngân sách của PPMU
3	Phòng vấn và tham quan thực địa để sàng lọc - chi phí đi lại	100	68	6.800	Tham vấn với các bên liên quan tại địa phương; Các dòng ngân sách của PPMU
4	Thành lập và vận hành GRM	300	68	20.400	Phổ biến thông tin, hội họp - Dòng ngân sách của PPMU

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tổng			74.800		
Hỗ trợ năng lực					
	Các khóa đào tạo về phát triển FPIC, KH DTTS, DTTS từ UNDP và CPMU cho cán bộ của PPMU (2 khóa đào tạo trực tuyến trong thời gian phong tỏa Covid + 1 hội thảo đào tạo tại TP Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk tháng 7 năm 2022)	Trọn gói		9.000	02 khóa tập huấn do UNDP tổ chức: Ngày làm việc của các chuyên gia quốc tế 01 hội thảo tập huấn tại Buôn Mê Thuột - Các dòng ngân sách của CPMU
	Hỗ trợ kỹ thuật về công cụ/hướng dẫn tham vấn cộng đồng	300	10	3.000	Các dòng ngân sách của CPMU
	Hỗ trợ kỹ thuật để phát triển các KH DTTS			2.000	Các dòng ngân sách của CPMU
	Tập huấn về kiểm soát chất lượng cho cán bộ của PPMU	1.000	5	5.000	Các dòng ngân sách của CPMU
5	Đào tạo các nhà thầu được lựa chọn	50	5	250	Các dòng ngân sách của PPMU
6	Đào tạo định hướng cho công nhân và cán bộ nhà thầu	500	5	2.500	Các dòng ngân sách của PPMU
Tổng			21.750		
Giai đoạn thiết kế và thực hiện					
7	Tham vấn về ao và hệ thống kết nối dậm cuối bao gồm thiết kế, các vấn đề và rủi ro đối với DTTS/cộng đồng	150	68	10.200	Tư vấn thiết kế
8	Chính thức khởi động thi công xây dựng trước khi huy động và khởi công xây dựng công trình	100	68	6.800	Phần hợp đồng của nhà thầu
9	Bàn giao các công trình quy mô nhỏ (ao và hệ thống kết nối dậm cuối)	100	68	6.800	Phần hợp đồng của nhà thầu
10	Hợp công trường hàng tháng trong thời gian thi công	100	68	6.800	Phần hợp đồng của nhà thầu
12	Dịch và in các mẫu CRA sang tiếng địa phương	2.000	5	10.000	Phần hợp đồng của nhà thầu
	Dịch thuật và phổ biến các sản phẩm thông tin khí	1.000	5	5.000	Phần hợp đồng của nhà thầu

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

	hậu nông nghiệp bằng ngôn ngữ địa phương				
Tổng				45.600	
Đi lại					
12	Chi phí đi lại cho cán bộ PPMU (thăm hiện trường, kiểm tra tại chỗ, phỏng vấn ngẫu nhiên)	500	5	2.500	Các dòng ngân sách của PPMU
	Chi phí đi lại cho các chuyên gia xã hội của CPMU	500	5	2.500	Các dòng ngân sách của CPMU
	Chi phí giám sát của UNDP và CPMU	1.000	5	5.000	Dòng ngân sách của UNDP và CPMU
Tổng				10.000	
Nhân sự					
	Chuyên gia CSXH trung ương	Trọn gói		20.000	Thuộc gói thầu CPO 02
	05 Cán bộ CSAT cấp tỉnh (01 cán bộ/ PPMU)	10000	5	50.000	Thuộc gói thầu PPMU huy động Tư vấn
Tổng				70.000	
Tổng ngân sách KH DTTS				222.150	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I – NHÓM NGÔN NGỮ CỦA CỘNG ĐỒNG DTTS VÙNG DỰ ÁN

Ngữ hệ	Nhóm DTTS	Tỉnh dự án
Nam Á, ngữ chi Việt	Mường	Đắk Lắk, Đắk Nông
Nam Á, không thuộc nhóm ngữ chi Việt	Banar; Hrê; M'Nông; K'Ho; Châu Ro; Khmer	Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông
H'mông-Dao	H'mông; Dao	Đắk Lắk; Đắk Nông
Tai-Kadai	Tày; Thái	Đắk Lắk; Đắk Nông
Hán-Tạng	Hoa	Bình Thuận; Ninh Thuận; Khánh Hòa
Mã Lai-Đa Đảo	Chăm; Raglai; Êđê; J'rai	Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông

PHỤ LỤC II – LỄ HỘI, NGHI LỄ VÀ SỰ KIỆN TRUYỀN THỐNG

Sự kiện	Thời gian	Nhóm DTTS/địa điểm	Khuyến nghị
Katé	Đầu tháng 7 theo lịch Chăm (từ ngày 25 tháng 9 đến ngày 25 tháng 10 theo Dương lịch)	Chăm	Các hoạt động, tham vấn, cuộc họp và các sự kiện liên quan của dự án nên tính đến thời điểm này
Ramadan	Tháng 9 theo Lịch Hồi giáo (bắt đầu từ ngày 6 tháng 4 theo Dương lịch năm 2023)	Chăm Hồi giáo	Công nhân xây dựng, nhà thầu cần lưu ý trong tháng này tại các vùng đồng bào Chăm để không ảnh hưởng tới phong tục của cộng đồng người Chăm tại các xã vùng dự án.
Ramuwah và Harei Mukei	Tháng 9 theo Lịch Hồi giáo (bắt đầu từ ngày 6 tháng 4 theo Dương lịch năm 2023)	Chăm Bàn	Việc giết mổ động vật bị nghiêm cấm. Không được vận chuyển thịt tươi vào cộng đồng (kể cả đi qua) trong thời gian này.

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Lễ mừng cơm mới (Bang akok najai)	Khoảng tháng 4-5 Dương lịch, kéo dài 3 ngày	Raglai	Các hoạt động, tham vấn, cuộc họp và các sự kiện liên quan của dự án nên tính đến thời điểm này
bon Tam Blang M'prang (sau thời gian thu hoạch)	Mùa khô ở Tây Nguyên thường từ tháng 1 đến tháng 3 Dương lịch, kéo dài vài ngày	M'ông (lễ lớn nhất thường tổ chức ở xã Năm Nung)	Các hoạt động, tham vấn, cuộc họp và các sự kiện liên quan của dự án nên tính đến thời điểm này

PHỤ LỤC III – THỜI ĐIỂM THU HOẠCH CỦA CỘNG ĐỒNG DTTS

Bảng dưới đây tóm tắt các gói CRA và các thời điểm thu hoạch tại các địa điểm dự án với sự có mặt của các cộng đồng DTTS. Chúng tôi khuyến nghị rằng những thời điểm này nên được tính đến trước khi bắt đầu thực hiện các hoạt động.

Tỉnh	Gói CRA	Thời gian cần được chú ý	Xã	Sự có mặt của các cộng đồng DTTS chính
Khánh Hòa	Gói 14: Mô hình trồng sầu riêng tiết kiệm nước	N/A	Khánh Nam, Khánh Thành, Khánh Trung, Sông Cầu, thị trấn Tô Hạp, Ba Cạm Bắc, Ba Cạm Nam, Sơn Bình, Sơn Lâm, Sơn Trung, Thanh Sơn	Raglai và Chăm. Một số ít người Hoa, Tày, Nùng, Khmer, Châu Rô và Ê Đê
	Gói 15: Mô hình trồng bưởi tiết kiệm nước	N/A	Thị trấn Khánh Vĩnh, Khánh Bình, Khánh Đồng, Khánh Phú, Khánh Hiệp, Sơn Hiệp	
Ninh Thuận	Gói 1: rau an toàn (hành tây)	N/A	Nhơn Hải	Ít - Một số hộ gia đình người Hoa kinh doanh nhỏ và cửa hàng tạp hóa
	Gói 2: rau an toàn (tỏi)	N/A	Nhơn Hải	
	Gói 3: Trồng xen măng cầu và đậu	N/A	Bắc Phong, Bắc Sơn, Lôi Hải	Chăm, Raglai
	Gói 4: Trồng xen táo + đậu	N/A	Mỹ Sơn, Nhơn Sơn, Xuân Hải	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

	Gói 5: Trồng xen điều và đậu đỗ	tháng 1 – tháng 4	Phước Chiến, Phước Khang, Lợi Hải, Bắc Sơn ở Thuận Bắc; Phước Tân, Phước Thành, Phước Thành, Phước Trung tại Bắc Ái	
	Gói 12: Luân canh ngô, đậu	N/A	Mỹ Sơn, Nhơn Sơn, Xuân Hải	
	Gói 13: Trồng xen sắn và đậu	N/A	Phước Tân, Phước Thành, Phước Thành, Phước Trung tại Bắc Ái	
Bình Thuận	Gói 8: Trồng xen thanh long và đậu	Tháng 6– Tháng 8	Mỹ Thạnh, Hàm Cần , Tân Lập, Thuận Nam, Tân Thuận, Tân Thành	Chăm, Châu Ro
	Gói 10: Trồng xen cà phê và bơ	tháng 12 - tháng 1	Tân Hà, Đông Hà, Trà Tân	
	Gói 11: Trồng xen cà phê và sầu riêng	tháng 12 - tháng 1	Tân Hà, Đông Hà, Trà Tân	
Đắk Nông	Gói 9: Trồng xen cà phê và hồ tiêu	tháng 12 - tháng 1	Ea T'Linh, Nam Dong, Đắk DRông, Tâm Thắng, Cư Knia, Trúc Sơn, Đắk Lao, Đức Mạnh, Long Sơn, Đắk Sắk, Thuận An, Đức Minh, Đắk Sôr , Nam Xuân, Đắk Drô , Nam Nung	Êđê, Ja Rai, Mnông, Tày, Nùng
	Gói 10: Trồng xen cà phê và bơ	tháng 12 - tháng 1	Ea T'Linh, Nam Dong, Đắk DRông, Tâm Thắng, Cư Knia, Trúc Sơn, Đắk Lao, Đức Mạnh, Long Sơn, Đắk Sắk, Thuận An, Đức Minh, Đắk Sôr , Nam Xuân, Đắk Drô , Nam Nung	
	Gói 11: Trồng xen cà phê và sầu riêng	tháng 12 - tháng 1	Ea T'Linh, Nam Dong, Đắk DRông, Tâm Thắng, Cư Knia, Trúc Sơn, Đắk Lao, Đức Mạnh, Long Sơn, Đắk Sắk, Thuận An, Đức Minh, Đắk Sôr , Nam	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

			Xuân, Đắk Drô , Nam Nung
Đắk Lắk	Gói 9: Trồng xen cà phê và hồ tiêu	tháng 12 - tháng 1	Ea Drang, EaSol, Đliê Yang, Quảng Tiến, Ea Sô, Ea Sar, Xuân Phú, Krông Buk, Ea Phê, Ea Yông, Ea Kênh
	Gói 10: Trồng xen cà phê và bơ	tháng 12 - tháng 1	Ea Drang, EaSol, Đliê Yang, Quảng Tiến, Ea Sô, Ea Sar, Xuân Phú, Krông Buk, Ea Phê, Ea Yông, Ea Kênh
	Gói 11: Trồng xen cà phê và sầu riêng	tháng 12 - tháng 1	Ea Drang, EaSol, Đliê Yang, Quảng Tiến, Ea Sô, Ea Sar, Xuân Phú, Krông Buk, Ea Phê, Ea Yông, Ea Kênh

PHỤ LỤC IV – BẢNG CHỨNG VỀ SỰ ĐỒNG THUẬN DỰA TRÊN NGUYÊN TẮC TỰ NGUYỆN, THÔNG BÁO TRƯỚC VÀ ĐƯỢC CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN (FPIC) TỪ CỘNG ĐỒNG VÀ NGƯỜI DTTS LIÊN QUAN ĐẾN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SACCR TẠI VIỆT NAM

Cập nhật vào tháng 10 năm 2023

Tổng quan về bằng chứng về quy trình FPIC từ cộng đồng và người DTTS liên quan đến các hoạt động liên quan của dự án SACCR tại Việt Nam

Tài liệu này tổng hợp bằng chứng/tài liệu về sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, thông báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin (FPIC) từ người DTTS và cộng đồng liên quan đến các hoạt động của dự án “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)”

Các bằng chứng về sự đồng thuận và cam kết tham gia của người dân được đệ trình cho Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) theo Khoản 10.02.(j) của Thỏa thuận Hoạt động được Tài trợ (FAA) ngày 12 tháng 3 năm 2020 cho Dự án SACCR, trong đó quy định:

Trước khi bắt đầu bất kỳ hoạt động nào có khả năng áp dụng các tiêu chuẩn môi trường và xã hội của Đơn vị ủy thác đối với DTTS, cần phải đệ trình cho GCF, Kế hoạch người DTTS và bằng chứng cho thấy đã dự án đã có được sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và được cung cấp đầy đủ thông tin từ cộng đồng và người DTTS trước khi thực hiện hoạt động tương ứng.

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Các tài liệu/bảng chứng đồng thuận này đã được tổng hợp bởi UNDP với tư cách là Đơn vị Ủy thác (AE) của GCF trong khuôn khổ dự án SACCR và được xây dựng theo Khung kế hoạch người DTTS (IPPF) đã được phê duyệt và Kế hoạch người DTTS (IPP) của dự án SACCR, tuân thủ Tiêu chuẩn Xã hội và Môi trường hiện hành của UNDP (SES), đặc biệt Tiêu chuẩn 6 về Người bản địa. Bộ bằng chứng/tài liệu về sự đồng thuận theo quy trình FPIC này được đệ trình lên GCF cùng với KH DTTS cho dự án SACCR và được xem là một bộ tài liệu song hành cùng IPP.

Như đã giải thích trong IPPF và KH DTTS, tại Việt Nam không sử dụng thuật ngữ 'người bản địa', nên trong KH DTTS này, thuật ngữ 'dân tộc thiểu số' (DTTS) được sử dụng thay thế và có thể hiểu là tương đương với "dân tộc bản địa" khi đề cập đến các vấn đề liên quan đến dự án và phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Trong phạm vi tài liệu này, các nhóm DTTS được tham chiếu tuân theo Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (SES) của UNDP và bao gồm tất cả các nhóm sẽ được xác định là người bản địa như trong SES của UNDP..

Cho đến nay, dự án SACCR đã thực hiện các hoạt động tham vấn liên quan đến quyền tự quyết, quyền được tham vấn, quyền tham gia và quyền đối với đất đai và tài nguyên, như được quy định trong IPPF và KH DTTS. Có thể tìm thấy mô tả về các hoạt động dự án về quy trình tham gia, tham vấn và FPIC trong Phần 6 của KH DTTS của dự án SACCR. Trong quá trình công bố thông tin và tham vấn cho dự án SACCR, các bên liên quan của dự án đã thống nhất rằng dự án cần công khai thông tin tổng thể về dự án để đạt được sự đồng thuận của người dân và cộng đồng DTTS và để có được sự đồng ý cụ thể từ người dân và cộng đồng DTTS về Hoạt động 1.2.1 về thiết kế và xây dựng hệ thống kết nối dặm cuối và hoạt động 1.3.1 về xây dựng hoặc nâng cấp các ao có khả năng chống chịu khí hậu.

Dự án sẽ tiếp tục áp dụng và tiến hành tham vấn có liên quan và duy trì Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) để nắm bắt kịp thời tiếng nói, phản hồi và ý kiến của người DTTS và cộng đồng như được nêu trong ESMP đã đệ trình của dự án SACCR. Việc thành lập và vận hành GRM được hỗ trợ ở cấp địa phương bởi các trưởng thôn/già làng trưởng bản người DTTS, cán bộ UBND xã và đại diện các chi hội phụ nữ cấp thôn/bản. Điều này sẽ giúp người DTTS và phụ nữ cảm thấy thoải mái sử dụng và khiếu nại nếu có. Các đại diện DTTS, cán bộ CPC và đại diện các chi hội của Hội Phụ nữ cũng sẽ hỗ trợ giám sát hoạt động của GRM.

Phổ biến thông tin và tham vấn về các can thiệp tổng thể của dự án

Cho đến nay, việc phổ biến thông tin dự án và tham vấn về các can thiệp tổng thể của dự án đã được thực hiện tại 51 trong số 68 xã thuộc 12 huyện của 4 tỉnh là Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông, tuân theo các nguyên tắc FPIC được quy định trong UNDP SES và IPPF và KH DTTS của dự án. Các cuộc tham vấn bổ sung đã được tiến hành tại 17 xã mới ở 2 huyện mới của Khánh Hòa và cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực dự án mới này đã thể hiện sự ủng hộ đối với các can thiệp tổng thể của dự án. Các hoạt động tham vấn sâu hơn về các biện pháp can thiệp chi tiết của dự án sau khi RP FP125-UNDP-1309-2023 được phê duyệt sẽ được thực hiện vào Quý 4 năm 2023 tại hai huyện mới của Khánh Hòa. Trong đó, sự đồng thuận của cộng đồng về các can thiệp tổng thể của dự án, các hợp phần xây dựng và cam kết của người

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

hưởng lợi về việc xây dựng các ao chống chịu với biến đổi khí hậu đã được thực hiện tại 46 xã của 12 huyện.

Danh sách đầy đủ các huyện và xã được cung cấp trong Bảng 1 dưới đây.

50 trong số 51 xã này có sự có mặt của đồng bào DTTS. Tại từng xã trong số 50 xã này, người dân và cộng đồng DTTS đã được thông báo về dự án, được tham vấn về các can thiệp của dự án và nhận thức rõ về vai trò của họ đối với các hoạt động chung của dự án.

Bằng chứng về việc phổ biến thông tin dự án và tham vấn và sự đồng thuận của cộng đồng và người DTTS đối với các hoạt động tổng thể của dự án được cung cấp dưới dạng biên bản cuộc họp tham vấn cộng đồng. Toàn bộ biên bản được lập bằng tiếng Việt. Khi cần sẽ có bố trí phiên dịch. Trong các cuộc tham vấn này, sự có mặt của trưởng thôn bản người DTTS, già làng trưởng bản và cán bộ UBND xã cùng đại diện Hội Phụ nữ đã giúp hỗ trợ người DTTS và phụ nữ tham gia một cách hiệu quả.

Nội dung của cuộc họp tham vấn cộng đồng bao gồm các vấn đề:

- Thông tin về các hoạt động tổng thể của dự án
- Thông tin về các hoạt động xây dựng sắp tới (hoạt động 1.3.1 về xây dựng và nâng cấp các ao có khả năng chống chịu khí hậu)
- Thông tin về các hoạt động đảm bảo chính sách an toàn
- Ghi nhận phản hồi từ cộng đồng và phản hồi từ PPMU, nhà thầu và chính quyền địa phương
- Đồng thuận về các hoạt động của dự án, được xác nhận bởi người DTTS và cộng đồng, chính quyền địa phương, BQLDA tỉnh và các nhà thầu

Mẫu biên bản tham vấn cộng đồng có chữ ký được cung cấp tại Phụ lục IVa của tài liệu này, kèm theo bản dịch tiếng Anh tại Phụ lục IVb.

Toàn bộ biên bản tham vấn cộng đồng có chữ ký được cung cấp trong thư mục trực tuyến đính kèm.

Sự đồng thuận của cộng đồng và người DTTS về Hoạt động 1.3.1 - xây dựng hoặc nâng cấp các ao có khả năng chống chịu với khí hậu

Dự án đã khảo sát đợt đầu tiên gồm 465 ao chống chịu khí hậu (415 ao cá nhân và 50 ao chung) tại 46 xã của 12 huyện dự án thuộc 4 tỉnh là Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông và đã tổng hợp các mẫu cam kết từ những người hưởng lợi từ các ao này với các chi tiết được cung cấp trong Bảng 1 dưới đây. 5 xã còn lại ở Ninh Thuận và 17 xã ở Khánh Hòa sẽ được đưa vào gói ao chống chịu khí hậu giai đoạn 2.

Người dân và cộng đồng DTTS tại 50 xã đã được thông báo và nắm được việc xây dựng sẽ được thực hiện trên cơ sở tự nguyện với sự đồng ý bằng văn bản của những người hưởng lợi để đảm bảo rằng sẽ không có mâu thuẫn, thắc mắc sau này. Các cam kết này được thực hiện với sự chứng kiến của trưởng thôn/già làng trưởng bản và cán bộ UBND xã. Các chi hội phụ nữ

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

ở cấp thôn/bản đã tham gia để đảm bảo vai trò của phụ nữ. Nội dung của các cam kết này được mô tả như sau:

Mẫu cam kết ao riêng

Với hình thức hỗ trợ này, một hộ gia đình sẽ được hỗ trợ xây dựng hoặc nâng cấp ao. Các hình thức cam kết ao riêng chỉ ra những điều sau đây:

- Xác nhận sự hiểu biết rằng việc tiếp nhận hỗ trợ đối với các ao có khả năng chống chịu khí hậu là trên cơ sở tự nguyện mà không cần bồi thường hoặc chi phí liên quan đến thu hồi đất
- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng, bảo trì và an toàn của ao
- Tích cực tham gia các hoạt động của dự án
- Có chữ ký của người hưởng lợi, trưởng thôn, UBND xã và PPMU

Mẫu biên bản tham vấn cộng đồng về ao riêng có chữ ký được cung cấp tại Phụ lục IVc của tài liệu này, kèm theo bản dịch tiếng Anh tại Phụ lục IVd.

Mẫu cam kết ao chung

Với hình thức hỗ trợ này, một nhóm hộ gia đình sẽ được hỗ trợ xây dựng hoặc nâng cấp ao. Họ sẽ cùng nhau thiết lập cơ chế vận hành và quản lý, duy trì việc sử dụng ao này. Các hình thức cam kết ao chung chỉ ra những điều sau đây:

- Xác nhận sự hiểu biết rằng việc tiếp nhận hỗ trợ đối với các ao có khả năng chống chịu khí hậu là trên cơ sở tự nguyện mà không cần bồi thường hoặc chi phí liên quan đến thu hồi đất
- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng, bảo trì và an toàn của ao
- Tích cực tham gia các hoạt động của dự án
- Có chữ ký của người hưởng lợi (tất cả các thành viên hộ gia đình trong nhóm), trưởng thôn, UBND xã và PPMU

Ngoài ra, các nhóm này sẽ cần thiết lập các quy định về sử dụng, vận hành và bảo trì các ao và cơ chế chia sẻ lợi ích tại chỗ.

Mẫu biên bản tham vấn cộng đồng về ao chung có chữ ký được cung cấp tại Phụ lục IVe của tài liệu này, kèm theo bản dịch tiếng Anh tại Phụ lục IVf.

Toàn bộ biên bản tham vấn cộng đồng có chữ ký được cung cấp trong thư mục trực tuyến đính kèm.

Sự đồng thuận của cộng đồng và người DTTS về Hoạt động 1.2.1 - xây dựng hệ thống kết nối dặm cuối

Các quy trình FPIC cụ thể liên quan đến hoạt động này sẽ được thực hiện tại các địa điểm dự án sau khi khảo sát và thiết kế chi tiết của dự án WEIDAP về xây dựng các công trình thủy lợi chính được hoàn thành. Điều này là cần thiết để xác định các lựa chọn địa điểm cho các kết nối dặm cuối và do đó, các cộng đồng và người DTTS áp dụng các quy trình FPIC có liên quan. Bằng

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

chứng về sự đồng thuận này sẽ được tổng hợp và đệ trình cho GCF trước khi bắt đầu xây dựng trên các hệ thống kết nối dặm cuối.

Những chú ý khác

- Dự án sẽ thực hiện các quy trình tham vấn và lấy ý kiến cộng đồng về các hoạt động can thiệp và xây dựng tại các địa điểm dự án mới ở Khánh Hòa, (ví dụ: xây dựng ao chống chịu khí hậu).
- Bằng chứng về sự đồng ý của cộng đồng và người DTTS đối với các đợt ao tiếp theo, dự kiến sẽ bắt đầu vào quý 2-quý 3 năm 2023, sẽ được thu thập và tải lên thư mục trực tuyến phù hợp trước khi xây dựng.
- Đối với các hệ thống kết nối dặm cuối trong hoạt động 1.2.1, việc xác định người hưởng lợi và thiết kế sẽ được bắt đầu vào quý 4 năm 2023. Biểu mẫu cam kết hệ thống kết nối dặm cuối với từng người hưởng lợi sẽ được thu thập trước bất kỳ công trình nào theo cơ chế tham vấn lặp đi lặp lại và quy trình đồng ý của dự án và được tải lên thư mục trực tuyến tương ứng
- Thư mục đính kèm có cấu trúc như sau:
 - Tỉnh
 - Biên bản họp Tham vấn
 - Mẫu cam kết ao
 - Mẫu cam kết ao riêng
 - Mẫu cam kết ao chung
 - Thư mục đính kèm được xem như một thư mục cập nhật, bằng chứng FPIC tiếp theo về sự đồng thuận của cộng đồng và người DTTS sẽ được tải lên

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tóm tắt bằng chứng FPIC tại địa điểm dự án

Tỉnh	Huyện	Xã	Sự có mặt của DTTS	Các nhóm DTTS chính	Sự có mặt của trưởng thôn/già làng trưởng bản/cán bộ UBND xã người DTTS trong các cuộc tham vấn	Sự có mặt của Hội Phụ nữ trong các cuộc tham vấn	Hoạt động dự án được áp dụng	Bằng chứng FPIC		
								Biên bản họp Tham vấn	Mẫu cam kết ao riêng	Mẫu cam kết ao chung
								<i>Ngày</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Số lượng</i>
Đắk Lắk	Ea Hleo	Ea DRăng	Có	Ê Đê, Jarai, Mường, Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	22/12/2022	1	0
		Ea Sol	Có	Ê Đê, Jarai, Mường, Nùng	Có	Có	1.3.1	26/12/2022	18	0
		Dliê Yang	Có	Ê Đê, Dao, Jarai	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	23/12/2022	16	0
	Cu Mgar	Quảng Tiến	Không				1.2.1; 1.3.1	27/12/2022	2	0
	Ea Kar	Ea Sô	Có	Ê Đê, Dao, Mường, Tày	Có	Có	1.3.1	13/12/2022	19	2

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tỉnh	Huyện	Xã	Sự có mặt của DTTS	Các nhóm DTTS chính	Sự có mặt của trưởng thôn/già làng trưởng bản/cán bộ UBND xã người DTTS trong các cuộc tham vấn	Sự có mặt của Hội Phụ nữ trong các cuộc tham vấn	Hoạt động dự án được áp dụng	Bảng chứng FPIC		
								Biên bản họp Tham vấn	Mẫu cam kết ao riêng	Mẫu cam kết ao chung
								Ngày	Số lượng	Số lượng
		Ea Sar	Có	Ê Đê, Tày, Thái, Nùng	Có	Có	1.3.1	14/12/2022	34	5
		Xuân Phú	Có	Ê Đê, Tày, Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	13/12/2022	1	0
	Krông ăk	Krông Búk	Có	Ê Đê, Tày, Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	12/15/2022	6	1
		Ea Phê	Có	Ê Đê, Tày, Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	12/16/2022	15	0
		Ea Yông	Có	Ê Đê, Tày, Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	19/12/2022	16	0
		Ea Kênh	Có	Ê Đê, Tày, Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	20/12/2022	16	5
	Ninh Thuận	Ninh Hải	Phương Hải	Không				1.2.1; 1.3.1	Các hoạt động áp dụng chưa được bắt đầu	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tỉnh	Huyện	Xã	Sự có mặt của DTTS	Các nhóm DTTS chính	Sự có mặt của trưởng thôn/già làng trưởng bản/cán bộ UBND xã người DTTS trong các cuộc tham vấn	Sự có mặt của Hội Phụ nữ trong các cuộc tham vấn	Hoạt động dự án được áp dụng	Bảng chứng FPIC		
								Biên bản họp Tham vấn	Mẫu cam kết ao riêng	Mẫu cam kết ao chung
								Ngày	Số lượng	Số lượng
		Xuân Hải	Có	Chăm	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	Các hoạt động áp dụng chưa được bắt đầu		
		Tri Hải	Không				1.2.1; 1.3.1	Các hoạt động áp dụng chưa được bắt đầu		
		Nhon Hải	Có	Chăm, Hoa	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	Các hoạt động áp dụng chưa được bắt đầu		
	Ninh Sơn	Mỹ Sơn	Có	Raglai	Có	Có	1.3.1	25/10/2022	0	4
		Nhon Sơn	Có	Chăm	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	25/10/2022	4	2
	Thuận Bắc	Phước Chiến	Có	Raglai	Có	Có	1.3.1	01/11/2022	3	2
		Phước Kháng	Có	Raglai	Có	Có	1.3.1	26/10/2022	3	1
		Lợi Hải	Có	Raglai	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	01/11/2022	5	13

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tỉnh	Huyện	Xã	Sự có mặt của DTTS	Các nhóm DTTS chính	Sự có mặt của trường thôn/già làng trường bản/cán bộ UBND xã người DTTS trong các cuộc tham vấn	Sự có mặt của Hội Phụ nữ trong các cuộc tham vấn	Hoạt động dự án được áp dụng	Bảng chứng FPIC			
								Biên bản họp Tham vấn	Mẫu cam kết ao riêng	Mẫu cam kết ao chung	
								Ngày	Số lượng	Số lượng	
		Bắc Sơn	Có	Chăm và Raglai	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	10/28/2022	9	5	
		Bắc Phong	Không					1.2.1; 1.3.1	Các hoạt động áp dụng chưa được bắt đầu		
		Bác Ái	Phước Tân	Có	Raglai	Có	Có	1.3.1	28/10/2022	10	3
		Phước Thắng	Có	Raglai	Có	Có	1.3.1	24/11/2022	8	5	
		Phước Thành	Có	Raglai	Có	Có	1.3.1	27/10/2022	7	10	
		Phước Trung	Có	Raglai	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	26/10/2022	6	9	
	Bình Thuận	Hàm Thuận Nam	Thuận Nam	Có	Mường (0,17% dân số)	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	15/02/2023	Trong giai đoạn khảo sát ao chống chịu khí hậu	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tỉnh	Huyện	Xã	Sự có mặt của DTTS	Các nhóm DTTS chính	Sự có mặt của trường thôn/già làng trường bản/cán bộ UBND xã người DTTS trong các cuộc tham vấn	Sự có mặt của Hội Phụ nữ trong các cuộc tham vấn	Hoạt động dự án được áp dụng	Bảng chứng FPIC		
								Biên bản họp Tham vấn	Mẫu cam kết ao riêng	Mẫu cam kết ao chung
								Ngày	Số lượng	Số lượng
		Mỹ Thạnh	Có	Raglai	Có	Có	1.3.1	16/02/2023	Trong giai đoạn khảo sát ao chống chịu khí hậu	
		Hàm Càn	Có	Raglai	Có	Có	1.3.1	23/02/2023	Trong giai đoạn khảo sát ao chống chịu khí hậu	
		Tân Lập	Có	Hre	Có	Có	1.3.1	15/02/2023	Trong giai đoạn khảo sát ao chống chịu khí hậu	
		Tân Thành	Không				1.2.1; 1.3.1	15/02/2023	Trong giai đoạn khảo sát ao chống chịu khí hậu	
		Tân Thuận	Có	Chăm	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	15/02/2023	Trong giai đoạn khảo sát ao chống chịu khí hậu	
		Đức Linh	Tân Hà	Có	Chauro	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	Các hoạt động áp dụng chưa được bắt đầu	
	Đông Hà		Có	Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	Các hoạt động áp dụng chưa được bắt đầu		
	Trà Tân:		Có	Chauro	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	17/02/2023	Trong giai đoạn khảo sát ao chống chịu khí hậu	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tỉnh	Huyện	Xã	Sự có mặt của DTTS	Các nhóm DTTS chính	Sự có mặt của trưởng thôn/già làng trưởng bản/cán bộ UBND xã người DTTS trong các cuộc tham vấn	Sự có mặt của Hội Phụ nữ trong các cuộc tham vấn	Hoạt động dự án được áp dụng	Bảng chứng FPIC		
								Biên bản họp Tham vấn	Mẫu cam kết ao riêng	Mẫu cam kết ao chung
								<i>Ngày</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Số lượng</i>
Đắk Nông	Cư Jut	Ea Tling	Có	Có	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	04/01/2023	12	2
		Nam Đông	Có	Tày, Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	04/01/2023	17	1
		Đắk DRông	Có	Tày, Nùng, Hmông, Dao, Mnông	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	05/01/2023	9	5
		Tâm Thắng	Có	Êđê, Mnông, Nùng, Thái	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	06/01/2023	6	0
		Cư Knia	Có	Tày, Thái, Mường, Nùng, Hmông	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	05/01/2023	4	2

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tỉnh	Huyện	Xã	Sự có mặt của DTTS	Các nhóm DTTS chính	Sự có mặt của trưởng thôn/già làng trưởng bản/cán bộ UBND xã người DTTS trong các cuộc tham vấn	Sự có mặt của Hội Phụ nữ trong các cuộc tham vấn	Hoạt động dự án được áp dụng	Bảng chứng FPIC		
								Biên bản họp Tham vấn	Mẫu cam kết ao riêng	Mẫu cam kết ao chung
								Ngày	Số lượng	Số lượng
		Trúc Sơn	Có	Tày, Nùng, Dao	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	06/01/2023	3	1
	Đắk Mil	Đắk Lao	Có	Tày, Khmer, Nùng, Hrê, Thổ	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	13/01/2023	4	0
		Đức Mạnh	Có	Tày, Thái, Dao	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	11/01/2023	6	0
		Long Sơn	Có	Tày, Nùng, Dao	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	12/01/2023	4	0
		Đắk Sắk	Có	Mnong, Dao	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	12/01/2023	1	2
		Thuận An	Có	Mnông, Tày, Mường, Nùng	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	13/01/2023	2	0

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tỉnh	Huyện	Xã	Sự có mặt của DTTS	Các nhóm DTTS chính	Sự có mặt của trường thôn/già làng trưởng bản/cán bộ UBND xã người DTTS trong các cuộc tham vấn	Sự có mặt của Hội Phụ nữ trong các cuộc tham vấn	Hoạt động dự án được áp dụng	Bảng chứng FPIC		
								Biên bản họp Tham vấn	Mẫu cam kết ao riêng	Mẫu cam kết ao chung
								Ngày	Số lượng	Số lượng
		Đức Minh	Có	Mnong	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	12/01/2023	1	0
	Krông Nô	Đắk Sôr	Có	Tày, Nùng	Có	Có	1.3.1	10/01/2023	7	3
		Nam Xuân	Có	Tày, Thái, Nùng, Dao	Có	Có	1.2.1; 1.3.1	10/01/2023	10	0
		Đắk Drô	Có	Mnông, Tày, Thái, Nùng, Dao	Có	Có	1.3.1	09/01/2023	6	1
		Nam Nung	Có	Mnông, Tày, Thái, Dao, Nùng, Mường	Có	Có	1.3.1	09/01/2023	18	0
		Tổng						44	343	50
Khánh Hòa		Việc triển khai dự án đang chờ phê duyệt Tài liệu đề xuất tái cơ cấu FP125-UNDP-06032023-RP.								

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Phụ lục IVa – Ví dụ về biên bản cuộc họp tham vấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THAM VẤN

*(V/v Tham vấn Thiết kế Ao & Kế hoạch quản lý môi trường
Dự án GCF2-SACCR tỉnh Bình Thuận)*

Hôm nay, lúc 14 giờ 00 ngày 16/02/2023, tại Hội trường UBND xã Hàm Càn – huyện Hàm Thuận Nam. Ban QLDA SACCR Bình Thuận tổ chức buổi làm việc với UBND xã Hàm Càn về nội dung: Tham vấn thiết kế Ao & Kế hoạch quản lý môi trường Dự án GCF2-SACCR tỉnh Bình Thuận với thành phần tham dự như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đại diện Ban Quản lý dự án SACCR Bình Thuận

Ông: Phạm Hữu Thủ Chức vụ: Điều phối viên lĩnh vực nông nghiệp;
Ông: Bùi Quốc Dũng Chức vụ: Điều phối viên lĩnh vực thủy lợi;
Bà: Lê Phương Thảo Chức vụ: Chuyên gia CSAT XHMT (M&E).

2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Hàm Càn

Bà: Nguyễn Thị Hồng Sáng Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã;
Bà: Nguyễn Thị Hà Chức vụ: Chủ tịch Hội phụ nữ xã;
Ông: Mai Văn Phân Chức vụ: Cán bộ Nông nghiệp xã;
Ông: Mang Văn Khôi Chức vụ: Bí thư Chi bộ Thôn 1;

Và các hộ hưởng lợi Ao của địa phương.

3. Đại diện Tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần Thiết kế - Xây dựng - Thương mại Trường Thành

Ông: Lê Thúc Thuần Chức vụ: Giám đốc.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Phổ biến lại thông tin Dự án: Đối tượng hưởng lợi theo tiêu chí Dự án GCF2 - SACCR: Nghèo – cận nghèo, Đồng bào DTTS, Phụ nữ trụ cột có diện tích canh tác bằng 1 ha hoặc dưới 1 ha.
2. Dự án GCF2 – SACCR không hỗ trợ các hộ trồng lúa.
3. Thông tin các gói hỗ trợ của Dự án GCF2 - SACCR.
4. Thông báo cho từng hộ hưởng lợi biết về các thông số kỹ thuật của Ao gồm: Kích thước ao (dài, rộng, sâu); diện tích chiếm đất; dung tích trữ nước của Ao; giá trị dự toán ao...
5. Tham vấn Khung chính sách an toàn xã hội, khung giám sát môi trường, sàng lọc rủi ro liên quan tới người DTTS, đánh giá sự cần thiết xây dựng kế hoạch DTTS.
6. Thông qua Quy chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, phản ánh.
7. Thực hiện sàng lọc các nguy cơ Rủi ro của Dự án tới cộng đồng các dân tộc thiểu số.
8. Đăng ký môi trường tại địa phương.

III. Ý KIẾN CUỘC HỌP

Ông Phạm Hữu Thủ: Giới thiệu thành phần BQL Dự án SACCR - Bình Thuận tham gia buổi làm việc và thông tin về nội dung của buổi làm việc theo Công văn số 17/GM-SACCRBT ngày 10/02/2023 của BQL Dự án SACCR tỉnh Bình Thuận về việc Tham vấn

thiết kế Ao; Phổ biến quy chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện & Khung chính sách an toàn Xã hội - Môi trường Dự án GCF2-SACCR.

Ông Bùi Quốc Dũng: Buổi tham vấn mời các hộ hưởng lợi từ Ao, xã có 325 hộ hưởng lợi, trong đó có 24 ao đã được nhà tài trợ đồng thuận. Thông báo cho từng hộ hưởng lợi về xây dựng, nâng cấp ao biết các thông số kỹ thuật của Ao gồm: Kích thước ao (dài, rộng, sâu); diện tích chiếm đất; dung tích trữ nước của Ao; giá trị dự toán ao; giới thiệu đơn vị tư vấn thiết kế (Công Ty CP TK-XD-TM Trường Thành)...

Bà Lê Phương Thảo: Thông qua Khung giám sát bảo vệ môi trường. Trong quá trình thi công, bắt buộc nhà thầu phải tuân thủ Khung giám sát bảo vệ môi trường, đồng thời Nhà thầu thi công phải phổ biến cho các hộ dân và chính quyền địa phương biết để nắm và chúng ta cùng nhau phối hợp giám sát việc tuân thủ của nhà thầu, nắm hạn chế rủi ro hay ảnh hưởng mức thấp nhất đến dân sinh khu vực thi công. Phổ biến phiếu sàng lọc nguy cơ rủi ro đến DTTS. Mọi vấn đề thắc mắc hoặc phản ánh các hộ dân có thể phản ánh trực tiếp đến Ban quản lý thôn để nắm bắt và xử lý phản ánh kịp thời.

Ý kiến của người dân:

1. Ông Mang Văn Hùng: Đề nghị Dự án sớm thi công xây dựng đào ao giúp người dân có nguồn nước để tưới cho cây trồng. Việc đào ao nên làm trong mùa khô để dễ dàng thi công.

2. Ông Mang Văn Trung: Tôi nhất trí các nội dung do Ban quản lý dự án phổ biến, đề nghị khi nhà thầu thi công ao phải tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường.

3. Bà La Thị Tám: Đề nghị UBND xã cho phổ thông bản quy chế về khiếu nại và niêm yết tại nhà văn hóa thôn để người dân dễ tiếp.

5. Ông Nguyễn Văn Thuận: Do diện tích đất của tôi hơi ít, tôi muốn xây dựng ao nhỏ hơn được không so với kích thước mà cán bộ dự án phổ biến.

Bà Nguyễn Thị Hồng Sáng – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: Qua nội dung triển khai tại buổi tham vấn Thiết kế ao của BQL Dự án SACCR tỉnh, địa phương tiếp nhận và sẽ chỉ đạo các thôn cùng ban ngành đoàn thể phối hợp với Ban giám sát xử lý kịp thời các phản ánh của người dân để không gây trở ngại chung đồng thời đề nghị nhà thầu khi thi công phải tuân thủ khung giám sát về giám sát bảo vệ môi trường; người dân trong xã cũng phải thực hiện đúng quy chế về khiếu tố, khiếu nại do ban Quản lý dự án phổ biến.

Đề nghị các trường thôn khi sinh hoạt thôn phổ biến các thông tin của dự án để người dân nắm bắt, nhất là về Quy chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại (nếu có), khung giám sát về môi trường.

IV. KẾT LUẬN CUỘC HỌP

Ông Nguyễn Thị Hồng Sáng – Phó Chủ tịch UBND xã: Địa phương thống nhất tất cả thông tin về Thiết kế ao của các hộ hưởng lợi và tiếp nhận quy chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện và đăng ký môi trường của Ban quản lý Dự án SACCR - Bình Thuận.

Ý kiến người dân: Mong muốn dự án sớm thi công đào ao và tuân thủ các khung về chính sách an toàn xã hội và môi trường. Dự án không có rủi ro tới cộng đồng các DTTS, không cần thực hiện lập BB đồng thuận (FIPC) và không phải lập kế hoạch giảm thiểu rủi ro (KH phát triển DTTS). Các hộ hưởng lợi Ao của xã đã tiếp nhận thông tin đầy đủ.

Đại diện các thôn đều thống nhất nội dung cuộc họp.

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

3

Biên bản được thông qua, cuộc họp kết thúc lúc 16 giờ 00 cùng ngày, tất cả thành viên tham dự họp cùng thống nhất với nội dung trên./.

**ĐẠI DIỆN BAN QLDA
SACCR BÌNH THUẬN**


Lê Chương Thái


Trần Quốc Dũng

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN THIẾT KẾ


Lê Thuê Thuận

**ĐẠI DIỆN
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
MÓ CHỮ TỊCH**







Nguyễn Thị Hồng Sang

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)



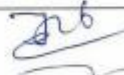
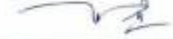
4

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA CUỘC HỌP


1. THÀNH VIÊN BQL DỰ ÁN GCF2 – SACCR TỈNH BÌNH THUẬN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Hữu Phước	Giám đốc Dự án	
2	Phạm Hữu Thủ	Điều phối viên lĩnh vực nông nghiệp	
3	Bùi Quốc Dũng	Điều phối viên lĩnh vực thủy lợi	
4	Lê Phương Thảo	Chuyên gia CSAT Xã hội - Môi trường (M&E)	

2. THÀNH VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ Ký
1	Nguyễn Thị Hồng Sáng	Phó Chủ tịch UBND xã	
2	Nguyễn Thị Hà	Chủ tịch Hội phụ nữ xã	
3	Mai Văn Phấn	Cán bộ Nông nghiệp xã	
4	Mang Văn Khôi	Bí thư Chi bộ Thôn 1	
5.	Nguyễn Ngọc Văn	Trưởng thôn 3	

3. ĐẠI DIỆN TƯ VẤN THIẾT KẾ

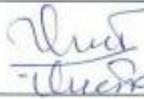



STT	Họ và tên	Chức vụ	Chữ ký
1	Lê Thúc Thuận	Giám đốc	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

4. ĐẠI DIỆN CÁC HỘ DÂN

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ	Số điện thoại	Chữ ký/điểm chỉ
1.	Mang Văn Sơn (Mai Thị Chai)	Nữ	Rai	Thôn 1.	0349659670	Chai
2.	Lê Hữu Tèo (Mang Thị Như)	Nam cháu	Rai	Thôn 1.	0358598 104	Nam
3.	Mang Văn Cu (Nguyễn Thị Kiên)	Nam	Rai	Thôn 2.	0949367299	Kiêu
4.	Mang Thị Hân	Nữ	Rai	Thôn 1	-	
5.	Mang Văn Hùng	Nam	Rai	Thôn 1	0397794203	
6.	Mang Văn Hồ	Nam	Rai	Thôn 1.	0397794203	Hồ
7.	Nguyễn Văn Thuận	Nam	Rai	Thôn 3	0397794203	Thuận
8.	Nguyễn Văn Luận	Nam	Rai	Thôn 3	0325990725	
9.	Là Thị Tâm	Nữ	Rai	Thôn 2	0349856434	Tâm
10.	Nguyễn Thị Mỹ Kỳ	Nữ	Rai	Thôn 3	0357320959	
11.	Nàng Văn Nghị	Nam	Rai	Thôn 1	0353191331	Nghị
12.	Mang Văn Lũ (Chuyên)	Nam	Rai	Thôn 1	0326488 309	
13.	Thiều Dương Huỳnh	Nam	Rai	Thôn 1	0374922 205	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

STT	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ	Số điện thoại	Chữ ký/điểm chỉ
14.	Nai Văn Ngân (Huỳnh Thị Nhung) Vợ (Nữ)	Nam	Rai	Thôn 1	037625 7305	phung
15.	Mang Thị Hòa (Vợ Mang Văn Bửu)	Nữ	Rai	Thôn 1	097766 3490	Hoa
16.	Nguyễn Văn Thuận	Nam	Rai	Thôn 2	08699140 25	
17.	Nguyễn Văn Diệp	Nam	Rai	Thôn 2	03587869 42	
18.	Mãng Văn Phong	Nam	Rai	Thôn 2	0372355 635	Phong
19.	Huỳnh Trúc Khánh	Nam	Rai	Thôn 3	03741075 15	
20.	Nguyễn Thị Mân (Vợ Nguyễn Văn Chương)	Nữ	Rai	Thôn 3	036849 4693	
21.						
22.						
23.						
24.						
25.						

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Phụ lục IVc – Mẫu cam kết ao riêng (tiếng Việt)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Sơn, ngày 21 tháng 11 năm 2022

BẢN CAM KẾT
Về việc xây dựng/nâng cấp và quản lý sử dụng ao riêng AO-01

Đại diện Hộ gia đình: Nàng Thu Hiền (con Mang Dao (058073006555))
Đối tượng hưởng lợi: Nghèo Cận nghèo DTTS Phụ nữ trụ cột 01/01/1973
Điện thoại liên hệ: 09492176574
Hộ khẩu thường trú: Thôn (buôn/bản) Xã Bằng Xã Bắc Sơn
Huyện/thị xã Thuận Bắc Tỉnh Ninh Thuận

Sau khi được Ban quản lý dự án SACCR và chính quyền địa phương thông tin, thay mặt gia đình, tôi cam kết tham gia dự án SACCR nói chung và xây dựng/nâng cấp ao riêng, với những thông tin dưới đây:

1. Thông tin về ao

1.1. Vị trí ao

- Loại ao: Xây mới nâng cấp
- Địa chỉ ao: Thôn Xã Bằng Xã Bắc Sơn huyện Thuận Bắc tỉnh Ninh Thuận
- Kích thước ao (dài, rộng, sâu): 16m x 16m x 3m
- Diện tích ao (m²): 798 m²
- Diện tích tưới dự kiến (ha): 6.000 m²

1.2. Giấy tờ đất làm ao (chọn ô và điền 1 nội dung)

- Đất có sổ đỏ (m²):
- Đất nông nghiệp (m²): 6.000 m²
- Đất phi nông nghiệp (m²):
- Đất khác (m²) (nếu rõ):

1.3. Kinh phí xây dựng (hay nâng cấp) ao

- Dự án SACCR hỗ trợ: 32 triệu đồng (không bao gồm chi phí thiết kế, giám sát).
- Gia đình đóng góp:
 - o Bằng hiện vật (cát/xi chống thấm, cây trồng xung quanh bờ ao.....)
 - o Bằng công lao động (ngày): 5 ngày

2. Cam kết của gia đình:

- Tham gia vào nhóm Lớp học đồng ruộng (FFS) và tham dự đầy đủ các buổi tập huấn do Dự án tổ chức;
- Đóng góp đầy đủ như cam kết; chủ động hoàn thiện các hạng mục phụ trợ (trồng cây xung quanh bờ ao, làm hàng rào bảo vệ, tạo kênh lấy nước...); bố trí vị trí bãi để đồ đạc không ảnh hưởng tới môi trường.
- Khi có thay đổi về quy mô ao (diện tích, chiều sâu) phải báo cho Ban quản lý dự án của tỉnh;

HD-AO-01-01

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

- Khi chuyển nhượng/bán diện tích đất đảo ao thì phải có xác nhận của UBND xã.
- Chia sẻ nguồn nước ao cho các hộ khác khi có thể.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả ao ít nhất đến năm 2030;
- Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, hỗ trợ cho các hoạt động Dự án và cộng đồng từ năm 2022 đến tháng 6 năm 2026.
- Có trách nhiệm và chủ động thu xếp kinh phí bảo dưỡng, tôn tạo ao hàng năm; chủ động các hoạt động như nạo vét, tôn tạo ao định kỳ;
- Có trách nhiệm tham gia bảo vệ an toàn cho trẻ em; bảo vệ môi trường cho ao nói chung.
- Các cam kết, thỏa thuận khác (nếu có, tùy thuộc vào từng ao, từng tỉnh)

Bản cam kết này đã được đọc rõ ràng, và hộ gia đình đã hiểu rõ các nội dung.

Người cam kết (Họ tên, chữ ký/ dấu điểm chỉ)	Xác nhận của Trưởng thôn (buôn/bản) (Họ tên, chữ ký)	Xác nhận của UBND xã (chữ ký, đóng dấu)	Xác nhận của BQL Dự án tỉnh (chữ ký, đóng dấu)
 Mang Dao (lấy thay mẹ)	 Mang Dao	 Mang Dao	

HD-AO-01-01

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Tham khảo mẫu cam kết ao riêng gửi kèm tại công thư của UNDP ngày 31/10/2022

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Phụ lục IVe – Mẫu cam kết ao chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

L. Khanh ngày 15 tháng 11 năm 2022

BẢN CAM KẾT

Về việc xây dựng/nâng cấp và quản lý sử dụng ao chung

Sau khi được Ban quản lý dự án SACCR và chính quyền địa phương thông tin, chúng tôi gồm các thành viên có danh sách dưới đây cùng nhau cam kết về việc xây dựng (hay nâng cấp), quản lý sử dụng ao chung với những thông tin dưới đây.

1. Thông tin về ao chung

1.1. Vị trí ao chung

- Tên ao chung: AO-03
- Người đại diện cho các thành viên: Chamala Be
- Loại ao chung: Xây mới nâng cấp
- Địa chỉ ao chung: Thôn Suối Le xã P. Khanh huyện T. Bắc tỉnh Ninh Thuận
- Diện tích ao (m²): 2.139 m²
- Diện tích tưới thiết kế (ha): 1500 m²

1.2. Nguồn gốc đất xây dựng/nâng cấp ao (chọn ô và điền 1 nội dung)

- Đất chung do UBND xã quản lý (m²):
- Đất do các thành viên đóng góp (m²):
- Đất do 01 hộ đứng tên nhưng cho các hộ khác dùng chung (m²): 2.139 m²

1.3. Kinh phí xây dựng (hay nâng cấp) ao

- Dự án SACCR hỗ trợ: 14 triệu đồng (không bao gồm chi phí thiết kế, giám sát).
- Các thành viên đóng góp:
 - o Bằng hiện vật (cát/xi chống thấm, cây trồng xung quanh bờ ao.....)
 - o Bằng công lao động (ngày): 21 ngày

Chi tiết đóng góp của từng thành viên kèm theo

2. Nội dung cam kết:

- Tham gia Tổ hợp tác quản lý, sử dụng ao AO-03 theo hình thức Hợp đồng hợp tác, tuân thủ các quy định của Hợp đồng hợp tác.
- Tham gia vào nhóm Lớp học đồng ruộng (FFS) và tham dự đầy đủ các buổi tập huấn do Dự án tổ chức;
- Đóng góp đầy đủ như cam kết (trồng cây xung quanh bờ ao, làm hàng rào bảo vệ, tạo kênh lấy nước, ngày công...), bố trí vị trí bãi để đồ đất mức ao mà không ảnh hưởng tới môi trường
- Khi có thay đổi về quy mô ao (diện tích, chiều sâu) phải báo cho Ban quản lý dự án của tỉnh;

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

- Trường hợp đất đào ao do một hay đất do hộ thành viên đóng góp thì khi chuyển nhượng/bán diện tích đất đào ao cần có sự thống nhất của các thành viên để không phương hại tới lợi ích dùng ao chung của các thành viên và có xác nhận UBND xã.
- Chia sẻ nguồn nước cho các hộ bên ngoài Tổ khi có thể và khi có sự thống nhất của các thành viên.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả ao chung ít nhất đến năm 2030;
- Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, hỗ trợ cho các hoạt động Dự án và cộng đồng từ năm 2022 đến tháng 6 năm 2026.
- Có trách nhiệm và chủ động thu xếp kinh phí bảo dưỡng, tôn tạo ao hàng năm, chủ động các hoạt động như nạo vét, tôn tạo ao định kỳ;
- Có trách nhiệm tham gia bảo vệ an toàn cho trẻ em, bảo vệ môi trường cho ao nói chung.
- Các cam kết, thỏa thuận khác (nếu có, tùy thuộc vào từng ao, từng tỉnh)

Bản cam kết này đã được đọc rõ ràng, các thành viên đã hiểu rõ các nội dung. Được lập thành ... bản có giá trị như nhau, trong đó: Mỗi hộ thành viên giữ 01 bản; UBND xã: 01 bản; và Ban quản lý Dự án SACCR tỉnh: 01 bản.

D. Khanh..., ngày *15* tháng *11* năm *2022*

Đại diện cho các thành viên (Họ tên, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ)	Xác nhận của Trưởng thôn (buôn/bản) (Họ tên, chữ ký)	Xác nhận của UBND xã (Chữ ký, đóng dấu)	Xác nhận của Ban quản lý Dự án SACCR tỉnh (chữ ký, đóng dấu)
 <i>Chamaléa Bé</i>	 <i>Kotak Talh</i>	 <i>PHUOC KHANG H. THUAN</i>	

Chamaléa Hiêu

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

DANH SÁCH VÀ CAM KẾT ĐÓNG GÓP CỦA THÀNH VIÊN

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Đối tượng dự án (1)	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp CMND/CCCD	Phần đóng góp			Diện tích tưới thiết kế (ha)	Chữ ký thành viên
								Diện tích đất (m ²)	Hiện vật	Ngày công		
01	Chamaleá Be'	1983	Nam	3	Suối Le	Suối Le, Phước Khương	05808100 6280	2139		7	5.000	
02	Chamaleá Thị Bành	1970	Nữ	1	Suối Le	Suối Le, Phước Khương	05217-0803 220	0		7	5.000	
03	Chamaleá Huân	1985	Nam	2	Suối Le	Suối Le, Phước Khương	058074005 059	0		7	5.000	

Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Phụ lục IVf – Bản dịch mẫu cam kết ao chung

Tham khảo mẫu cam kết ao chung gửi kèm tại công thư của UNDP ngày 31/10/2022